SÁCH THAM KHẢO HÁN NÔM

ỦY BAN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
BAN HÁN NÔM

THƠ VĂN PHAN HUY ÍCH

TẬP II

DỤ AM NGÂM LỤC

VV006370

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

ỦY BAN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
BAN HÁN NÔM

THƠ VĂN PHAN HUY ÍCH

TẬP II

DỤ AM NGÂM LỤC

SÁCH II

TINH SÀ KỶ HÀNH

SÁCH III

DẬT THI LƯỢC TOẢN

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI — 1978

SÁCH II

TINH SÀ KỶ HÀNH

(1790)

99

出關

塞北天高六轡均，
滿山旗蓋護征塵。
是行雅睦衣裳會，
似我學常翰墨人。
鄉國雞晴駒唱罷，
林巒霽色鳥聲頻。
扶搖九萬纔當瞬，
諮度初程眼界新。

PHIÊN ÂM :

XUẤT QUAN

Tái bắc thiên cao lục bí quân,
Mãn sơn kỳ cái hộ chinh trần.
Thị hành ung mục y thường hội,
Tự ngã tầm thường hàn mặc nhân.
Hương quốc ly tình câu xướng bãi,
Lâm loan tễ sắc điểu thanh tần.
Phù dao cửu vạn tài đương thuấn,
Tư đạc sơ trình nhãn giới tân.

DỊCH NGHĨA :

RA CỬA ẢI

(Nguyên dẫn: Giờ Tỵ ngày 15 tháng 4 mở cửa ải, phụng mệnh đến làm lễ ở đài Chiêu Đức [1]. Các quan đốc phủ và đề trấn dẫn đầu các viên chức, các đạo, đài, phủ, huyện tiếp đưa lên đường. Ngựa xe cờ xí sáng rực núi khe).

Ải bắc trời cao, cỗ xe tứ mã chạy đều,
Đầy núi cờ lọng hộ vệ người đi xa.
Chuyến đi này là hội áo xiêm hòa mục [2],
Nghĩ mình chỉ là một văn nhân bình thường !
Khúc ly câu [3] ngâm xong gợi tình đất nước,
Tiếng chim kêu hoài rừng núi tạnh quang.
Cánh bằng bay chín vạn dặm [4] trong chớp mắt,
Lần đầu đi sứ tầm mắt mới lạ.

CHÚ THÍCH :

(1) Đài Chiêu Đức ở tỉnh Lạng Sơn.

(2) Hội áo xiêm : Đối lập với hội binh xa, chỉ cuộc hội họp hòa bình, không phải cuộc hội họp về việc chiến tranh.

(3) Khúc Ly câu : Tên một khúc hát tiễn biệt thời xưa.

(4) Sách *Trang Tử* có chép « Chim bằng bay về biển Nam, nước trào lên ba nghìn dặm, cưỡi gió cuốn mà bay lên chín vạn dặm ». Do đó trong văn thơ người ta dùng chữ « cánh bằng » để nói đến chí lớn.

100

(Xem Phụ lục ở tập III)

101

(. . . . .)

102

和答武工部

粵水燕山遠駕驎，
梅亭觴詠一般春。
人生際遇多非意，
君子交遊久必親。
此去險夷經客路，
本來忠信壯吾身。
周諏且喜聯征袂，
聾鹽情懷半截分。

PHIÊN ÂM :

HỌA ĐÁP VŨ CÔNG BỘ

Việt thủy Yên sơn viễn giá nhân,
Mai đình tràng vịnh nhất ban xuân.
Nhân sinh tế ngộ đa phi ý,
Quân tử giao du cửu tất thân.
Thử khứ hiểm di kinh khách lộ,
Bản lai trung tín tráng ngô thân.
Chu tu thả hỷ liên chinh duệ,
Mỵ cố tình hoài bán tiệt phân.

DỊCH NGHĨA :

HỌA VẦN ĐÁP LẠI VŨ CÔNG BỘ (1)

Thắng ngựa trên miền non Yên nước Việt xa xôi,
Chén rượu câu thơ chốn đình mai chung một màu xuân.
Đời người gặp gỡ nhiều điều trái ý,
Quân tử giao du lâu tất thân nhau.

CHÚ THÍCH :

(1) Vũ Công bộ : Thượng thư bộ Công Vũ Huy Tân người làng Mộ Trạch huyện Đường An, năm 1790 cùng đi sứ nhà Thanh với Phan Huy Ích ; từng giữ chức Thị lang bộ Công, tước Hạo Trạch Hầu.

Chuyến đi này khó dễ đều qua đất khách,
Lòng trung tin sẵn có làm thân mình mạnh mẽ;
Thăm hỏi khắp nơi, hãy mừng có bạn đường,
Tâm tình này cùng chia sẻ nỗi vất vả.

103

(Xem Phụ lục ở tập III)

104

(.....)

105

(Xem Phụ lục ở tập III)

106

廣城公館恭值先妣諱辰
又奉先考夏祭禮早起感作

繁華樓院駐征輪，
遊子鄉心倍感辰。
三十年來萱室夢，
九千里外練衰人。
未能塵滴酬先澤，
虛愧軒裳有此身。
南極曉雲凝盼久，
瓊筵不禁客眉顰。

PHIÊN ÂM :

QUẢNG THÀNH CÔNG QUÁN CUNG TRỊ TIỆN TỶ HÚY THẦN, HỰU PHỤNG TIỆN KHẢO HẠ TẾ LỄ TẢO KHỞI CẢM TÁC

Phồn hoa lâu viện trú chinh luân,
Du tử hương tâm bội cảm thần.
Tam thập niên lai huyên thất mộng,
Cửu thiên lý ngoại luyện thôi nhân.
Vị năng trần chích thù tiên trạch,
Hư quý hiên thường hữu thử thân.
Nam cực hiểu vân ngưng miện cửu,
Quỳnh diên bất cấm khách mi tần.

DỊCH NGHĨA :

KHI Ở CÔNG QUÁN THÀNH QUẢNG CHÂU, GẶP NGÀY GIỖ THÂN MẪU, LẠI GẶP KỲ TẾ MÙA HẠ CỦA THÂN PHỤ, DẬY SỚM CẢM TÁC

Xe dừng ở lầu viện nơi phồn hoa,
Lòng nhớ quê của kẻ đi xa xiết bao xúc động.
Ba chục năm nay chiêm bao thấy nhà huyên [1],
Ngoài chín nghìn dặm làm người mang áo tang.
Chưa đền đáp được mảy may công ơn người trước,
Luống thẹn tấm thân có áo mũ ngày nay.
Ngắm mây sớm ở phương Nam giờ lâu,
Trong tiệc bất giác lông mày khách nhíu lại.

DỊCH THƠ :

Chợt dừng xe ở đất phồn hoa,
Thức dậy tình quê đứa trẻ xa.
Ba chục năm dài mơ bóng mẹ,
Chín nghìn dặm lẻ giỗ đầu cha.

CHÚ THÍCH :

(1) Nhà huyên : Chỉ người mẹ.

Mảy may chưa báo ơn người trước,
Xe, mũ, càng thêm hổ phận ta.
Dán mắt trời Nam, mây sớm lượn,
Tiệc hoa khôn cầm nét mày sa.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

107—108

(Xem Phụ lục ở tập III)

109

書懷柬陵翰林

二十年前莫逆交，
世途更歷幾風濤。
塵纓似我輸先著，
花塢非君負故巢。
作客還羞三士重，
同盟且讓一人高。
玉關生入規閒早，
未必園林貴鮮嘲。

PHIÊN ÂM :

THƯ HOÀI GIẢN ĐOÀN HÀN LÂM

Nhị thập niên tiền mạc nghịch giao,
Thế đồ canh lịch kỷ phong đào.
Trần anh tự ngã thâu tiên trước,
Hoa ổ phi quân phụ cố sào.

Tác khách hoàn tu tam sỹ trọng,
Đồng minh thả nhượng nhất nhân cao.
Ngọc quan sinh nhập qui nhàn tảo,
Vị tất viên lâm khẳng giải trào.

DỊCH NGHĨA :

GHI CẢM HOÀI GỬI QUAN HÀN LÂM HỌ ĐOÀN [1]

(Nguyên dẫn : Cờ sứ còn đang dùng dằng thì cảnh khói sóng lại tăng thêm nỗi buồn cho kẻ đi xa. Thuyền tiên lênh đênh. Cây mùa xuân với mây buổi chiều những an ủi niềm tưởng nhớ cổ nhân. Dựa lan can cảm khái, vội viết mấy lời).

Kết bạn từ hai mươi năm, chẳng hề sai trái,
Đường đời từng trải bao sóng gió.
Dải mũ bụi có lẽ ta thua kém ông [2],
Vườn hoa chẳng phải ông đã phụ với tổ cũ (A).
Làm khách vẫn thẹn không nặng bằng ba kẻ sĩ (B),
Bạn bè, hãy nhường giá cao cho một người bạn (C).
Sống về ải ngọc [3] sớm tìm nhàn hạ,
Trong cảnh điền viên chưa chắc giải thích về lời chê nhạo (4).

NGUYÊN CHÚ :

(A) Họ Đoàn hồi ở quê hương, có làm cái chòi ở trong vườn hoa nhà mình gọi là « Phong nguyệt sào » (tổ gió trăng) ngâm vịnh ở trong đó, tự hiệu là Sào Ông.

(B) Vua nước Triệu đi triều cống nước Tần, chọn bọn Qui Lương đi theo và nói : « Ta có ba kẻ sĩ đủ làm cho nước Triệu có sức nặng ».

(C) Ta có ba người bạn, chỉ có Nguyễn Chi Phong là người phóng khoáng nhất.

CHÚ THÍCH :

(1) Họ Đoàn : Chỉ Đoàn Nguyễn Tuấn, người cùng đi trong sứ bộ với Phan sang Thanh năm 1790.

(2) Ý câu thơ nói trong cõi trần tục này thì ta còn kém ông một bước.

(3) Cửa ải ngọc : Chỉ cửa ải Nam Quan.

(4) Dương Hùng nhà Hán viết kinh *Thái huyền*, người thời bấy giờ cười ông, ông viết bài *Giải trào* (giải thích lời chê diễu). Ý câu thơ nói trở về sống với cảnh điền viên cũng chẳng cần giải thích gì nữa mặc dầu có tiếng cười của người đời.

110—112

(Xem Phụ lục ở tập III)

113

舟程夜進即事

畫舸辭纜迄清瀾，
遠近郵戍五夜闌。
鳧渚棠迴聞棹響，
蛟宮照耀仰燈竿。
星光犀盖實相敬，
霧氣侵衾夏亦寒。
欸乃數聲何處是，
漁翁驚避過前灘。

PHIÊN ÂM :

CHU TRÌNH DẠ TIẾN TỨC SỰ

Họa thuyền giải lãm phiếm thanh lan,
Viễn cận bưu tiên ngũ dạ lan.
Phù chử oanh hồi văn trạo hưởng,
Giao cung chiêu diệu ảnh đăng can.
Tinh quang cử trản tân tương kính,
Vụ khí xâm song hạ diệc hàn.
Ái nãi số thanh hà xứ thị,
Ngư ông kinh tỵ quá tiền than.

DỊCH NGHĨA :

THƠ TỨC SỰ ĐI THUYỀN BAN ĐÊM

Cời neo, chèo thuyền vẽ lênh đênh trên sóng xanh,
Thẻ cầm canh[1] các trạm xa gần báo trống canh năm tan rồi.
Bến chim le vòng vèo, vang tiếng mái chèo,
Cung giao long[2] lấp lánh in lên cột đèn.
Dưới ánh sao nâng chén, tân khách kính trọng nhau,
Hơi sương mù lọt vào cửa sổ, đêm hè thấy lạnh.
Vài tiếng « hò khoan » từ đâu vọng lại ?
Thuyền đánh cá sợ hãi né tránh qua ghềnh phía trước.

CHÚ THÍCH :

(1) Thẻ cầm canh : Trong chế độ quan lại cũ, đêm đến linh phải chia phiên nhau thức canh gác ; mỗi canh bỏ một cái thẻ rồi đánh trống cầm canh.

(2) Cung giao : Giao là con thuồng luồng, tức con giao long. « Giao cung » hay « Long cung » cũng là cung vua thủy tế. Trong thơ dùng để chỉ vùng sông nước.

114—117

(Xem Phụ lục ở tập III)

118

渡潯陽江望琵琶亭

名娃珠滴送銀箏，
憑寄青衫倚棹聽。
淪落天涯同感慨，
徘徊月夜有歌行。

九江烟水多遷客，
千古風流獨短亭。
芳草渡頭征思遠，
舟人挑撥二弦聲。

PHIÊN ÂM :

ĐỘ TÂM DƯƠNG GIANG VỌNG TỲ BÀ ĐÌNH

Danh oa châu trích tăng ngân tranh,
Bằng ký thanh sam ý trạo thính.
Luân lạc thiên nhai đồng cảm khái,
Bồi hồi nguyệt dạ hữu ca hành.
Cửu giang yên thủy đa thiên khách,
Thiên cổ phong lưu độc đoản đình.
Phương thảo độ đầu chinh tứ điểu,
Chu nhân khiêu bát nhị huyền thanh.

DỊCH NGHĨA :

QUA SÔNG TÂM DƯƠNG TRÔNG ĐÌNH TỲ BÀ [1]

Giọt châu cô gái đẹp nhỏ xuống phím đàn tranh bạc,
Nhờ gửi chàng áo xanh [2] dựa mái chèo lắng nghe.
Lưu lạc chân trời, chung niềm cảm khái,
Bồi hồi đêm trăng một khúc ca hành.

CHÚ THÍCH :

(1) Đình Tỳ Bà : Ở trên bến sông về phía tây huyện Cửu Giang tỉnh Giang Tây. Khi nhà thơ Bạch Cư Dị đời Đường bị biếm đi làm chức Tư mã ở Giang Châu, ban đêm tiễn khách trên sông Tầm Dương nghe thuyền bên có người con gái gảy đàn Tỳ Bà hát, nhà thơ cảm xúc viết bài « Tỳ Bà hành ». Đời sau người ta xây đình Tỳ Bà ở trên sông Tầm Dương để kỷ niệm nhà thơ với áng thơ tuyệt tác.

(2) Chàng áo xanh : Trong đoạn kết của bài « Tỳ Bà hành » có câu :

Tọa trung khấp hạ thùy tối đa,
Giang Châu Tư mã thanh sam thấp.
(Lệ ai chan chứa hơn người,
Giang Châu Tư mã đượm mùi áo xanh)

(Lời dịch của Phan Huy Vịnh)

Khói nước Cửu Giang, bao người bị biếm truất tới[1],
Phong lưu nghìn thuở, riêng chiếc đình nhỏ này.
Đầu bến cỏ thơm, lòng khách đi xa man mác.
Người lái đò gảy cây đàn hai dây tiếng nghe thánh thót.

DỊCH THƠ :

Thuyền quyên nhỏ lệ phím đàn tranh,
Nhờ gửi thuyền bên chàng áo xanh.
Lưu lạc bên trời chung cảm khái,
Bâng khuâng dưới nguyệt với ca hành.
Cửu Giang mây nước đầy bao khách,
Muôn thuở phong lưu một mái đình.
Đầu bến cỏ thơm man mác tứ,
Thuyền ai thánh thót khúc tâm tình.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

(1) Cửu Giang : Một khúc của Trường Giang, cũng gọi là sông Tầm Dương, là tên một huyện thuộc tỉnh Giang Tây.

— Người bị biếm truất : Dịch chữ « Thiên khách ». « Thiên » có nghĩa là bị giáng chức và đổi đi xa, hoặc bị đi đày.

119

書懷答武工部
(依前東段翰林韻)

徙倚征輿百感交，
松風夾岸響犇濤。

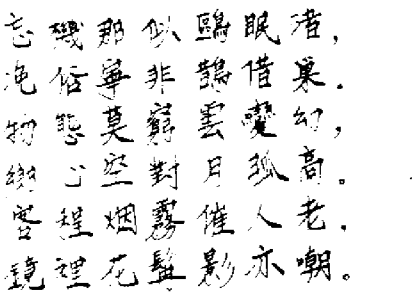

PHIÊN ÂM :

THỨ HOÀI ĐÁP VŨ CÔNG BỘ

Tỷ ỷ chinh dư bách cảm giao,
Tùng phong giáp ngạn hưởng bôn đào.
Vong cơ na tự âu miên chử,
Mỗi tục ninh phi thước tá sào.
Vật thái mạc cùng vân biển ảo,
Hương tâm không đối nguyệt cô cao.
Khách trình yên vụ thôi nhân lão,
Kính lý hoa nhiêm ảnh diệc trào.

DỊCH NGHĨA :

GHI CẢM HOÀI ĐÁP LẠI VŨ CÔNG BỘ (1)

Bâng khuâng trên cỗ xe đi xa, trăm mối cảm hoài,
Gió ngọn thông sát bờ sông hòa cùng tiếng sóng.
Quên cơ tâm, sao giỡn được chim âu nằm trên bãi cát (2),
Nhiễm thói đời, khác nào như chim thước cho mượn tổ (3).

CHÚ THÍCH :

(1) Vũ Công bộ : Tức Vũ Huy Tấn.

(2) Sách *Liệt Tử* : Người miền biển có kẻ thích chim âu, mỗi sớm ra biển chơi với chúng, chúng kéo đến chơi với người, hãy bắt nó đem về đây cho ta xem ». Sáng hôm sau người con ra biển, chim âu bay múa trên không, mà chẳng có con nào xuống. Theo Liệt Tử chim âu là loài không có cơ tâm (tức trong lòng không có mưu đồ).

(3) *Kinh Thi* : Thơ « Thước sào » có câu : « Chim thước có tổ, chim cưu đến ở » (Duy thước hữu sào, duy cưu cư chi). Không rõ ý tác giả nói gì trong câu thơ.

Trạng thái sự vật chẳng cùng, như mây biến ảo,
Lòng nhớ quê hương những sánh vầng trăng cô đơn.
Khói sương đất khách làm người già đi,
Trong gương râu trắng như hoa, bóng cũng đùa cợt.

120—122

(Xem Phụ lục ở tập III)

123

武昌驛次附國書寄吳兵部

萬里馳驅路半程，
紛紛華髮帶愁生。
晴川閣外孤帆影，
黃鶴樓前短笛聲。
回憶芝香同志氣，
分教蓁塞迭居行。
江城一片團圓月，
想亦東橋徹夜明。

PHIÊN ÂM :

VÕ XƯƠNG DỊCH THỨ PHỤ QUỐC THƯ KÝ NGÔ BÍNH BỘ

Vạn lý trì khu thủy bán trình,
Phân phân hoa phát đới sầu sinh.
Tình xuyên các ngoại cô phàm ảnh,
Hoàng hạc lâu tiền đoản địch thanh.

Hồi ức chi hương đồng chí khí,
Phân giao tảo bút diệt cư hành.
Giang thành nhất phiến đoàn viên nguyệt,
Tưởng diệc Đông kiều triệt dạ minh.

DỊCH NGHĨA :

Ở NHÀ TRẠM VÕ XƯƠNG KÈM QUỐC THỊ GỬI QUAN BINH BỘ NGÔ (THÌ NHẬM)

Muôn dặm giong ruổi mới được nửa đường,
Tóc nhuộm sầu mà sinh bạc phơ.
Bóng buồm còi ngoài gác Tinh Xuyên [1],
Tiếng đoản địch trước lầu Hoàng Hạc [2].
Nhớ lại hương thơm hoa chi, chung niềm chí khí [3],
Khiến ngòi bút hoa thay nhau vịnh việc ở, đi.
Một vầng trăng tròn trên thành bên sông,
Tưởng cũng sáng thâu đêm ở phía cầu Đông [4].

CHÚ THÍCH :

(1), (2) Gác Tinh Xuyên và lầu Hoàng Hạc đều là cảnh trí ở Võ Xương.

(3) Hương thơm hoa chi : Sách *Gia ngữ* ghi lời Khổng Tử có câu : « Dữ thiện nhân cư, như nhập chi lan chi thất » (Ở với người thiện như vào nhà có cỏ chi, cỏ lan). Câu thơ trong bài ý nói mình được làm bạn với người tốt.

(4) Cầu Đông : Cầu bắc trên sông Tô Lịch ở phía Đông thành Thăng Long. Tục thường gọi Cầu Đông bên Đá. Trong *Thăng Long tam thập vịnh* có câu : « Đông kiều lộng địch » (Thổi sáo ở Cầu Đông) tức chỉ cầu này.

124

和錢青峯吳翰林使回

仙槎遙泛斗牛光，
文士重逢運會昌。

PHIÊN ÂM :

HỌA TIỄN THANH PHONG NGÔ HÀN LÂM SỨ HỒI

Tiên sà dao phiêm đẩu ngưu quang,
Văn sĩ trùng phùng vận hội xương.
Quan bội bát phiên bôi ngự ác,
Vân hà vạn lý trữ ngâm trang.
Hoàn công da tiễn qui thiều ốn,
Lãn ngã do tam khách lộ mang.
Trân trọng kê lâu hoan ngộ xứ,
Giang sơn điệt tiếp sứ tinh lang.

DỊCH NGHĨA :

HỌA TIỄN QUAN HÀN LÂM HỌ NGÔ HIỆU THANH PHONG[1] ĐI SỨ VỀ

Bè tiên đi trong ánh sáng sao Ngưu, sao Đẩu xa tít[2],
Văn sĩ gặp lại nhau trong vận hội hưng thịnh.
Đai mũ tam phen hầu trường ngự,
Mây ráng muôn dặm chứa bầu thơ.

CHÚ THÍCH :

1. Tức Ngô Vi Quý, người làng Tả Thanh Oai, Hà Tây.

2. *Kinh sở tuế thời kỳ* chép : Trương Khiên nhà Hán vâng mệnh vượt bể đi tìm nguồn sông Hoàng Hà lên đến khi vượt sao Ngưu, sao Đẩu. Về sau người ta hay dùng điển này để chỉ việc đi sứ.

Xong việc công, đáng khen xe sứ ta về yên ổn,
Lười như ta, còn thẹn bận rộn nơi đất khách.
Trên lầu ca nhạc là chốn gặp gỡ vui vẻ trân trọng,
Núi sông lần lượt đón tiếp ngôi sao sứ thần.

125—127

(Xem Phụ lục ở tập III)

128

(. . . . .)

129—130

(Xem Phụ lục ở tập III)

131

先考生時感作

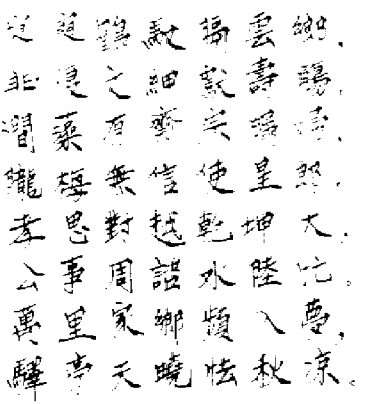

PHIÊN ÂM :

TIỀN KHẢO SINH THỜI CẢM TÁC

Liêu liêu hạc ngự cách vân hương,
Phi phục văn thân hiến thọ trường.
Giản tảo hữu trai tông đũ phụ,
Lũng mai vô tín sứ tinh lang.
Hiếu tư đối việt càn khôn đại,
Công sự chu tư thủy lục mang.
Vạn lý gia hương tần nhập mộng,
Dịch đình thiên hiểu khiếp thu lương.

DỊCH NGHĨA :

CẢM NGHĨ NHÂN NGÀY SINH NHẬT PHỤ THÂN

Người cưỡi hạc [1] bay tít lên làng mây xa,
Con không được mặc áo quan văn dâng rượu chúc thọ.
Việc hái rau ngoài khe cậy người vợ dưới cửa sổ [2],
Kẻ sứ thần không nhận được cành mai ở Lũng Đầu [3].
Lòng hiếu đáp sao được ơn như trời đất của cha mẹ.
Việc công thăm hỏi, lúc đi thủy, lúc đi bộ rất vội vàng.
Làng quê vạn dặm luôn luôn thấy trong mộng,
Buổi sớm ở nhà trạm những ghê khí lạnh mùa thu.

CHÚ THÍCH :

(1) Cưỡi hạc : Tứ dùng chỉ người đã quá cố.

(2) Thơ « Thái Tần » trong *Kinh Thi* nói việc vợ quan đại phu lo việc cung tế có câu : « Vu di thái tần, nam *giản* chi tân. Vu di thái *tảo*, vu bỉ hàng *lạo*... Vu di điện chi, tôn thất đũ hạ » Nghĩa là : Hái rau tần ngoài khe suối. Hái rau *tảo* ở vũng nước ven đường... Rồi đặt ở dưới cửa sổ nhà thờ.

(3) Cành mai ở Lũng Đầu : Ý nói về tin tức ở nước nhà gửi sang

132

. . . .

133 — 136

Xem Phụ lục ở tập III

137 — 145

. . . . . .

146

Xem Phụ lục ở tập III

147 — 148

. . . .

149

Xem Phụ lục ở tập III

150

客館中秋

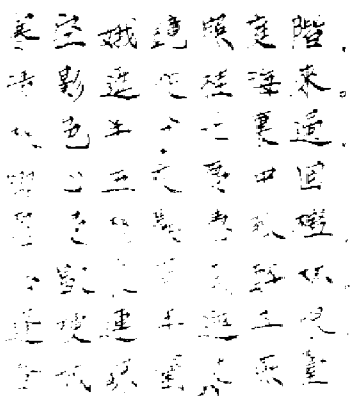

PHIÊN ÂM

KHÁCH QUÁN TRUNG THU

Hàn không nga kính chiếu đình giai,
Thanh ảnh dao tòng quê hải lai
Thu sắc bán phần mang lý quá,
Hương tâm ngũ dạ mộng trung hoi.
Sương xâm sầu mãn bằng cô hạm,
Lậu yết lương tiêu đảo túy bôi.
Bồng ngạnh liên niên du tử hận,
Xuân thành, Lạng khổn hựu Yên Đài.

DỊCH NGHĨA :

TRUNG THU NƠI QUÁN KHÁCH

(Nguyên dẫn : Ngày hôm ấy tự kinh thành hộ giá đến Nguyệt Đàn, đêm đến công quán Viên Minh).

Gương nga trên trời lạnh soi xuống thềm sân,
Bóng trong sáng xa xa từ biển quế tới [1].
Nửa phần sắc thu đến đang lúc bận rộn,
Năm canh lòng quê về trong giấc chiêm bao.
Hạt sương lọt mái tóc sầu, dựa lan can cô quạnh,
Giọt đồng [2] đọng đêm thanh, dốc chén rượu say tít.
Suốt mấy năm lênh đênh, mang mối hận du tử.
Hết Phú Xuân, Lạng Sơn lại Yên Đài [A].

NGUYÊN CHU :

(A) Mùa thu năm Mậu Thân (1788) kinh hầu vua ở kinh thành Phú Xuân, mùa thu năm Kỷ Dậu (1789) chờ mệnh ở trấn Lạng Sơn để đón tiếp sứ giả, mùa thu năm nay lại tới Yên Kinh.

CHÚ THÍCH :

(1) Biển quế: Nước phương Nam sau sinh nhiều quế nên gọi là «biển quế». Ở đây dùng để chỉ nước Việt.

(2) Giọt đồng : Dịch chữ «lậu» trong thơ. Đời xưa chế ra cái bầu bằng đồng khắc ngày và đùi lỗ cho nước nhỏ xuống, bầu nước cạn đi bao nhiêu thì biết là bấy nhiêu giờ khắc. Khi cũ xem giờ ấy gọi là đồng hồ (cái bầu đồng).

151

(Xem Phụ lục ở tập III)

152

(. . . . .)

153

(Xem Phụ lục ở tập III)

154

(. . . . .)

155

夜間車行依武工部韻

軿乘南回客路迢，
秋懷輾轉度寒宵。
四更公驛催征轡，
十里樵樓靜戍才。
風引鸞鈴聲細細，
露侵裘縟夢寥寥。
龜繇且喜符元吉，
故國雲山侯返軺。

PHIÊN ÂM :

DẠ GIAN XA HÀNH Y VŨ CÔNG BỘ VẬN

Biền thặng nam hồi khách lộ thiều,
Thu hoài triển chuyển độ hàn tiêu.
Tứ canh công dịch thôi chinh bí,
Thập lý tiều lâu tĩnh thủ điêu.

Phong dẫn loan linh thanh tế tế,
Lộ xâm cầu nhục mộng liêu liêu.
Qui đo thả hỉ phù nguyên cát,
Cô quốc vân sơn hậu phản thiều.

DỊCH NGHĨA :

DỰA VẦN VŨ CÔNG BỘ [1] VIẾT KHI XE ĐI ĐÊM

Cỗ xe về phương nam, đường khách vời vợi,
Tình thu trăn trở qua đêm lạnh.
Canh tư trạm công giục giã cương ngựa,
Mười dặm chòi canh lặng thinh mõ gác.
Gió đưa chuông loan [a], tiếng vang nhẹ nhẹ,
Móc thấm áo nệm da, chiêm bao quanh hiu.
Hãy mừng việc bói rùa hợp điềm tốt lành [A],
Mây núi cô quốc chờ xe sứ thần trở về.

NGUYÊN CHÚ :

(A) Lúc chuẩn bị hành lý ở Thăng Long, tôi có đến Văn Miếu gieo quẻ bói, bói được quẻ Hoán. Lời quẻ Hoán nói : khi chia tay thì tốt.

CHÚ THÍCH :

(1) Vũ Công bộ : Tức Vũ Huy Tấn.

(a) Chuông loan : Xe sứ thường treo cái chuông bên cạnh, khi xe đi chuông kêu nghe hay như tiếng chim loan.

156—159

(Xem Phụ lục ở tập III)

160

遊黃鶴樓

溪岐維纜訪仙遊，
百尺飛甍躡上頭。
黃鶴白雲哦絕調，
碧波紅樹鳥清秋。
市城華麗圖非肖，
煙水蒼茫客亦愁。
真景滿前吟未竟，
借題聊記此登樓。

PHIÊN ÂM :

DU HOÀNG HẠC LÂU

Khê kì duy lãm phỏng tiên du.
Bách xích phi manh nhiếp thượng đầu.
Hoàng hạc bạch vân nga tuyệt điệu,
Bích ba hồng thụ điểu thanh thu.
Thị thành hoa lệ đồ phi tiêu,
Yên thủy thương mang khách diệc sầu.
Chân cảnh mãn tiền ngâm vị cánh,
Tá đề liêu kí thử đăng lâu.

DỊCH NGHĨA :

LÊN CHƠI LÂU HOÀNG HẠC

(Nguyên dẫn : Lầu ở thành Vũ Xương, nhìn xuống dòng sông Hán. Truyền thuyết Phí Văn Vi đắc đạo thành tiên thường cưỡi hạc vàng đến

chơi ở đó. Nay tầng thứ nhất có thờ tượng Phí, tầng thứ hai thờ tượng Lã tiên [1], bên cạnh có thờ tượng Lư Sinh, phía sau có đỉnh Tảo Tiên rễ táo vẫn còn giống như rễ trầm hương. Cách bờ là bến lớn sông Hán, người tụ tập đông đúc, hàng hóa chất đầy. Núi Qui, gác Tình Xuyên, bãi Anh Vũ thật là những cảnh đẹp trong trời đất. Người ta vẽ nhiều cuốn tranh lầu Hoàng Hạc để bán cho khách. Sứ bộ ta từ nhà công quán ở Hán Dương bơi ngang thuyền đến. Buổi chiều lên gác cao, bơi hối nhìn bốn phía, lúc đó quan Hàn lâm họ Đoàn [2], đã làm ba bài thơ trước, tôi mượn một bài, có nhuận sắc thêm, dựa vào bài bút đề trên vách lầu của ông Đoàn, tôi cũng ghi lại bài thơ).

Buộc neo vào mỏm đá dưới khe, lên thăm cảnh tiên,
Mái lầu cao trăm thước đứng trên đầu.
Hạc vàng mây trắng, lời thơ tuyệt trần,
Sóng biếc cây hồng, cảnh thu trong trẻo.
Thị thành hoa lệ, tranh vẽ chẳng giống,
Khói nước mênh mông, lòng khách thêm sầu.
Cảnh thật đầy trước mặt ngâm vẫn chưa xong,
Mượn để tài tạm ghi lại chuyến chơi lầu.

DỊCH THƠ :

Buộc neo lên hỏi đầu tiên du,
Mái ngói bay cao phía đỉnh đầu.
Mây trắng hạc vàng ngâm giọng đẹp,
Cây hồng sóng biếc nhuộm hơi thu.

CHÚ THÍCH :

(1) Lã tiên : Ông tiên họ Lã. Tương truyền Lã Động Tân hiệu là Thuần Dương, người đời Đường gặp loạn Hoàng Sào, đem gia quyến đến núi Chung Nam ở và tu tiên đắc đạo.

(2) Chỉ Đoàn Nguyễn Tuấn, người cùng đi sứ sang Thanh năm 1790 với Phan Huy Ích.

Thị thành hoa lệ tranh sao giống,
Mây nước mênh mông khách luống sầu.
Cảnh thật bày ra ngâm chẳng hết,
Mượn thơ ghi lại thủ lên lầu.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

161

昨來黃鶴樓有詩帖寄吳兵部
今回遊斯樓再依前韻飛寄

芳草晴川舊去程，
歸軒喜似羽翰生。
秋光淨照樓三疊，
鄉思吐隨鴈一聲。
政事書回郵驛數，
周諮路逐客舟行。
南疆把握相期久，
時盼山臺月色明。

PHIÊN ÂM :

TẠC LAI HOÀNG HẠC LÂU HỮU THI THIỆP KÝ NGÔ BINH BỘ, KIM HỒI DU TƯ LÂU TÁI Y TIỀN VẬN PHI KÝ

Phương thảo tình xuyên cựu khứ trình,
Qui hiên hỉ tự vũ hàn sinh.
Thu quang tĩnh chiếu lâu tam điệp,
Hương tứ mang tùy nhạn nhất thanh.

Thoan sự thư hồi bưu kỵ mẫn,
Chu tư lộ viễn khách chu hành.
Nam quan bả ác tương kỳ cửu,
Thời phán sơn đài nguyệt sắc minh.

DỊCH NGHĨA :

TRƯỚC KIA, KHI ĐẾN LẦU HOÀNG HẠC CÓ LÀM THƠ GỬI CHO QUAN BINH BỘ NGÔ (THÌ NHẬM), NAY TRỞ VỀ LẠI LÊN CHƠI LẦU, BÈN HỌA VẦN BÀI TRƯỚC GỬI TẶNG

Cỏ thơm sông tạnh, vẫn con đường ngày trước,
Nay xe trở về, lòng mừng tưởng như mọc cánh.
Ánh sáng mùa thu lặng lẽ chiếu vào ba tầng lầu,
Lòng nhớ quê hương vội vã bay theo một tiếng nhạn.
Xong việc bảo tin về, ngựa trạm chạy nhanh,
Đường sứ xa xôi, thuyền khách đang đi,
Nhớ khi ở ải Nam Quan, cầm tay hẹn hò nhau,
Thỉnh thoảng lại nhìn bóng trăng sáng ở ngôi đài trên núi [1].

CHÚ THÍCH :

(1) Ngôi đài trên núi : Đây chỉ đài Chiêu Đức ở tỉnh Lạng Sơn.

162

漢水舟程

馹驛三千下羇驂，
漢陽歸客掛征帆。
鶴樓雲壽殷回盼，
魚縣江雲偶半酣。

PHIÊN ÂM

HÁN THỦY CHU TRÌNH

Nhật dịch tam thiên xạ giải tham,
Hán Dương qui khách quải chinh phàm
Hạc lâu vân tế ân hồi phán,
Ngư huyện giang loan ngẫu bán hàm.
Hạo diễu viên ba phong lực kính,
Sâm si đình tạ nguyệt quang hàm.
Án trình hựu giác hồ môn cận,
Thu thủy trường thiên hỗn uất lam

DỊCH NGHĨA :

ĐƯỜNG THUYỀN SÔNG HÁN

(Nguyên dẫn : Từ Yên Kinh đi hơn ba nghìn dặm đến Hán Dương, lưu lại mấy hôm. Tổng đốc họ Phúc từ biệt về tỉnh thành Quảng Đông Tuần phủ Quảng Tây là Trần Dụng Phu, Bố chánh là Thang Hùng Nghiệp cùng văn quan, võ chức vẫn đi theo sứ bộ ta để lo liệu thuyền bè. Ngày 22 tháng 9 nhổ neo, qua bảy ngày đêm thì đến hồ Động Đình).

Đường trạm qua ba nghìn dặm bỗng cỡi cương ngựa,
Trên sông Hán Dương khách về dương cánh buồm đi xa.
Mây quanh lầu Hạc luôn luôn ngoái trông,
Eo sông huyện Ngư bỗng say ngà ngà[A].

NGUYÊN CHÚ :

(A) Thuyền nhổ neo từ Hàn Khẩu, đêm đậu lại ở bến huyện thành Gia Ngư, hóng mát và rót rượu uống tạm.

Mênh mông khói sóng, sức gió mạnh mẽ,
Lô nhô đình tạ, ánh trăng bao la[B].
Tính đường lại thấy gần đến cửa hổ,
Nước mùa thu cùng với bầu trời mênh mông hòa lẫn màu lam.

(B) Thuyền sứ qua các phủ huyện thành, quan sở tại dựng thủy đình ở bên sông, bố trí cả nhạc cụ và yến tiệc. Mỗi đêm khi qua các đình bên sông thì ở đó thắp đèn đốt đuốc sáng rực, ánh sáng rọi lên tận trăng sao.

163

(Xem Phụ lục ở tập III)

164

風帆過湖敬用呂仙朗吟飛過洞庭湖之句

朗吟飛過洞庭湖，
雲水蒼茫不有無。
巨浸漫天風最健，
輕帆抵岸日纔晡。
山庵隱約鐘聲遠，
澤國汪洋鴈影孤。
轉瞬烟波三百里，
湘陰城外釀新沽。

PHIÊN ÂM :

PHONG PHÀM QUÁ HỒ. KÍNH DỤNG LÃ TIÊN «LÃNG NGÂM PHI QUÁ ĐỘNG ĐÌNH HỒ» CHI CÚ

« Lãng ngâm phi quá Động Đình hồ »,
Vân thủy thương mang xạ hữu vô.
Cự lãng mạn thiên phong tối kiện,
Khinh phàm đế ngạn nhật tài bô.
Sơn am ẩn ước chung thanh viễn,
Trạch quốc ung hàm nhạn ảnh cô.
Chuyển thuận yên ba tam bách lý,
Tương Âm thành ngoại nhưỡng tân cô.

DỊCH NGHĨA :

CÁNH BUỒM QUA HỒ. DÙNG CÂU «LÃNG NGÂM PHI QUÁ ĐỘNG ĐÌNH HỒ» CỦA LÃ TIÊN

(Nguyên dẫn : Giờ thìn thuyền nhổ neo từ Nhạc Dương, gió bắc chuyển mạnh, sóng hồ nổi lên cuồn cuộn, thuyền chở hành lý và thuyền của vị quan Tư mã đều bị đắm, riêng thuyền của ta bình an đi trước, đến giờ mùi vượt qua hồ tới bến Tương Âm bèn mua rượu uống cho vui).

« Cao giọng ngâm bay qua hồ Động Đình »,
Mây nước mênh mông chợt không chợt có.
Sóng cả ngút trời gió rất mạnh,
Buồm nhẹ đến bờ, bóng vừa xế.
Am núi thấp thoáng, tiếng chuông xa xa.
Vùng hồ lai láng, bóng nhạn lẻ loi.
Chớp mắt đã đi qua ba trăm dặm khói sóng,
Đến ngoài thành Tương Âm, mua rượu mới cất.

165

(Xem phụ lục ở tập III)

166

望三閭大夫廟

極目幽篁俯碧涯，
讀騷疇不解憐才。
修能皎潔蘭爲佩，
孤憤紆綿石可懷。
湘水逝波千古恨，
郢門殘徑九章哀。
試思姜佐行吟處，
渺渺沙汀擁晚霾。

PHIÊN ÂM :

VỌNG TAM LƯ ĐẠI PHU MIẾU

Cực mục u hoàng phủ bích nhai,
Độc tao trù bất giải lân tài.
Tu năng kiểu khiết lan vi bội,
Cô phẫn vu miên thạch khả hoài.
Tương thủy thệ ba thiên cổ hận,
Sính môn tàn kính cửu chương ai.
Thí tư khương tá hành ngâm xứ,
Diều diều sa đình úng vãn mai.

DỊCH NGHĨA :

TRÔNG MIẾU TAM LƯ ĐẠI PHU (A) (1)

Phóng mắt nhìn rừng trúc thanh u, khơm bên nước biếc,
Đọc *Ly tao* (2) ai chẳng cảm tiếc thương tài.
Phẩm chất trong sạch, lấy hoa lan trang sức (3),
Phẫn uất triền miên, đành ôm đá tự trầm (4).
Sóng Tương sóng dữ, nghìn xưa hờn giận (5),
Cửa Sinh lối hoang, chín chương ai oán (6).
Hãy nhớ chỗ vừa đi vừa ngâm « Khương tá » (7),
Mênh mông cồn cát cuồn lên bụi chiều.

NGUYÊN CHÚ :

(A) Miếu ở trên bờ sông Mịch La.

CHÚ THÍCH :

(1) Tam lư đại phu : Tên quan chức nước Sở, Khuất Nguyên giữ chức ấy, người đời sau dùng để chỉ ông.

(2) *Ly tao* : Tác phẩm lớn nhất của Khuất Nguyên.

(3) Khuất Nguyên lấy hoa lan làm đồ trang sức là để thể hiện phẩm chất trong sạch của mình.

(4) Khuất Nguyên trung thành mà bị đày ra vùng sông Tương, ông mang tâm trạng u uất, ngày 5 tháng 5 ông ôm đá nhảy xuống sông Mịch La tự tử (Mịch La là nhánh của sông Tương). Ý thơ nhắc lại sự kiện lịch sử đó.

(5) Ý nói sông Tương, nơi Khuất Nguyên bị đày và cũng là nơi ông tự tử, nghìn năm còn nổi sóng hờn giận.

(6) Sinh : Kinh đô nước Sở, các vị tiên vương nước Sở đều đóng đô ở đó. Đến đời Sở Hoài Vương phải dời đô đến nơi khác. Khuất Nguyên có viết chương « Ai Sinh » (thương Sinh đô) lời thơ cực kỳ đau thương.

(7) Khương tá : Giọng ngâm nước Sở có tiếng « khương » làm phát ngữ từ, có tiếng « tá » làm trợ từ. Ở đây dùng để chỉ tiếng ngâm thơ của Khuất Nguyên.

(Xem Phụ lục ở tập III)

168

湘灘夜泊

空江烟霧繫孤舟，
遠近峯巒沒氣浮。
拍岸灘聲敲半枕，
穿窻露滴透重裘。
戍刁驚斷三更夢，
旅雁悲添二月愁。
聞說湘山衆量佛，
征鞭那得訪禪遊。

PHIÊN ÂM :

TƯƠNG THAN DẠ BẠC

Không gian yên vụ hệ cô chu,
Viễn cận phong loan lãnh khí phù.
Phách ngạn than thanh xao bán chẩm,
Xuyên song lộ trích thấu trùng cừu.
Thú điêu kinh đoạn tam canh mộng,
Lữ dịch thiêm đa nhị nguyệt sầu.
Văn thuyết Tương Sơn Vô Lượng Phật,
Chinh tiên na đắc phóng thiền du.

DỊCH NGHĨA :

ĐÊM ĐẬU THUYỀN Ở GHỀNH SÔNG TƯƠNG

(Nguyên dẫn : Đêm đã khuya, qua ghềnh gặp trở ngại không đi được, tạm đậu thuyền trước cồn sông, bâng khuâng chẳng sao ngủ được, sáng sớm dậy đi đến thành Toàn Châu).

Khói mù phủ trên dòng sông vắng, buộc con thuyền côi,
Núi non xa gần, hơi lạnh xông lên.
Tiếng ghềnh vỗ bờ sông, khua vào nửa gối,
Giọt móc xuyên cửa sổ, thấm mấy áo cừu.
Mõ chùa canh kinh rọn đứt giấc mộng canh ba,
Trạm lữ khách tăng thêm mối sầu tháng hai.
Nghe nói núi Tương Sơn thờ phật Vô Lượng [1],
Roi ngựa đường xa, ước sao được lên thăm cảnh thiền [A].

NGUYÊN CHÚ :

(A) Ngoài thành Toàn Châu vài dặm có chùa Tương Sơn thờ phật Vô Lượng vốn là đệ nhất rừng thiền, sứ thần nước ta thường đến thăm cảnh và đề vịnh thơ. Khi tôi quay xe về phải vội đi nên không kịp lên thăm chùa.

CHÚ THÍCH :

(1) Phật Vô Lượng : Tức đức phật A-Di-Đà.

169

桂林江程書奇吳兵部,
依黃鶴樓前韻

嶺南天曉厭歸程,
風撼松濤夾道生。
關塞閒雲頻入夢,
溪灘急水又成聲。
曉懷偶有三秋想,
癡骨還堪萬里行。
故國梅春歡晤日,
二青花石最分明。

PHIÊN ÂM :

QUẾ LÂM GIANG TRÌNH THƯ KÝ NGÔ BINH BỘ, Y HOÀNG HẠC LÂU TIỀN VẬN

Linh Nam thiên hiểu sướng qui trình,
Phong hám tùng đào giáp đạo sinh.
Quan tải nhàn vân tần nhập mộng,
Khê thanh cấp thủy hựu thành thanh.
Khuê hoài cấu hữu tam thu tưởng,
Sĩ cốt hoàn kham vạn lý hành.
Cô quốc mai xuân hoan ngộ nhật,
Nhị Thanh hoa thạch tối phân minh.

DỊCH NGHĨA:

TRÊN ĐƯỜNG THỦY Ở QUẾ LÂM (1), VIẾT GỬI QUAN BINH BỘ HỌ NGÔ (2), DỰA THEO VẦN ĐỀ Ở LÂU HOÀNG HẠC TRƯỚC KIA

Linh Nam (3) trời sáng mở đường về,
Gió rung làn sóng thông nối lên hai bên đường.
Mây lừng lơ nơi quan ải, nhiều lần đi vào chiêm bao,
Nước chảy xiết chỗ suối ghềnh, lại vang thành tiếng.
Nỗi lòng xa cách có niềm suy nghĩ ba thu (4),
Cốt cách dại ngày vẫn đi được chặng đường muôn dặm.
Ngày vui gặp gỡ cây mai mùa xuân nơi cố quốc.
Hoa với đá ở Nhị Thanh hiện ra rõ rệt (5).

CHÚ THÍCH:

(1) Quế Lâm : Tên huyện thuộc tỉnh Quảng Tây.
(2) Ngô Binh bộ : Tức Ngô Thì Nhậm.
(3) Linh Nam : Vùng đất phía nam Ngũ Lĩnh.
(4) Ba thu : Ba năm. *Kinh Thi:* « Nhật nhật bất kiến, như tam thu hề » (Một ngày mà chẳng thấy nhau, coi như xa nhau ba năm).
(5) Nhị Thanh : Tên động ở tỉnh Lạng Sơn.

170

滿江記見

溪灣幾轉碧迂迴，
流水遙從桂嶺來。
野杵機閒頻運動，
山田利晉半荒萊。
綸蓁出市寒霜曉，
簑笠成村曲岸隈。
搖曳風旌飛木馬，
迎賓處處簇江臺。

PHIÊN ÂM :

LY GIANG KỶ KIẾN

Khê loan kỷ chuyển bích vu hồi,
Lưu thủy dao tòng Quế lĩnh lai.
Dã chử cơ nhàn tần vận động,
Sơn điền lợi sấc bán hoang lai.
Cảo ky xuất thị hàn sương hiểu,
Soa lạp thành thôn khúc ngạn ôi.
Dao duệ phong tinh phi mộc mã,
Nghinh tân xứ xứ thốc giang đài.

DỊCH NGHĨA :

GHI CẢNH TRÔNG THẤY Ở SÔNG LY

(Nguyên dẫn : Nước sông từ Quế Lâm đổ về, khe thác quanh co, núi từ Linh Nam chạy dài xuống phía lòng sông, vây quanh lấy bờ sông, thổ dân đặt nhiều cối giã bên khe, nước chảy cối tự động giã không cần

người. Nơi đây ruộng vườn xơ xác, đồng nội nhiều bụi rậm. Từ Quế Lâm về phía nam, phụ nữ mặc quần áo giống phụ nữ vùng Lạng Sơn nước ta, không bó chân. Họ thường ra chợ mua bán hàng, ngồi cầu trên bờ sông, đi lại nơi đám rau tần, rau liễu cảm thấy hứng thú).

Suối khe mấy khúc xanh biếc quanh co,
Dòng nước xa xa từ núi Quế đến.
Cồi gạo ngoài đồng vắng, luôn luôn vận động,
Ruộng núi hoa lợi thấp, phần nửa bỏ hoang.
Áo trắng khăn vải ra chợ lúc sớm sương lạnh.
Áo tơi nón lá thành xóm ở bờ sông cong.
Cờ trước gió rung rinh, con ngựa gỗ,[1] đi như bay,
Đâu đâu cũng dựng đài trên sông để đón khách[2].

CHÚ THÍCH :

(1) Ngựa gỗ : Theo *Mộng Khê bút đàm* ở vùng Tín An và Thương Cảnh có nhiều loại ruồi trâu đốt ngựa trâu rất đáng sợ. Về mùa hè người ta phải lấy bùn trát kín trên thân chúng để tránh bị ruồi đốt. Dân địa phương còn chế ra loại xe một bánh, đặt yên cưỡi như cưỡi ngựa, cho nên gọi chiếc xe đó là mộc mã.

(2) Ven sông các quan phủ huyện dựng nhà thủy đình để đón tiếp sứ bộ.

171

溯五險灘

昔來五險洪流湧，
穩汎輕桡下迅湍。
五險今回冬水涸，
半江橫出石稜寒。

浪聲拍岸奔衝急，
篙手凌波引溯難。
龍虎縈迴憑利涉，
人經萬險到斯灘。

PHIÊN ÂM :

TỔ NGŨ HIỂM THAN

Tích lai Ngũ Hiểm hồng lưu dũng,
Ôn phiềm khinh nhiêu há tấn thoan.
Ngũ Hiểm kim hồi đông thủy hạc,
Bán giang hoành xuất thạch cán hàn.
Lãng thanh phách ngạn bôn xung cấp,
Cao thủ lăng ba dẫn tố nan.
Long Hổ oanh hồi bằng lợi thiệp,
Nhân kinh vạn hiểm đáo tư than.

DỊCH NGHĨA :

NGƯỢC GHỀNH NGŨ HIỂM

Trước đây đến Ngũ Hiểm dòng nước lớn cuồn cuộn,
Vững thả mái chèo nhẹ xuống chỗ nước xiết.
Nay về Ngũ Hiểm nước mùa đông cạn,
Chìa ngang nửa sông là những vỉa đá lạnh.
Tiếng sóng vỗ bờ ào ạt gấp vội,
Tay sào vượt sóng ngược dòng khó khăn.
Vượt qua ghềnh Long, Hổ [1] quanh co thuận lợi,
Người trải muôn trùng nguy hiểm nay đến ghềnh này !

CHÚ THÍCH :

(1) Long, Hổ : Tên hai ghềnh trong số năm ghềnh ở Ngũ Hiểm.

172

麗江道中憶家鄉

蓬扉雲曉倚蒼崖，
石徑埋深鎖綠苔。
想像故山行漸近，
依稀清夜夢先回。
風塵末路青袍敝，
松菊離情白髮催。
珍重南歸消息好，
計今門廡望歸來。

PHIÊN ÂM :

LỆ GIANG ĐẠO TRUNG ỨC GIA HƯƠNG

Bồng phi vân hiểu ỷ thương nhai,
Thạch kinh yên thâm tỏa lục đài.
Tưởng tượng cô sơn hành tiệm cận,
Y hi thanh dạ mộng tiên hồi.
Phong trần mạt lộ thanh bào tệ,
Tùng cúc ly tình bạch phát thôi.
Trân trọng nam biên tiêu tức hảo,
Kế kim môn vũ vọng qui lai.

DỊCH NGHĨA :

TRÊN ĐƯỜNG LỆ GIANG NHỚ QUÊ HƯƠNG

Cửa bồng mây sớm, dựa sườn núi xanh,
Lối đi trên núi đá khói dày đặc phủ rêu biếc.
Tưởng tượng núi non quê hương ngày càng đến gần,
Thập thoáng đêm thanh, chiêm bao đã ra về trước.

Đoạn đường cuối trong cảnh gió bụi, áo bào xanh đã rách,
Tình xa cách cây tùng khóm cúc [1], giục giã tóc chóng bạc.
Trân trọng báo tin xe sứ thần đi về phương nam tốt đẹp,
Tính đến nay ở nhà đang mong trở về.

CHÚ THÍCH :

(1) Tùng cúc : Tùng cúc là tiếng chỉ vườn cũ nơi quê nhà. Xuất xứ từ câu : « Tùng cúc do tồn » (Cây tùng cây cúc vẫn còn) trong bài *Qui khứ lai từ* của Đào Tiềm.

173

(Xem Phụ lục ở tập III)

174

崇善江程

山插屏幃水展羅，
征帆婉轉尚中過。
禽巢睍睆啼青石，
漁艇飄颺釣碧波。
嶺外雪消寒氣少，
日南地近土音多。
歸心更值年光暮，
悶倚孤蓬聽棹歌。

PHIÊN ÂM :

SÙNG THIỆN GIANG TRÌNH

Sơn tháp bình vi thủy triển la,
Chinh phàm uyển chuyển động trung qua.
Cầm sào hiển hoán đề thanh thạch,
Ngư đĩnh phiêu dương điệu bích ba,
Lĩnh ngoại tuyết tiêu hàn khí thiểu,
Nhật Nam địa cận thổ âm đa.
Qui tâm cánh trị niên quang mộ,
Muộn ý cô bồng thính trạo ca.

DỊCH NGHĨA :

ĐƯỜNG SÔNG SÙNG THIỆN

Núi đặt bình phong, sông trải lụa,
Cánh buồm đi xa uyển chuyển lướt qua cửa động.
Tổ chim xinh xinh kêu trên đá xanh,
Thuyền chài lênh đênh, câu trong sóng biếc.
Vùng Lĩnh ngoại [1] tuyết tan, khí lạnh đã bớt.
Đất Nhật Nam gần gũi, có nhiều thổ âm.
Lòng muốn về lại gặp thời tiết cuối năm,
Buồn dựa con thuyền đơn chiếc, nghe tiếng hát đò đưa.

CHÚ THÍCH :

(1) Lĩnh ngoại : Chỉ vùng đất ở phía nam Ngũ Lĩnh.

175—176
(Xem Phụ lục ở tập III)

177

回程啓關

昨擁征麾出玉關，
故生梅信喜生還。
邦交完幹盈箋篋，
家慶傳音展笑顏。
夢入鈞韶瞻仰近，
香生紳珮步趨閒。
雲烟南望催歸興，
昭德臺前問訊間。

PHIÊN ÂM :

HỒI TRÌNH KHẢI QUAN

Tạc ủng chinh huy xuất ngọc quan,
Cố sơn mai tín hỉ sinh hoàn.
Bang giao hoàn cán doanh tiên kiệp,
Gia khánh truyền âm triển tiếu nhan.
Mộng nhập quân thiều chiêm ngưỡng cận,
Hương sinh thân bội bộ xu nhan.
Vân yên nam vọng thôi qui hưng,
Chiêu Đức đài tiền vấn tấn gian

DỊCH NGHĨA :

ĐƯỜNG VỀ MỞ CỬA ẢI

(Nguyên dẫn : Ngày 29 tháng 11 đến chỗ đóng quân, cởi y phục sứ thần, mặc y phục nước nhà, từ biệt các vị quan hộ tống. Sáng hôm sau

tới ải Nam Quan gặp người bà con là quan Binh bộ [1] hỏi thăm và biết được tin nhà bình yên, vui mừng liền làm bài thơ này).

Trước đây cầm cờ đi xa, ra khỏi ải ngọc,
Tin hoa mai ở núi cũ, mừng vui nay khỏe mạnh trở về.
Việc bang giao trọn vẹn, trập đầy giấy tờ,
Phúc nhà truyền tin đến, mặt nở tươi cười.
Chiêm bao thấy nhạc quân thiều [2] chiêm ngưỡng đã gần,
Hương thơm tỏa ra từ đai măng, bước đi thảnh thơi.
Nhìn mây khói phương Nam thêm thôi thúc niềm mong muốn trở về,
Trước đài Chiêu Đức [3] là nơi thăm hỏi tin tức.

CHÚ THÍCH :

(1) Quan Binh bộ : Chỉ Ngô Thì Nhậm.
(2) Nhạc quân thiều : Chỉ nhạc cung đình.
(3) Đài Chiêu Đức ở tỉnh Lạng Sơn.

178

使回題山家

故園松竹翠依依，
朔漠霜袍客始歸。
閨闥和聲齊鼓瑟，
庭墀稚齒樂牽衣。
浮生那得處常聚，
拙宦潭如鳥倦飛。
顧越不勝成養懶，
醉邀山月映柴扉。

PHIÊN ÂM :

SỨ HỒI ĐỆ SƠN GIA

Cố viên tùng trúc thúy y y,
Sóc mạc sương bào khách thủy quy.
Khuê khổn hòa thanh tế cổ sắt,
Đình giai trì xỉ lạc khiên y.
Phù sinh na đắc mi thường tụ,
Chuyết hoạn hồn như điểu quyện phi.
Điền việt bất phương thành dưỡng lân,
Túy yêu sơn nguyệt ánh sài phi.

DỊCH NGHĨA :

ĐI SỨ TRỞ VỀ ĐỆ THƠ Ở QUÊ NHÀ

Vườn xưa tùng trúc vẫn xanh rườm rà,
Người mang áo bào pha sương từ sa mạc phương bắc [1] mới về.

Tiếng hài hòa ở buồng the cùng gảy đàn sắt [2],
Lũ trẻ thơ ở thềm sân vui mừng níu áo.
Kiếp phù sinh sao được như hươu thường tụ họp,
Kẻ làm quan vụng về, hệt như chim mỏi mệt bay.
Vấp ngã bởi có tính lười cũng chẳng hại gì [A],
Rượu say mới ánh trăng núi soi xuống cửa liếp.

NGUYÊN CHÚ :

(A) Xe sứ về tới cầu Doanh, tôi vấp ngã bị đau chân trái, dâng biểu tạm xin ở nhà điều dưỡng.

CHÚ THÍCH :

(1) Sa mạc phương bắc : Trong bài muốn chỉ về đất nước phương bắc xa xôi mà không có ý hỏi đi sứ đến những vùng sa mạc.

(2) Gảy đàn sắt : *Kinh Thi* : Thê tử hảo hợp, như cổ sắt cầm (vợ con hòa hợp như gảy đàn sắt đàn cầm). Ý nói cảnh gia đình êm ấm.

SÁCH III

ĐẠT THỊ LƯỢC TOẢN

(1791 - 1796)

辛亥初春山家被火偶紀

山旁曲巷舊衡茅，
使者歸來乍解包。
春律載臨分煦暖，
實筵初設共推敲。
晶熒夜火延村起，
嫋掠東風送焰高。
回祿無情灰劫盡，
拙鳩未必早成巢。

PHIÊN ÂM :

TÂN HỢI SƠ XUÂN SƠN GIA BỊ HỎA NGẪU KÝ

Sơn bàng khúc hạng cựu hành mao,
Sứ giả quy lai sạ giải bào.
Xuân luật tái lâm phân hú noãn,
Tân diên sơ thiết cộng thôi sao.
Tinh huỳnh dạ hỏa diên thôn khởi,
Phất lược đông phong tống diễm cao.
Hồi lộc vô tình khởi kiếp tận,
Chuyết cưu vi tất tảo thành sào.

DỊCH NGHĨA :

ĐẦU XUÂN TÂN HỢI (1791) NHÀ CHÂN NÚI BỊ CHÁY BÈN GHI LẠI SỰ VIỆC

(Nguyên dẫn : Tôi đi sứ trở về, vì đau chân nên ở lại thành để điều trị, cuối tháng Chạp mới về tới nhà cùng bạn bè thân thuộc khoản tiếp. Vào buổi chiều đầu xuân, ngày mùng 7 tháng Giêng, chợt ông bạn đỗ cùng khoa ở An Lãng đến thăm, tôi đặt tiệc rượu và bình thơ, mới vài khắc chưa say thì chiếc điếm ở ngõ Ngói trong ấp bị cháy, nhân gặp gió mạnh lửa bốc cao, trong khoảnh khắc cháy lan ra mất hơn trăm nóc nhà, nhà tôi cũng bị cháy ra tro).

Dưới mái tranh cũ trong ngõ núi quanh co,
Sứ giả trở về vừa cởi xong chiếc áo bào.
Tiết xuân đã đến, mang lại khí trời ấm áp,
Tiệc khách mới mở, đang cùng lựa chọn từ thơ [1].
Bỗng lửa rực cháy, lan ra khắp thôn xóm,
Gió đông lại thốc tới, ngọn lửa càng lên cao.
Thần lửa [2] vô tình đã thiêu tất cả thành tro bụi,
Như chim cưu vụng về [3], ta chắc gì dựng lại được tổ ấm ngay.

DỊCH THƠ :

Sườn non ngõ hẻm, tập hành mao,
Sứ giả về chơi, mới cởi bào.
Xuân cũng thuận chiều thêm ấm áp,
Thơ đương cùng bạn mải thôi sao.

CHÚ THÍCH :

(1) Nguyên văn là « thôi sao », ý nói việc lựa chọn từ thơ, cân nhắc từng từ từng chữ.

(2) Nguyên văn là « Hỗi lộc » : Tên vị thần gây ra hỏa hoạn theo truyền thuyết xưa.

(3) Nguyên văn là « Chuyết cưu ». Thơ *Thước sào*, *Kinh Thi* có câu : « Duy thước hữu sào, duy cưu cư chi », nghĩa là : « chim khách có tổ, chim cưu đến ở », ý nói chim cưu vụng về không biết làm tổ.

Đương đêm sực thấy ven làng cháy,
Gió mạnh dường xui ngọn lửa cao.
Hồi lộc nỡ lòng thiêu hết sạch,
Chim cưu có tổ biết năm nào.

ĐỖ NGỌC TOẠI

186

祭堂禫禮感作

三載通喪乏禮儀，
咨嗟練早更禫遲。
華程催報行忙遽，
橫潦奔衝水渺瀰。
冷落哀筵暌節序，
徘徊澹股動心思。
慎追空抱終天痛，
風露凄清對此時。

PHIÊN ÂM :

TẾ ĐƯỜNG ĐÀM LỄ CẢM TÁC

Tam tài thông tang phạp lễ nghi,
Tư ta luyện táo cánh đàm trì.
Hoa trình thôi bảo hành mang cự,
Hoành lạo bôn xung thủy điều di.
Lãnh lạc ai diên khuê tiết tự,
Bồi hồi đạm phục động tâm tư.
Thận truy không bão chung thiên thông,
Phong lộ thê thanh đối thứ thì.

DỊCH NGHĨA :

CẢM XÚC LÀM THƠ NHÂN NGÀY LỄ MÃN TANG[1] TẠI NHÀ THỜ

(Nguyên dẫn : Tang thân phụ ta lẽ ra phải làm lễ mãn tang vào tháng sáu, nhưng bỗng dưng vì đê Thượng Cát bị vỡ, nước lũ tràn lan, đường sá ngập lụt, đi lại không được, nên đến Trung thu ta mới có thể về nhà trên núi làm lễ bỏ áo tang mặc đồ cát phục được. Do vậy, trong lòng thương cảm).

Ba năm đề tang theo tục lệ mà ta lại thiếu lễ nghi,
Than thở vì nỗi giỗ đầu[2] đã làm sớm, lễ mãn tang lại làm muộn.
Hành trình đi sứ giục giã khi đi phải vội vàng,
Trận lũ lụt tràn lan, lúc về lại gặp cảnh mênh mông nước ngập.
Đơm cúng sơ sài, buồn nỗi trai kỳ giỗ tiết,
Áo trở nhạt màu[3] bồi hồi xúc động tâm can.
Về đường hiếu kính khi ma chay cúng giỗ[4] ta đành suốt đời ôm hận,
Lại gặp cảnh sương gió thê lương ngay giữa lúc này.

CHÚ THÍCH :

(1) Nguyên văn là « đàm lễ », tức là lễ mãn tang sau kỳ giỗ hết. Theo lệ cổ, đại tang tuy kỳ hạn là 3 năm, song thực ra chỉ có 27 tháng. Sau ngày giỗ hết (tức là lễ đại tường) thì để trở thêm ba tháng nữa rồi làm lễ mãn tang.

(2) Nguyên văn là « luyện » chỉ ngày giỗ đầu (tức là lễ tiểu tường).

(3) Chỉ việc bỏ hẳn quần áo tang

(4) Nguyên văn là « truy viễn », tức « thận chung truy viễn », lời Tăng Tử trong *Luận ngữ*. Nghĩa là: Thận trọng chu đáo khi ma chay, thành kính nhớ thương lúc giỗ chạp.

181

秋奉詔放教導節制公，
得命偶述

屢邸棲遲壹旅人，
藩宮啓迎黍師臣。
豈拘南北多殊旨，
須識春秋具大倫。
歲未龐耆叨錫杖，
居常清寂屏緇塵。
振麟好看英姿邁，
凜奉勤嚴副寵綸。

PHIÊN ÂM :

THU PHỤNG CHIẾU BAN GIÁO ĐẠO TIẾT CHẾ CÔNG ĐẮC MỆNH NGẪU THUẬT

Triền để thê trì nhất lữ nhân,
Phiên cung khải địch thiểm sư thần.
Khởi câu Nam Bắc đa thù chí,
Tu thức Xuân Thu cụ đại luân.
Tuế vị bàng kỳ thao tích trượng,
Cư thường thanh tịch bình tri trần.
Chân lân hảo khán anh tư mại,
Lẫm phụng cần nghiêm phó sủng luân.

DỊCH NGHĨA :

MÙA THU NHẬN CHIẾU CHỈ VUA BAN CHO DẠY BẢO TIẾT CHẾ CÔNG[1], NHẬN ĐƯỢC MỆNH VUA LÀM THƠ

(Nguyên dẫn : Bấy giờ tôi bị đau chân chưa khỏi, đang ngụ ở phố Cửa Nam để chữa bệnh, thì nhận được chiếu chỉ của nhà vua khuyên phải cố gắng trọng đạo làm thầy, nghiêm túc can mẫn giảng *Kinh Xuân Thu* để giúp con vua hiểu rõ danh phận, tôi cố gắng tuân theo. Tiết chế công làm nhà cho tôi ở trong thành, lại còn tặng tôi gậy song để chống khi vào giảng).

Một mình một nhà, nhớn nhơ như một người khách,
Bấy để vương tử[2], thẹn chưa xứng bậc sư thần.
Há dâu câu nệ vì Nam Bắc có nhiều ý khác nhau,
Cần phải viết rằng kinh Xuân Thu chứa đủ luân thường lớn.
Tuổi chưa già lắm mà đã được ban gậy chống,
Thường được ở nơi tĩnh mịch xa nơi bụi bặm.
Trông thấy vương tử nhân hậu[3], có thiên tư anh tuấn hơn người,
Kính cẩn vâng mệnh, cần mẫn nghiêm túc để xứng với lời chiếu ân cần dạy bảo.

CHÚ THÍCH :

1) Tiết chế công : Tước phong của Nguyễn Quang Thùy con vua Quang Trung.

2) Nguyên văn là « phiên cung », chỉ nơi ở của các vương tước, ở đây chỉ hoàng tử, vương tử — con của vua chúa.

3) Vương tử nhân hậu : Dịch từ chữ « Chân lân » trong bài thơ *Lân chỉ chỉ* Thiên *Chu nam*, *Kinh Thi* có câu : « Lân chi chỉ, chân chân công tử » nghĩa là « Chân của con lân vi như người công tử hiền hậu » (chỉ con vua nhà Chu) Ở đây mượn từ này để khen con vua Quang Trung.

182

初冬,奉旨賜翊運功臣

初整衣冠覲玉墀,
桑蓬不忝作男兒。
與居慎重遄征患,
應對雍容進見時。
勳券好酬新寵渥,
書香尤勉舊清規。
歸來班席春光煖,
溫凊區區莫遠思。

PHIÊN ÂM :

SƠ ĐÔNG, PHỤNG CHỈ TỪ DỰC VẬN CÔNG THẦN

Sơ chỉnh y quan cận ngọc trì,

Tang bồng bất thiểm tác nam nhi.

Hưng cư thận trọng suyền chinh xứ,

Ứng đối ung dung tiến kiến thì.

Huân khoán hảo thù tân sủng ốc,

Thư hương vừu miễn cựu thanh qui.

Qui lai ban tịch xuân quang noãn,

Ôn sảnh khu khu mạc viễn tư.

DỊCH NGHĨA :

ĐẬU ĐỒNG, NHẬN CHIẾU CHỈ VUA BAN DANH HIỆU DỰC VẬN CÔNG THẦN (1)

(Nguyên dẫn : Đại học sĩ Tĩnh phái hầu (2), Công bộ thị lang Hạo trạch hầu (3), Đô đốc Dũng lược hầu (4), cùng tôi đều được cho con cháu dự vào hạng con cháu công thần, tuyển vào hầu ở Đông cung (5) học tập. Tôi xin cho con trưởng là Quỳnh vào hầu. Đầu tháng chạp, theo cậu là Hi Doãn công (6) lên đường. Tôi làm thơ tặng tiễn).

Bắt đầu sửa sang áo mũ vào chầu bệ ngọc,
Thỏa chí tang bồng không thẹn bực tài trai.
Lúc cư xử, đi đứng vốn cẩn thận trọng,
Khi vào hầu, ứng đối lại phải ung dung.
Dự hàng huân qui (7), cồ sao đền đáp ơn mới vua vừa ban xuống,
Nối giõi thư hương, càng gắng giữ nếp cũ trong sạch của nhà xưa,
Ngày về chiếu ngói của người con hiếu (8) hẳn sẽ được nhiều vẻ xuân ấm áp,
Chuyện ấp lạnh quạt nồng (9), con đừng quá cầu nệ lo xa.

CHÚ THÍCH :

(1) Dực vận công thần : Bề tôi có công giúp cho vận nước.
(2) Tĩnh phái hầu : Tước phong của Ngô Thì Nhậm thời Quang Trung.
(3) Hạo trạch hầu : Tước phong của Vũ Huy Tấn thời Quang Trung.
(4) Dũng lược hầu : Chưa rõ tước phong của ai.
(5) Đông cung : Chỉ nơi ở của Thái tử, ở đây nói là được vào học cùng Thái tử.
(6) Hi Doãn công : Tức Ngô Thì Nhậm.
(7) Huân qui : Những người có công, làm quan to.
(8) Chiếu ngói của người con hiếu : Dịch chữ «ban tích» trong bài.
(9) Ấp lạnh, quạt nồng : Theo đạo hiếu ngày xưa người con đối với cha mẹ, mùa hè thì quạt cho cha mẹ mát, mùa đông thì ấp ủ cho cha mẹ ấm.

183

奉改阡尊墳感作

練衰繹後掛緦麻，
追念喪儀懊悔多。
窀穸永圖成率畧，
門庭蹇遇數咨嗟。
鳳凰野外營新宅，
黼翣途間奉短車。
風水未知逢吉否，
羅盤羞問地鉗家。

PHIÊN ÂM :

PHỤNG CẢI THIÊN TÔN PHẦN CẢM TÁC

Luyện thôi thích hậu quải ti ma,

Truy niệm tang nghi áo hối đa.

Truân tịch vĩnh đồ thành suất lược.

Môn đình kiển ngộ sác tư ta.

Phượng hoàng dã ngoại doanh t[illegible]

Phủ sáp đồ gian phụng đoản xa.

Phong thủy vị tri phùng cát phủ,

La bàn tu vấn địa kiêm gia.

DỊCH NGHĨA :

KÍNH CẨN CẢI TÁNG NGỜI MỘ PHỤ THÂN, CẢM ĐỘNG LÀM THƠ

(Nguyên dẫn : Tháng giêng năm kia, tạm táng tại cánh đồng Mả Bé ở ấp Thụy [1]. Buổi đầu chỉ mong được yên ổn. Khi tôi đi sứ về thì chân bị đau. Cuối mùa hạ năm nay, người em thứ hai bị chết bất đắc kỳ tử, mọi người cho rằng phần mộ của cha tôi không yên. Rồi đến đầu mùa đông, em trai thứ năm của tôi nối dậy ở Hoan Lý bị thất bại, phải chạy trốn vào rừng rú. Lòng tôi càng kinh hãi, bèn chọn đất ở cánh đồng Cây Bàng ngoài núi Phượng Hoàng, thôn Mã Cách, từ phương Nhâm hướng sang phương Bính [2]. Hạ tuần tháng chạp thì cải táng).

Sau khi bó áo đại tang, để trở thêm ba tháng [3],
Nhớ lại công việc ma chay, thấy nhiều điều ân hận.
Mồ mả là việc lâu dài, lại thành sơ suất,
Gia đình gặp nhiều vận hạn, khiến mình phải thở than luôn.
Bèn làm phần mộ mới, ngoài cánh đồng Phượng Hoàng,
Rồi rước xe cải táng đi giữa hàng biền quạt.
Theo thuật phong thủy [4] chưa biết tốt xấu ra sao,
Nhìn chiếc la bàn thẹn phải hỏi thầy địa lý [5].

CHÚ THÍCH :

(1) Ấp Thụy : Làng Thụy Khuê, Sài Sơn, tỉnh Hà Sơn Bình, quê Phan Huy Ích.

(2) « Nhâm » là phương bắc, Bính - là phương nam.

(3) Nguyên văn là « tì ma » chỉ loại áo tang ngắn ngày (3 tháng). Sau khi giỗ hết thì bỏ quần áo đại tang và mặc áo trở ba tháng.

(4) Thuật phong thủy : Thuật mai táng người chết của thầy địa lý.

(5) Nguyên văn viết là « địa kiêm », thuật ngữ riêng của thuật phong thủy, tạm dịch là « thầy địa lý ».

184

壬子春和答藩府隨講
參謀汪大裴侯

軒蓋紛囂厭俗緣，
閒心一片寄林泉。
聞君竹逕風光足，
顧我柴庵寤寐懸。
太皞句芒春幾許，
終南少室古常然。
山居更有貧家趣，
簾外苔花滿地錢。

PHIÊN ÂM :

NHÂM TÍ XUÂN HỌA ĐÁP PHIÊN PHỦ TÙY GIẢNG THAM MƯU UÔNG ĐẠI BÙI HẦU

Hiên cái phân hiêu yểm tục duyên,
Nhàn tâm nhất phiến ký lâm tuyền.
Văn quân trúc kính phong quang túc,
Cố ngã Sài am ngụ mị huyền.
Thái Hạo, Câu Mang xuân kỷ hứa,
Chung Nam, Thiếu Thất cổ thường nhiên.
Sơn cư cánh hữu y bần thú,
Liêm ngoại đài hoa mãn địa tiền.

DỊCH NGHĨA :

XUÂN NHÂM TÍ (1792) HỌA ĐÁP THƠ ÔNG BÙI UÔNG ĐẠI LÀ THAM MƯU TÙY GIÁNG Ở PHIÊN PHỦ [1]

(Nguyên dẫn : Bấy giờ ông Bùi dựng nhà ở quê vợ huyện Thanh Trì. lại muốn theo tôi đến ngụ ở Sài Sơn, nên họa thơ như vậy).

Xe lọng ồn ào, chán với duyên trần tục,
Một tấm lòng nhàn, gửi vào nơi rừng suối.
Nghe nói bác ở trong đường trúc phong quang cũng đầy đủ
Tự nghĩ tôi lúc thức lúc ngủ vẫn mong cái nhà ở núi Sài [2].
Hỏi thăm Thái Hạo, Câu Mang [3] xuân có được mấy ngày ?
Song cảnh Chung Nam, Thiều Thất [4] từ xưa vẫn thường thế
Ở trong núi lại có thú chữa được bệnh nghèo,
Ngoài rèm hoa rêu như đồng tiền đầy mặt đất.

CHÚ THÍCH :

(1) Phiên phủ : Nơi ở của một thân vương.
(2) Núi Sài : Tức Sài Sơn, quê Phan Huy Ích.
(3) Thái Hạo, Câu Mang : Thần coi việc tháng Giêng.
(4) Chung Nam, Thiều Thất : Tên hai ngọn núi ở Trung Quốc, đó là chỗ ở của những người ẩn dật.

185

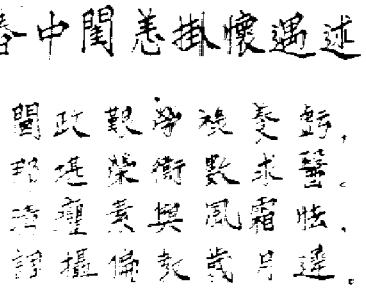

輾轉榮懷難別去，
迍巡應召故愆期。
百年成說如諧願，
早見春花艷發時。

PHIÊN ÂM :

XUÂN TRUNG KHUÊ DẠNG QUẢI HOÀI NGẪU THUẬT

Khốn chính gian lao lộc dưỡng khuy,
Na kham vinh vệ sác cầu y.
Thanh cù tổ dữ phong sương khiếp,
Điều nhiệp thiên giao tuế nguyệt trì.
Triển chuyển oanh hoài nan biệt khứ [1],
Thuần tuần ứng triệu cố khiên kỳ.
Bách niên thành thuyết như hài nguyện,
Tảo kiến xuân hoa diễm phát thì.

DỊCH NGHĨA :

MÙA XUÂN VỢ ỐM, LÀM THƠ NÓI NỖI LÒNG LO LẮNG

(Nguyên dẫn : Vợ tôi sinh đẻ nhiều, khí huyết dần dần bị hao tổn. Lại do chăm chỉ tận tụy việc nhà nên người càng bị hư nhược. Bệnh phát từ mùa thu trước, ngày một nặng thêm. Sâm, quế, thuốc men nửa năm chưa đỡ. Lúc này tôi được lệnh triệu về kinh đô, nhưng vì việc nhà bế bộn, không thể bỏ mặc, nên nán ná chưa đi ngay được, trong lòng vừa lo vừa sợ).

CHÚ THÍCH :

(1) Bản A. 603 mất một chữ, căn cứ vào văn cảnh chúng tôi tạm [illegible] chữ « khứ » vào để dịch cho có nghĩa.

Việc nội trợ đã vất vả, lộc nuôi thân [1] lại nhiều bề thiếu thốn,
Khí huyết nào mà kham nổi, nên luôn phải thuốc thang.
Người mảnh khảnh vốn ngại gió e sương,
Việc điều trị lại dằng dai năm tháng.
Trong lòng vương vấn, khó bề dứt áo ra đi,
Nhận lệnh vua vời, nấn ná thành ra sai hẹn.
Trăm năm thề ước nếu được như nguyện,
Sẽ sớm thấy lúc hoa xuân nở đẹp.

18b

初夏奉召南行登程紀悶

江山迢遞送征麾，
旅況撩人上路歧。
國事居長憂日極，
閨情臨餞將短離。
塵纓只代浮身累，
香閣難禁別淚主。
留戀寔多題詩意，
古人猶羨輕音時。

CHÚ THÍCH :

(1) Lộc nuôi thân : Dịch chữ « lộc dưỡng » trong bài. Từ « Lộc dưỡng » là nói con làm quan lấy lộc nuôi cha mẹ, ở đây tác giả dùng để nói việc nuôi vợ, dùng từ như vậy là gượng.

PHIÊN ÂM :

SƠ HẠ PHỤNG TRIỆU NAM HÀNH, ĐĂNG TRÌNH KỲ MUỘN

Giang sơn thiều đệ tòng chinh huy,
Lữ hoài liêu nhân thứ lộ kỳ.
Miêu sự giới thần hoài võng cực,
Khuê tình lâm tiến thông tương ly.
Trần anh chỉ tác phù thần lụy,
Hương các nan câm biệt lệ thùy.
Lưu luyến thực đa ngưng đảo ý,
Cát khang do kỳ báo âm thư.

DỊCH NGHĨA :

ĐẦU MÙA HẠ PHỤNG MỆNH VỚI VÀO NAM, LÚC LÊN ĐƯỜNG GHI LẠI NỖI BUỒN (1792)

(Nguyên dẫn : Tôi nhiều lần nhận được chiếu chỉ nhà vua giục vào châu nên không dám trì hoãn. Lên đường vào ngày mùng 6 tháng 4, lúc đó bệnh của vợ tôi chuyển sang nguy kịch, tôi đã dặn riêng người nhà sắp sẵn đủ đồ tang lễ, và lại gần đến ngày kỵ của thân phụ tôi, nhưng đành dứt tình ra đi, trong lòng ngổn ngang trăm mối, buồn rầu khôn xiết).

Tiễn là cờ đi trên dải núi sông xa tít,
Cảnh lữ thứ trêu người là bước đường ngoặt này đây.
Việc cúng tế đến nơi tôi, nhớ thương vô hạn [1] !
Tình khuê phòng khi tiễn biệt, đau nỗi xa nhau !
Giải mũ trần ai, chỉ làm lụy tấm thân trôi nổi,
Trên căn gác thơm [2], khó ngăn dòng lệ biệt ly.
Tình lưu luyến thực mang nhiều ý nguyện,
Mong nhận được điều tốt lành khi có tin báo tới.

CHÚ THÍCH :

(1) Nhớ thương vô hạn : Dịch ý từ ba chữ « hoài võng cực ». Thơ *Lục Nga* trong *Kinh Thi* nói tới ơn đức cao sâu của cha mẹ có câu : « Dục báo chi đức, hiệu thiên võng cực » nghĩa là : Muốn đền đáp đức ấy như trời cao không biết thế nào cho cùng.

(2) Gác thơm : Dịch chữ « hương các » trong thơ là từ để chỉ về người phụ nữ tôn quý. Ở đây tác giả họ Phan dùng để chỉ phu nhân Ngô thị vợ của mình.

187

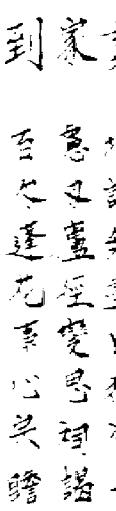

PHIÊN ÂM

ĐÁO GIA QUÁN NGẪU PHÚ

Bạch lư anh hoài khứ,
Thông thông phỏng cố hương.
Bông lư vô chủ quán,
Hoa kính tận hoang lương.
Sư biên du nhân khởi,
Tâm tư độc ngã đương.
Tông từ bàng khánh âm,
Chiêm yết nhất niêm hương.

DỊCH NGHĨA

VỀ ĐẾN QUÊ NHÀ NGẪU NHIÊN LÀM THƠ

(Nguyên dẫn : Lúc bấy giờ người em thứ năm là Hữu Chẩn lánh nạn ở nơi xa, người anh họ là Nhất Kinh cũng có việc đến kinh đô, cảnh ngôi nhà cũ trở nên hoang vắng. Tôi trở về đến yết miếu tổ xong, lập tức lên đường ra đi, ngẫu nhiên mà ghi lại nỗi buồn).

Ra đi, ngổn ngang trăm mối,
Thăm quê, tất tả vội vàng.
Nhà tranh không người cai quản,
Đường hoa hết thảy hoang tàn.
Gây biến vốn do người khác,
Lo lắng riêng ta đảm đương [1].
Nhà thờ, trông nhờ phúc ấm,
Đến lễ, thắp một nắm nhang.

CHÚ THÍCH :

(1) Ở đây tác giả muốn nói đến hai người em trai của mình. Người em thứ hai bị chết, còn người em thứ năm thì dấy binh chống Tây sơn, nhưng thất bại phải chạy vào rừng.

188

進京朝謁記事

家門何慘悽，
風景弟寧居。
巨分存形迹，
淵聰予詔書。
趨蹌尤暢若，
慧穉更溫如，
感激彈東素，
鈞韶夢寐餘。

PHIÊN ÂM :

TIỀN KINH TRIỀU YẾT NGẬT KỲ SỰ

Gia môn hà nhạ sự,
Phong cảnh phát nan cư.
Thân phận tồn kinh cức,
Uyên thông dữ chiếu thư.
Xu thường vưu dịch nhược,
Ủy tạ cánh ôn như.
Cảm kích đàn trung tố,
Quân thiều mộng mỵ dư.

DỊCH NGHĨA :

VÀO CHẦU XONG GHI VIỆC

(Nguyên dẫn : Vừa qua, tôi vì có em mắc tội, lòng nơm nớp lo sợ khi ở Bắc thành dâng biểu trần tình tạ tội, nhận được chiếu truyền : « Tình người ta thiện ác khác nhau, cha còn chả vừa được lòng với con, huống chi anh đối với em, việc đã không đính liu đền, thì còn có hiềm nghi gì », và cho vào kinh triều kiến. Khi vào châu lại được tới trước mặt căn dặn ân cần, bấy giờ tôi mới dám cởi mở tâu bày. Ở triều về, kính ghi bài này).

Gia đình sao sinh nhiều việc ?
Tình cảnh muốn yên không xong.
Phận làm tôi đã có dâu vết,
Đăng sàng suốt [1] lại ban chiếu thư.
Khi tới lui càng thấy sợ hãi,
Lời an ủi lại ôn tồn.
Cảm kích, tạc thành xin giãi hết,
Trong mơ, vẫn vẳng nhạc quân thiều [2].

CHÚ THÍCH :

(1) Đăng sàng suốt : Chỉ Quang Trung.
(2) Nhạc quân thiều : Nhạc trong cung đình.

DỊCH THƠ :

Gia đình xảy bao chuyện,
Tình cảnh sống không yên.
Phận tôi tiếng đã mắc,
Ơn trên chiếu vẫn truyền.
Đi vội lòng nơm nớp,
Yên ủi ân cần khuyên.
Cảm động bày tấc dạ,
Mơ màng khúc nhạc tiên.

HOÀNG TAO

189

夏中接到閨幃凶訊哀感紀實
(七言古風拾貳韻)

征裝翔重前臨別，
惜玉憐香殷思切。
長亭夜夜夢華醒，
依舊寒暄燈下說。
詎意分攜旬日間，
遽絕離尊成永訣。
凶耗遠憑郵驛來，
披函疊覽長嗚咽。
從郎去後帶憔瑩，
湯藥春暖光初歇。
更憐獻歡纔見兒，

奄然歸化塵根絕。
家人驚痛相聚號，
兄長臨喪爲排設，
藩宮享送錦與錢，
權殯儀之循禮節。
嗟哉結髮廿八年，
長契濶。
相秦越。
悠悠北望淚沾衣，
旅店啼鵑催夜月。
羈情奔訃未知期，
千里鰥夫腸鬱結。

PHIÊN ÂM :

HẠ TRUNG TIẾP ĐÁO KHUÊ VI HUNG TÂN, AI CẢM KỶ THỰC

(Thất ngôn cổ phong thập nhị vận)

Chinh trang trịnh trọng tiền lâm biệt,
Tích ngọc liên hương khuê tứ thiết.
Trường đình dạ dạ mộng bình vi,
Y cựu hàn huyên đăng hạ thuyết.
Cự ý phân huề tuần nhật gian,
Khiển quyển ly tôn thành vĩnh quyết.
Hung tấn giao bằng bưu dịch lai,
Phi hàm nhất lãm trường ô yết.
Tòng lang khứ hậu đới tiểu dung,
Thang thiện hy sơ quang thái yết.
Chi chẩm hi hư tài kiến nhi,

Yêm nhiên quy hóa trần căn tuyệt.
Gia nhân kinh thông tương tụ hào.
Huynh trưởng lâm tang vị bài thiết.
Phiên cung hậu tổng cấm dữ tiền,
Quyến thần nghi ván tuấn lễ tiết (1)
Ta tai kết phát trập bát niên,
Trường khê khoát,
Tương Tần Việt.
Du du Bắc vọng lệ chiêm y,
Lữ điếm đề quyên thôi dạ nguyệt.
Cơ tình bôn phó vị tri kỳ,
Thiên lý quan phu trường uất kết.

DỊCH NGHĨA :

GIỮA MÙA HẠ, ĐƯỢC TIN VỢ MẤT. GHI NỖI ĐAU BUỒN

(Thất ngôn cổ phong, mười hai vần)

Áo mũ lên đường, trịnh trọng trước giờ tiễn biệt,
Tiếc ngọc thương hương (2), buồn chia ly đã diệt.
Nơi trường đình đêm đêm mơ về chốn buồng the.
Vẫn cùng ai hàn huyên dưới ánh đèn như trước
Có ngờ đâu chia tay mới chỉ mươi ngày.
Dùng dằng chén rượu tiễn đưa, lại thành ra vĩnh biệt
Tin dữ từ xa, bưu trạm chuyển tới.
Vừa mở thư xem, đã nghẹn ngào khôn xiết
« Từ thuở chàng đi, thiếp tiều tụy dung nhan,
Biếng thuốc, nhác ăn, vẻ tươi vui đều hết »
Tựa gối sụt sùi, vừa thấy mặt con.

CHÚ THÍCH :

(1) Bản A. 603 chép thiếu một chữ chưng tôi tạm thêm chữ « quyến » vào câu cho hợp nghĩa để dịch

(2) Tiếc ngọc thương hương : Ở đây dùng để nói tình thương nhớ người vợ đã khuất.

Lìm dần rồi thác, nợ trần đã dứt.
Người nhà kinh hoàng đau xót, khóc than.
Huỳnh trưởng đến dự lễ tang, giúp lo toan mọi việc.
Vương phủ mang cho nhiều gấm nhiều tiền,
Tẩm quàn, nghi thức đúng như lễ tiết.
Than ôi ! Kết tóc hai tám năm trời,
Mà nay phải mãi mãi xa nhau,
Kẻ Tần người Việt
Rầu rầu trông với đất Bắc, nước mắt dầm áo,
Ai oán cuốc kêu quán trọ, giục giã trăng đêm.
Tình kẻ xa nhà, xót thương chưa biết bao giờ về bày tỏ được
Ở ngoài ngàn dặm, kẻ góa vợ mãi thắt từng khúc ruột.

190 — 191

聞吾國喪感述

三十餘年拜地天，
幾重遺旨失奉陪。
國計家情多糾結，
天晨日夕儘徘徊。
豈愁三彩潭生錯，
浮雲孤逐旅夢催。
鼎還自慙暌千載，
孤蹤長向故山來。

鴻遷双鬢垂編髮，
龍去何堪望鼎湖。
遺綵幾纔難再得，
從今羈旅累臣孤。

PHIÊN ÂM :

THU PHỤNG QUỐC TANG, CẢM THUẬT

Mộng thành suy cữu vị thù ai,
Cảm trọng di cung thất phụng hồi.
Quốc kế gia tình đa cải kết,
Phong thần nguyệt tịch độc bồi hồi.
Trần hoàn bào ảnh phù sinh huyễn,
Hải điện bình bồng lữ mộng thôi.
Sắc ngộ tự tàm khuê phận nghị,
Cô tung yêu hướng cổ sơn lai.

* * *

Hồng thiên thủy dự đăng luân các,
Long khứ hà kham vọng Đỉnh Hồ.
Tạo tiễn cơ duyên nan tái đắc,
Tùng kim cơ lữ nhận thần cô.

DỊCH NGHĨA

MÙA THU PHỤNG QUỐC TANG (1), CẢM THUẬT

(Nguyên dẫn : Trung tuần tháng 6, tôi được thăng chức Nội các Thị trung ngự sử. Ngày 30 tháng 7 thì vua Quang Trung về chầu trời).

CHÚ THÍCH :

(1) Quốc tang : Chỉ về việc vua Quang Trung mất vào mùa thu năm 1792.

Về ngày tháng mất của Quang Trung có nhiều ý kiến khác nhau. Theo ông Hoàng Xuân Hãn dựa vào sách *Đại nam thực lục* và tài liệu của các Giáo sĩ phương Tây chép lúc đương thời thì vua Quang Trung mất vào ngày 29 tháng 7 năm Nhâm Tý (1792).

Theo tác giả của *Lịch sử Việt Nam* tập I thì Quang Trung mất vào ngày 16 tháng 9 năm 1792, thọ 39 tuổi.

Chúng tôi xin nêu ý kiến để bạn đọc tham khảo.

Điểm chiêm bao nấu cơm bằng cỏi [1], chưa hết nỗi đau thương,
Cảm xúc nặng vì chiếc cung để lại [2], từ nay mắt dịp theo hầu.
Việc nước tình nhà, nhiều điều bỏi rỏi,
Đêm trăng sớm gió, riêng những bùi ngùi.
Cõi trần như bọt nước, như bóng sáng, phù sinh huyễn ảo,
Góc biển lênh đênh như cánh bèo như cỏ bồng, giấc mộng lữ khách giục giã.
Gặp cảnh ngặt nghèo, riêng thẹn xa cách tình nghĩa,
Gót chân cô đơn muốn trở về núi cũ.

***

Như chim hồng tung cánh, mới được dự lên bi các,
Rồng đã bay đi, lòng sao kham nỗi khi trông ngóng Đỉnh Hồ [3]
Duyên may gặp gỡ, khó có một lần nữa,
Từ nay ở quê người, thẫn như chiếc nhạn lẻ bầy !

DỊCH THƠ :

Uyên bay thuở ấy, vẫn còn đau,
Rồng lại đi xa, mắt dịp hầu !
Việc nước tình nhà thêm bỏi rỏi ;
Đêm trăng, sớm gió xiết âu sầu !

(1) Thổi cơm bằng cỏi : Dịch chữ « xuy cữu » trong thơ. Sách *Dậu dương tạp trở* chép : Trương Chiêm có lần đi xa sắp về, anh ta chiêm bao thấy mình thổi cơm bằng cỏi. Có người giải mộng : phải thổi cơm bằng cỏi vì không có nồi, nồi là « phũ » đồng âm với « phụ » là vợ, không nồi là « vô phũ », tức là « vô phụ » (không có vợ). Khi Trương về đến nhà, quả nhiên vợ đã qua đời. Trong bài ý nói bà Ngô thì là vợ tác giả đã qua đời.

(2) Chiếc cung để lại : Dịch chữ « di cung » trong thơ, *Sử ký* chép : « Hoàng đế đúc đỉnh ở Kinh Sơn (Đỉnh Hồ), tu đắc đạo thành tiên rồi cưỡi rồng bay lên trời, để lại chiếc cung, bầy tôi ôm cung gào khóc. Người ta thường dùng từ « di cung » để chỉ việc nhà vua băng hà.

(3) Đỉnh Hồ : Nơi Hoàng Đế đúc đỉnh, tu đắc đạo rồi cưỡi rồng bay đi.

Cõi trần thấp thoáng thân trôi nổi ;
Góc bể lênh đênh mộng hắt hiu.
Cảnh ngộ không may, tình nghĩa cách,
Quê nhà trở gót muốn từ lâu.

* * *

Tung mây hồng mới lên hoàng các,
Lánh tục rồng bay ngóng Đỉnh Hồ.
Duyên phận gặp người khôn thấy nữa,
Đời thần giống chiếc nhạn đơn cô !

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

192

冬季奉赴北城公幹,述懷

省閣迴翔半載餘,
重尋城邸理之書。
邦交受委忙酬應,
家變關情始發舒。
泉壤正營苑穴計,
山村誰訪菊松居。
歸時見景尤悽苦,
刀尺猶懸寢閣虛。

PHIÊN ÂM :

ĐỒNG QUÍ PHỤNG PHÓ BẮC THÀNH CÔNG CẦN, THUẬT HOÀI

Sảnh các hồi tường bán tải dư,
Trùng tầm thành để lý văn thư.
Bang giao thụ ủy mang thù ứng,
Gia hiền quan tình thủy phát thư.
Tuyền nhưỡng chính doanh chuân tịch kẻ,
Sơn thôn thùy phỏng các tùng cư.
Qui thì kiến cảnh vưu thê khổ,
Đao xích do huyền tẩm các hư.

DỊCH NGHĨA :

THÁNG CHẠP VÂNG MỆNH RA BẮC THÀNH [1] CÓ VIỆC CÔNG THUẬT HOÀI [A]

Quanh quẩn nơi sảnh các quá nửa năm rồi,
Nay lại tìm đến công quán trong thành để giải quyết văn thư.
Việc bang giao được ủy thác, ứng tiếp bận rộn,
Mối quan tâm về biên cõ gia đình tạm được thư thả.
Đang lo mồ êm mả đẹp cho người chồn suối vàng.
Lấy ai thăm hỏi đến khóm cây tùng ở nhà bên núi.
Khi trở về thấy quang cảnh, lòng càng xót xa,
Con dao cái thước [2] còn treo kia mà nơi ăn ngủ vắng người.

NGUYÊN CHÚ

(A) Lúc ấy quan Đại học sĩ (Ngô Thì Nhậm) vâng mệnh sang sứ phương Bắc, giữ vai chính trong ban cáo thỉnh của sứ bộ. Tôi vâng mệnh đến Bắc thành để lo liệu mọi việc đi sứ và đem theo mười đặt vàng, một trăm cân quế bổ sung thêm vào lễ vật tiến cống. Mồng một tháng chạp, khởi hành từ kinh đô Phú Xuân. Ngày hai mươi mốt đến công quán ở Bắc thành. Ngày hai mươi bốn làm lễ thành phục (3).

CHÚ THÍCH :

(1) Bắc thành : Thành Thăng Long.
(2) Con dao cái thước : Những đồ dùng của người phụ nữ dùng để khâu vá.
(3) Lễ thành phục: Lễ của những người trong gia đình thay thường phục, mặc tang phục theo thứ bậc thân sơ đối với người chết. Khi tác giả làm bài thơ này, vợ cả đã chết.

DỊCH THƠ :

Đài các đi về sáu tháng dư,
Lại tìm chốn cũ sửa văn thư.
Nặng nề việc nước còn đang bận,
Vẩn vít tình nhà mới tạm thư.
Ba thước năm mồ lo đắp điếm,
Mấy hàng tùng cúc vẫn thờ ơ.
Trở về thấy cảnh càng ngao ngán,
Dao thước treo không, gác lặng tờ !

HOÀNG TẠO

193—196

(.....)

197

夏季構邨于碧溝舊營土，
工竣紀懷

三十年來榮戟雕，
殘垣處處幾叢花。
門閭拓大經營始，
式廓加增謀聚多。
地運莫非關頓起，
人煙畢竟耐繁華。
清香更愛梅枝老，
幾度臨風發醉歌。

PHIÊN ÂM :

HẠ QUÝ CẦU ĐỆ VU BÍCH CẦU CỰU DOANH THỔ, CÔNG THUYÊN KỶ HOÀI

Tam thập hiên tiền khải kích la,
Tàn viên hư phụ kỷ oanh hoa.
Môn lư thác đại kinh doanh thậy,
Thức khuếch gia tăng yến tụ đa (1).
Địa vận mạc phi quan đồn khởi,
Nhân yên tất cánh nại phồn hoa.
Thanh hương cánh ái mai chi lão,
Kỷ độ lâm phong phát túy ca.

DỊCH NGHĨA :

CUỐI MÙA HẠ, LÀM NHÀ TRÊN KHU DINH CƯ Ở PHƯỜNG BÍCH CẦU (2), VIỆC HOÀN THÀNH VIẾT ĐỂ KỶ NIỆM

(Nguyên dẫn : Năm Kỷ Mão (1759) niên hiệu Cảnh Hưng (1740 — 1787) phụ thân tôi lập dinh ở bên tả cửa nhà Giám, đến tôi lại sửa sang thêm, cơ ngơi khá đẹp đẽ. Năm Mậu Thân (1788), triều đại đổi thay, mới bị phá hủy. Nay tôi nhận lấy ngôi nhà sứ quán ở Linh Đường, dỡ đem đến nền nhà cũ, gia công xây dựng lại, hơn một tháng thì hoàn thành).

Ba mươi năm về trước, nơi đây kiếm kích (3) bày la liệt,
Nay tường vách hoang tàn, mấy độ hững hờ với oanh, hoa.
Cửa nhà mở rộng, việc xây dựng lại phải từ đầu,
Qui mô lớn thêm, càng nhiều cuộc sum vầy yến tiệc.

CHÚ THÍCH :

(1) Bản A. 603 chép là : « Thức quách tăng yên tụ đa », câu này vừa sai và vừa thiếu chữ, chúng tôi tạm chữa lại là : « Thức *khuếch gia* tăng yên tụ đa ».

(2) Bích Câu : Phường Bích Câu trong thành Thăng Long xưa (nay là một phố cạnh khu Văn Miếu, Hà Nội).

(3) Kiếm kích : Dịch chữ « Khải kích », ngọn kích có áo bọc, một thứ vũ khí thường dùng làm đồ nghi trượng cho các vua quan xưa.

Vận đất chẳng qua là lúc thịnh lúc suy,
Con người rốt cuộc ưa cảnh phồn hoa đông đúc.
Càng yêu cành mai già, thoang thoảng hương thanh,
Đã bao phen trước gió, bài ca say ta hát.

DỊCH THƠ :

Ba mươi năm trước giáo gươm bày,
Bao độ oanh hoa mặc đổi thay.
Nhà mới sửa sang thêm rộng rãi,
Tiệc năng sum họp lại vui vầy.
Đất cùng vận hội còn lên xuống,
Người với phồn hoa vẫn đắm say.
Yêu nhất cành mai hương thoang thoảng,
Bao lần ngâm gửi gió thơm bay.

HOÀNG TẠO

198

(.....)

199

和答芝峯阮契

浮世歡悲夢一場，
心交分誼係倫常。
可知松栢凌寒歲，
曾憶芝蘭染素香。
萬縷雜情今七載，
數杯佳話此重陽。
碧溝荒逕新時菊，
候故人來放綻長。

PHIÊN ÂM :

HỌA ĐÁP CHI PHONG NGUYỄN KHẾ

Phù thế hoan bi mộng nhất trường,
Tâm giao phận nghị hệ luân thường.
Khả tri tùng bách lăng hàn tuế,
Tàng ức chi lan nhiễm tổ hương.
Vạn lũ ly tình kim thất tải,
Sổ bôi giai thoại thử Trùng dương.
Bích Câu hoang kính tân thì cúc,
Hậu cổ nhân lai phóng đình trường.

DỊCH NGHĨA :

HỌA ĐÁP NGƯỜI BẠN HỌ NGUYỄN HIỆU CHI PHONG [1]

Ở đời bao nỗi vui buồn chỉ là giấc mộng,
Tình nghĩa bạn bè tâm giao quan hệ đến đạo luân thường.
Đã biết rằng cây tùng cây bách vượt qua những năm giá rét [2],
Đừng nên quên cỏ chi cỏ lan đã nhuồm hương thơm thanh khiết.

Muôn mối tâm tình xa nhau, đã bảy năm rồi,
Gặp tiết Trùng dương, chuyện vui mượn vài chén rượu.
Vườn Bích Câu hoang vu, kìa luống cúc đâu mùa,
Vẫn đợi cổ nhân về hoa mới nở rộ.

CHÚ THÍCH :

(1) Chi Phong : Chưa rõ là ai.

(2) Tùng, bách : *Luận ngữ* ghi lời Khổng Tử : « Qua năm giá rét, người ta mới biết là cây tùng, cây bách rụng lá sau cùng ».

200

冬季家廟新完恭紀

龜堆茅竹一寒庵，
簋簋周旋愧弗堪。
宗婦此叅新結構，
慶源今後永霑覃。
簪迎曉旭浮清沼，
簾屏斜暉瞰碧岩。
藎藻將虔隆世饗，
烝嘗當興歲時叅。

PHIÊN ÂM :

ĐÔNG QUÝ GIA MIẾU TÂN HOÀN, CUNG KỲ

Quy đồi mao trúc nhất hàn am,
Phù quỹ chu tuyển quý phất kham.
Tông dũ thứ phiên tân kết cấu ?
Khánh nguyên kim hậu vĩnh chiêm đam.
Thiêm nghinh hiểu húc phù thanh chiểu.
Liêm bình tà huy hạm bích nham.
Uẩn tảo tương kiền long thế hưởng.
Huân cao đương dữ tuế thì tham.

DỊCH NGHĨA :

THÁNG CHẠP NHÀ THỜ MỚI HOÀN THÀNH, KÍNH GHI

(Nguyên dẫn : Đầu mùa đông mua gỗ và mọi thứ cần thiết, thuê thợ khởi công, dựng hai nếp nhà thờ ở xứ Đồng Rùa trong xóm, dỡ bỏ nhà cũ làm mới một loạt, dùng gỗ xoan, lợp lá gồi, qua hai tháng mới xong.

chi phí hết 300 quan tiền. Giữa tháng chạp, rước thần chủ đặt lên và bầy các đồ thờ, ngày hoàn thành làm lễ cáo miếu. Thơ này ghi lại công việc đã làm).

Một am thanh vắng bằng tre lá dựng ở Đồng Rùa,
Bầy xong cái phủ cái quỳ [1] nghĩ hổ thẹn xiết bao !
Nơi thờ tổ [2] phen này được xây dựng mới,
Nguồn phúc trạch từ đây mãi mãi dồi dào.
Mái hiên đón mặt trời buổi sớm, dập dềnh soi bóng ao trong,
Bức rèm che ánh nắng chiều hôm, hướng lên sườn núi biếc.
Bát canh thơm tho tỏ tấm lòng thành, đời đời dâng cúng,
Khói hương ngào ngạt sẽ cùng năm tháng lâu dài.

201

南覲登程偶得

悠悠城郭夢猶韶，
忙奉宸綸駕覲軺。
烟樹迎人驚語巧，
風沙憤路馬蹄驕。
故鄉取便尋三徑，
內閣承恩近九霄。
堪覽春光征思爽，
莫須柳驛折長條。

CHÚ THÍCH :

(1) Phủ, quỳ : Tên hai thứ đồ thờ xưa, thường làm bằng gỗ, dùng đựng xôi hoặc cơm khi cúng tế.

(2) Nơi thờ cúng của họ : Dịch chữ « Tông dũ », xuất xứ ở thơ *Thái tần* trong *Kinh Thi*, nói việc cúng tế ở nhà thờ họ.

PHIÊN ÂM :

NAM CẬN [1] ĐÁNH TRÌNH NGẪU ĐẮC

Du du thành đề mộng quân thiều,
Mang phụng thần luân giá cận [2] thiều.
Yên thụ nghinh nhân oanh ngữ sảo,
Phong sa quán lộ mã đề kiêu.
Cô hương thù tiện tầm tam kính,
Nội các thừa ân cận cửu tiêu.
Lịch lãm xuân quang chinh tứ sảng,
Mạc tu liễu dịch chiết trường điều.

DỊCH NGHĨA :

NGẪU HỨNG KHI LÊN ĐƯỜNG VÀO NAM TRIỀU CẬN

Đẳng đẳng trong dinh thự bên thành hằng mơ nhạc quân thiều,
Khi nhận được chiếu chỉ, vội vàng giong xe vào triều kiến.
Khói cây đón người, giọng oanh hót ngọt,
Gió bụi quen lối, vó ngựa kiêu hùng.
Tiện đường về thăm cố hương [3] tìm ba lối cũ [4],
Đội ơn được vào nội các, gần chín tầng mây [5].
Trải ngắm vẻ xuân tứ thơ trên đường sảng khoái,
Nơi trạm liễu chẳng cần bẻ cành dài tặng nhau.

CHÚ THÍCH :

(1), (2) Bản A. 603 chép là « quán » xét trong văn cảnh thì không hợp, có lẽ nguyên là chữ « cận », nghĩa là : vào triều yết nhà vua.

(3) Trong câu thơ này tác giả nhắc tới việc về thăm nhà cũ ở làng Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc (nay thuộc tỉnh Nghệ Tĩnh).

(4) Ba lối cũ : Bài *Qui khứ lai từ* của Đào Tiềm người đời Tấn có câu : « Tam kính tựu hoang, tùng cúc do tồn » nghĩa là : Ba lối hoang vu, cây tùng cây cúc vẫn còn. Phan Huy Ích mượn ý này để nói tới phong cảnh quê cũ.

(5) Chín tầng mây : Dịch chữ « cửu tiêu » trong thơ, ở đây chỉ nơi vua ngự.

202

抵家貫,臨五弟墓有感

來訪園廬竹徑荒,
感懷多在鶺鴒章.
勇夫劍術衝撞甚,
名宦門風蔭庇長.
祇為遠程睽警誨,
不將豪膽善含藏.
九原知汝齎遺恨,
未得鏗轟做一場.

PHIÊN ÂM :

ĐỂ GIA QUÁN, LÂM NGŨ ĐỆ MỘ HỮU CẢM

Lai phỏng viên lư trúc kính hoang,
Cảm hoài đa tại Tích linh chương.
Dũng phu kiếm thuật sung chàng thậm,
Danh hoạn môn phong ấm tý trường.
Chi vị viễn trình khuê cảnh hối,
Bất tương hào đảm thiện hàm tàng.
Cửu nguyên tri nhữ tê di hận,
Vị đắc khanh oanh tố nhất trường.

DỊCH NGHĨA :

CẢM NGHĨ KHI VỀ QUÊ ĐẾN THĂM MỘ EM THỨ NĂM (A)

NGUYÊN CHÚ

(A) Đầu mùa đông năm Tân Hợi (1791), người em út là Hữu Chân khởi sự nhưng không thành, trốn thoát vào rừng. Mùa hè năm Qui Sửu (1793), quân trấn thủ Nghệ An lùng bắt được đem hành hình. Thi thể đưa về chôn ở khu dinh cũ.

Về thăm nơi nhà ở cũ, ngõ trúc hoang tàn,
Lòng thương cảm phần nhiều ở thơ « Tích linh »[1].
Kẻ vũ dũng có tài dùng kiếm, càng xung đột nhiều,
Phong cách con nhà danh giá, phúc ấm còn mãi.
Chỉ vì đường xa nên cách trở cả lời răn bảo,
Vì thế mà đờm khí hào hùng đã không khéo giấu che.
Biết rằng ở nơi chín suối em còn mang hận,
Vì chưa làm được vang dội một phen.

DỊCH THƠ :

Thăm nhà, lối trúc đã tan hoang,
Thơ « Tích linh » ngâm, bội cảm thương !
Nghìn thuở danh gia gây phúc trạch,
Một gươm dũng sĩ tỏ can tràng.
Bởi lời giáo hỏi lâu xa cách,
Nên khí hiên ngang vụng giữ giàng.
Chín suối biết em còn nuốt hận,
Chưa nên oanh liệt cuộc phi thường.

HOÀNG TẠO

203

春郊紀事

天開省院此郊坰，
輪轡齊趨故梵庭。
公座淚雷談未散，
旅齋晚晝睡初醒。

CHÚ THÍCH :

(1) Thơ *Tích linh* trong *Kinh-Thi*, nói về tình anh em cứu giúp nhau trong lúc hoạn nạn có câu:

Tích linh tại nguyên, Huynh đệ cấp nạn.

(Chim tích linh trên cánh đồng, Anh em cứu giúp lúc hoạn nạn).

Tác giả lấy điển này để nói tình cảm của mình với người em.

前崗花鳥資吟料，
滿架圖書養性靈。
羈宦竊閒多興致，
東窻酒菓又茶瓶。

PHIÊN ÂM :

XUÂN ĐỀ KỶ SỰ

Thiên khai sảnh viện thử giao quynh,
Luân bí tề xu cố phạm đình.
Công tọa thâm tiêu đàm vị tán,
Lữ trai vãn trú thụy sơ tinh.
Tiền cương hoa điểu tư ngâm liệu,
Mãn giá đồ thư dưỡng tính linh.
Cơ hoạn thiết nhàn đa hứng trí,
Đông song tửu quả hựu trà bình.

DỊCH NGHĨA :

MÙA XUÂN Ở CÔNG QUÁN GHI VIỆC

(Nguyên dẫn : Nhà của quan Thái sư (Bùi Đắc Tuyên) là chùa Thiền Lâm cũ, nằm phía nam sông Hương, nha thuộc cũng theo đến ở chung quanh chùa. Giữa tháng ba, tôi tới nhà trọ kinh đô, cũng gần nơi ông ở. Chỗ này vườn tược rộng rãi, cây cối xanh um, bốn bề những núi cùng mây, mắt nhìn lòng nghĩ cũng khá thoải mái, trừ những đêm họp bàn việc công ra, còn thì tha hồ ngâm thơ uống rượu, kể cũng thú, duy nỗi lòng thương nhớ người nhà vẫn không nguôi).

Trời mở ra dinh tòa ở chốn đồng quê,
Xe ngựa tụ hợp đến sân ngôi chùa cũ.
Trên tòa đêm khuya, cuộc họp bàn chưa giải tán,
Chỗ trọ nơi nhà chùa, giấc ngủ quá trưa mới tỉnh [A].

NGUYÊN CHÚ :

(A) Quan Thái sư vì việc quan, đêm thường ra ngoài tòa làm việc, canh tư mới tan, đã thành lệ, những người giúp việc ứng trực cũng đã quen.

Hoa và chim ở đồi trước mặt giúp ý thơ,
Sách vở đầy giá, di dưỡng tính thiêng sẵn có.
Làm quan nơi xa hễ được nhàn là nhiều hứng thú,
Bên cửa sổ phía đông nào rượu, nào quả, lại có bình trà.

204

先考諱辰感作

三載公忙走客途，
感辰草草薦潢汙。
涓塵未報親恩重，
涯角還驚客思孤。
錄野遺基煙逐頭，
玄堂改築草平鋪。
新祠毋矱恐昭格，
珍奉遺容豈軸圖。

PHIÊN ÂM :

TIÊN KHẢO HÚY THẦN CẢM TÁC

Tam tải công mang tẩu khách đồ.
Cảm thần thảo thảo tiến hoàng ô.
Quyên trần vị báo thân ân trọng.
Nhai giác hoàn kinh khách tư cô.
Lục dã di cơ yên viễn tỏa.
Huyền đường cải trúc thảo bình phô.
Tân từ đan hoạch bằng chiêu cách,
Trân phụng di dung nhất trục đồ.

DỊCH NGHĨA :

CẢM TÁC NHÂN NGÀY GIỖ CHA

Ba năm liền vì việc nước, những long đong trên đường đất khách,
Hôm nay, ngày giỗ lại đến, gọi là có chén nước suối [1] dâng lên [A].
Ơn cha mẹ sâu nặng, chưa báo đền được chút mảy may,
Đất khách cô đơn, càng ngán cảnh chân trời góc bể.
Nền Lục dã [2] còn kia, khói mây bao phủ,
Chốn âm phần đắp lại, cây cỏ lan khắp.
Nhà thờ mới sơn vẽ, mong được giáng lâm,
Trân trọng phụng thờ một bức chân dung còn lại.

NGUYÊN CHÚ :

(A) Từ năm Nhâm Tý (1792) đến năm Giáp Dần (1794) ba năm liền đều làm giỗ ở đất khách.

CHÚ THÍCH :

(1) Chén nước suối : Dịch từ chữ « hoàng ô » trong bài, do chữ « Giản mao hoàng thủy » (rau ở bên khe, nước ở dưới suối). Ý nói thức dâng cúng xuyềnh xoàng nhưng đầy long thành kính.

(2) Lục dã : Bùi Độ, bậc danh thần đời Đường đặt tên cho biệt thự của mình là « Lục dã đường ». Ở đây tác giả muốn nhắc tới dinh cơ của cha mình.

205

先室大祥禮感作

以包夢成征驛咀，
鼓盆聲斷宦程忙。
南來驚接前年訃，

北望哀陳此度祥.
令婦遺徽留譜牒,
丈夫失淚在綱常.
可堪羈恩催雛感,
月下啼鵑五漏長.

PHIÊN ÂM :

TIÊN THẤT ĐẠI TƯỜNG LỄ CẢM TÁC

Suy cửu mộng thành chinh dịch trở,
Cổ bồn thanh đoạn hoạn trình mang.
Nam lai kinh tiệp tiền niên phó,
Bắc vọng ai trần thử độ tường.
Lệnh phụ di huy lưu phả diệp,
Trượng phu thất lệ tại cương thường.
Khả kham kỳ tứ thôi ly cảm,
Nguyệt hạ đề quyên ngũ lậu trường.

DỊCH NGHĨA :

CẢM XÚC NHÂN NGÀY ĐỂ ĐẠI TƯỜNG (1) CỦA VỢ

«Nấu cơm bằng cỏi» (2) mộng gỏ đã thành, ngặt nỗi đường xa cách trở,
«Gõ chậu mà ca» (3) tiếng hát vừa dứt, đường hoạn lộ vội vàng.
Năm kia lúc vào Nam, giật mình nhận tin cáo phó,
Năm nay trông ra Bắc, đau thương bày lễ đại tường.

CHÚ THÍCH :

(1) Đại tường : Lễ kỷ niệm năm thứ hai ngày chết.

(2) « Nấu cơm bằng cỏi » : Ý nói chết vợ. Xem chú thích bài 190 — 191 « Thu phụng quốc tang, cảm thuật ».

(3) « Gõ chậu mà ca » : Vợ Trang Tử chết, ông không khóc chỉ ngồi gõ chậu mà hát. Về sau người ta dùng điển này để nói việc vợ chết.

Đức tốt người vợ hiền còn ghi mãi trong gia phả,
Giòng lệ đằng trượng phu khôn rơi, bởi lẽ cương thường [1]
Cảnh lữ thứ đã buồn lại thêm mối sầu biệt ly càng da diết,
Dưới trăng quyên kêu khắc khoải khiến năm canh thêm dài.

206

次贈館賓潘編修

年落琴書曉暮行，
鴻緘何處報詩聲。
得千里外賡酬韻，
思卅年前把握情。
西席故人重雅誼，
春坊稚子驗前程。
詞垣既在朝紳列，
洋水宮墻待老更。

PHIÊN ÂM :

THỨ TẶNG QUÁN TÂN PHAN BIÊN TU

Lao lạc cầm thư hiểu mộ hành,
Hồng hàm hà xứ báo thi thanh.
Đắc thiên lý ngoại canh thù vận,
Tư táp niên tiền bả ác tình.
Tây tịch cố nhân thùy nhã hỏi,
Xuân phường trĩ tử nghiệm tiền trình.
Từ viên ký tại triều thân liệt,
Phán thủy cung tường đãi lão canh.

CHÚ THÍCH

(1) Câu này ý nói vì việc nước phải dứt tình riêng, vợ chết cũng phải gạt lệ lên đường.

DỊCH NGHĨA :

THEO VẦN VIẾT TẶNG GIA SƯ LÀ QUAN BIÊN TU HỌ PHAN (A)

Túi đàn cặp sách lủi thủi đi hết sớm lại chiều,
Thư nhận một phong bỗng từ đâu mang tiếng thơ đến.
Được nghe vần xướng họa từ nơi ngoài nghìn dặm,
Nhớ lại mối tình ba mươi năm trước dắt díu nhau.
Gia sư vốn bạn cố tri đã ban lời dạy tốt,
Lũ con trẻ chốn xuân phương tin chắc có tương lai.
Việc từ chương bác vốn đứng hàng tân thân (1) trong triều,
Cung tường nhà Phán thủy (2) còn đợi bậc lão thành từng trải.

DỊCH THƠ :

Lẻo đẻo cầm thư sớm lại chiều,
Phong thư bỗng thấy tiếng thơ gieo.
Ngoài nghìn dặm lại trau dồi vận,
Ba chục năm xưa dắt díu nhau.
Người cũ chiều tây ơn dạy dỗ,
Đàn con tuổi trẻ nghiệm mai sau.
Quan triều nay ở ngôi văn tự,
Cung Phán chờ người tuổi tác cao.

HOÀNG TÁO

NGUYÊN CHÚ :

(A) Tôi sắm sửa hành lý sắp đi, mới mời người bà con trong họ là ông giải nguyên Phan Mậu Hiên nguyên là huấn đạo, đến nhà tôi ở trong thành mở lớp dạy học cho các con cháu, phí tổn do tôi đài thọ. Ông Mậu Hiên vừa mới được thăng chức Hàn lâm Biên tu, tôi có ý định để cử ông làm Tư nghiệp Văn Miếu ở Bắc thành (3) để coi việc dạy học. Cho nên câu kết của bài thơ có nhắc đến chuyện đó.

CHÚ THÍCH :

(1) Tân thân : Chỉ hàng quan văn trong triều đình.
(2) Nhà Phán thủy : Trường quốc học.
(3) Tư nghiệp Văn Miếu ở Bắc thành : Chức quan đứng đầu việc học ở Văn Miếu, về sau gọi là Quốc Tử Giám Tư nghiệp.

207

次前韻示諸兒

少壯書功勉力行，
要知予治嗣家聲。
進修是謂能思孝，
勤勵無忘遠致情。
義址仁基憑藍澤，
詞林理藪奉章程。
暮齊毋可斯須懈，
珍惜時光忽忽更。

PHIÊN ÂM :

THỨ TIỀN VẬN THỊ CHƯ NHI

Thiếu tráng thư công miễn lực hành,
Yếu tri cung dã tự gia thanh.
Tiến tu thị vị năng tư hiếu,
Sắc lệ vô vong viễn trí tình.
Nghĩa chỉ nhân cơ bằng ấm trạch,
Từ lâm lý tẩu phụng chương trình (1).
Quĩ cao vô khả tư tu giải,
Trân tích thì quang hốt hốt canh.

CHÚ THÍCH :

(1) Bản A. 693 chép là : « Từ *chương* lý tẩu phụng chương trình ». Có lẽ sai với nguyên tác, để hợp nghĩa chúng tôi sửa là « Từ *lâm* lý tẩu phụng chương trình ».

DỊCH NGHĨA :

THEO VẦN BÀI TRƯỚC VIẾT BẢO CÁC CON

Tuổi trẻ học hành phải gắng sức,
Biết rằng con nhà giòng dõi [1] phải giữ nền nếp.
Tiến đức tu nghiệp là biết nghĩ đến đạo hiếu rồi,
Gắng gỏi chớ quên chút tình từ xa đưa đến.
Nền nghĩa gốc nhân còn nhờ ở phúc ấm,
Kho văn rừng lý phải nghe lời dạy bảo của thầy.
Dậy sớm thức khuya, chốc lát cũng không được trễ nải,
Phải quí thời gian, vì nó cứ vùn vụt trôi đi.

208

寄校理舍弟

臣分馳驅久在行，
塤篪偏憶舊和聲。
門風撑拄吾殫慮，
山景招邀爾適情。
春草句成催旅夢，
秋蓴興到阻修程。
健來當有吟題夥，
野靄山雲曉暮更。

CHÚ THÍCH

(1) Con nhà giòng dõi : Dịch chữ « Cung dã » trong bài, *Kinh Lễ*: « Lương cung chi tử tất học vi cơ, lương *dã* chi tử tất học vi cừu » (Con người làm cung, tất học làm cái nia, con người thợ đúc tất học may áo cừu).

PHIÊN ÂM :

KÝ HIỆU LÝ XÁ ĐỆ

Thân phận trì khu cửu tại hành,
Huân trì thiên ức cựu hòa thanh.
Môn phong sanh trụ ngô đàn lự,
Sơn cảnh chiêu yêu nhĩ thích tình.
Xuân thảo cú thành thôi lữ mộng,
Thu thuần hứng đáo trở tu trình.
Kiện lai đương hữu ngâm đề khóa,
Dã ái sơn vân hiểu mộ canh.

DỊCH NGHĨA :

GỬI CHO EM LÀ VIÊN HIỆU LÝ

Phận làm tôi bầy lâu phải giong ruổi trên đường,
Vẫn nhớ tiếng huân trì [1] hài hòa ngày trước.
Giữ thói nhà, anh từng hết cách lo toan,
Cảnh nủi chào mời, chú hẳn tha hồ thỏa thích.
« Ngọn cỏ ngày xuân » [2] câu thơ đã thành giấc mộng xa nhà thêm giục giã,
Rau thuần mùa thu [3] thú quê lại nhớ, ngặt nỗi cách trở đường xa.
Lâu nay mạnh giỏi, chú hẳn ngâm vịnh nhiều,
Vì rằng đồng mây núi, cảnh ấy sớm chiều luôn thay đổi.

CHÚ THÍCH :

(1) Huân trì : Tên hai loại nhạc cụ thời xưa của Trung Quốc. Trong *Kinh Thi* có câu « Bá thị suy *huân*, trọng thị suy *trì* ». Nghĩa là : Người anh thổi huân, người em thổi trì. Ý nói tình thân thiết giữa anh em, hài hòa như chơi nhạc.

(2) Em họ Tạ Linh Vận là Huệ Liên giỏi thơ từ thuở nhỏ. Một hôm Linh Vận mộng thấy Huệ Liên đến, liền làm được câu « Trì đường sinh xuân thảo » (Bờ ao mọc cỏ xuân). Tác giả dẫn câu thơ này chỉ tỏ ý có người em học giỏi.

(3) Rau thuần mùa thu : Trương Hàn người đất Ngô đời Tấn đi làm quan xa, mỗi khi thấy gió thu về lại nhớ đến phong vị quê nhà là canh rau thuần, gỏi cá lô.

209

和錢刑侍清派黎侯赴和義任

樞省三年荷渥尊，
扶搖健翮更圖南。
月融沈海清頹浪，
雲捲坪山霽曉嵐。
地在襟喉邊任重，
人爲堡障俊才堪。
迢迢蜀道惟琴鶴，
要得芳徽不古慙。

PHIÊN ÂM :

HỌA TIỀN HÌNH THỊ THANH PHÁI LÊ HẦU PHÓ HÒA NGHĨA NHẬM

Xu sảnh tam niên hạ ốc đàm,
Phù dao kiện cách cánh đồ nam.
Nguyệt dung Đà hải thanh đôi lãng,
Vân quyển Bình sơn tế hiểu lam.
Địa tại khâm hầu biên nhậm trọng,
Nhân vi bảo chướng tuấn tài kham.
Thiều thiều Thục đạo duy cầm hạc,
Yểu đắc phương huy bất cổ tàm.

DỊCH NGHĨA :

HỌA TIỄN QUAN THỊ LANG BỘ HÌNH LÀ THANH PHÁI HẦU HỌ LÊ ĐI NHẬM CHỨC Ở HÒA NGHĨA

Ba năm ở tòa cơ mật, được ơn mưa móc dồi dào,
Cánh bằng cưỡi gió bay lên, lại tính chuyện xuống phương Nam.
Ánh trăng trải mặt bể Đà Nẵng, làm lặng sóng cồn,
Mây cuốn đỉnh Ngự Bình, khí núi sớm tan hết.
Nơi ấy với kinh đô như vạt áo, như cổ họng, việc coi giữ biên cương rất nặng nề,
Người làm thành lũy [1] để bảo vệ phải tài giỏi mới kham nổi.
Trên đường Thục [2] xa vời vợi, chỉ làm bạn với chim hạc cây đàn [3],
Giữ được tiếng thơm để khỏi thẹn với người xưa.

CHÚ THÍCH :

(1) Người làm thành lũy : Ý nói người tướng tài giữ đất nước như hào lũy bảo vệ thành.

(2) Đường Thục : Ý nói đường đi hiểm trở khó qua được. Lý Thái Bạch trong bài *Thục đạo nan* có câu : « Thục đạo chi nan, nan ư thướng thanh thiên », (Đường vào đất Thục khó đi, khó hơn lên trời xanh).

(3) Triệu Biện đời Tống khi làm quan đi phó nhậm đâu cũng chỉ đem cây đàn và chim hạc. Ý nói cảnh làm quan thanh liêm và giản dị.

210

餞兵部左奉議宜城阮侯赴歸仁城

我驩好江山，
鐘稟多奇卓。

世德耀僊鄉，
人瑞出麟鸞。

進甫抱才氣，
妙齡見頭角。
機械嵾閱熟，
器識愈寬博。
松節耐嚴凝，
玉質經磨琢。
本領自忠信，
勤息常磊落。
燭理究毫芒，
立談生鋒鍔。
遍交世間人，
繫屬為心絡。
閑視天下事，
運用在掌握。
造化予奇品，
降任良不錯。
遭際聖明時，
詞諳鴛華駱。
望譽紆宸顧，
周旋青瑣閣。
三年琴劍遊，

吟酌不改樂。
丈夫赴功名，
素志何端確。
眷渺海之南，
熙代新開拓。
歸仁蒙沐地，
樞筦倚瑰碩。
民膏初撫輯，
單聲方報薄。
朝廷重行邊，
慨慷就戎幕。
壯心霽烟嵐，
清嘯帶琴鶴。
尸耐濤詢湧，
勛業雲露漠。
懋毓酬初志，
磨崖勒佳作。
凱歌奏奇勳，
鐘鼎量新渥。
把杯送征麾，
居者亦心怍。

PHIÊN ÂM :

TIỄN BINH BỘ TẢ PHỤNG NGHỊ NGHI THÀNH NGUYỄN HẦU PHÓ QUI NHƠN THÀNH

Ngã Hoan hảo giang sơn,
Chung bẩm đa kỳ trác.
Thế đức diệu tiên hương,
Nhân thụy xuất lân nhạc.
Tiên phả bão tài khí,
Diệu linh kiến đầu giác.
Cơ thức tảo duyệt thục,
Khí thức du hoành bác.
Tùng tiết nại nghiêm ngưng,
Ngọc chất kinh ma trác.
Bản linh tự trung tín,
Động tức thường lỗi lạc.
Chúc lý cập hào mang,
Lập đàm sinh phong ngạc.
Biến giao thế gian nhân,
Hệ thuộc vi tâm lạc.
Nhàn thị thiên hạ sự,
Vận dụng tại chưởng ác.
Tạo hóa dữ kỳ phẩm,
Giáng nhậm lương bất thác.
Tao tế thánh minh thì,
Tuân tư giá hoa lạc.
Vọng học vu thần cổ,
Chu tuyển thanh tòa các.
Tam niên cẩm kiếm du,
Ngâm chước bất cải lạc.
Trượng phu phó công danh,
Bình chí hà đoan xác.

Hạo điều khải chi nam,
Hy đại tân khai thác.
Quy Nhơn thang mộc địa,
Khu hoán ỷ khôi thạc.
Dân dung sơ phá tập,
Quân thanh phương trần bạc.
Triều đình trọng hành biên,
Khải khảng tựu nhung mạc.
Tráng tâm tẽ yên lam,
Thanh khiêu đái cẩm hạc.
Thi Nại đào hung dũng,
Cù Mông vân lạc mạc.
Huyền hổ thù sơ chí,
Ma nhai lặc giai tác.
Khải ca tấu kỳ huân,
Chung đỉnh đàm tân ác.
Bả bôi tổng chinh huy,
Cư giả diệc tâm tạc.

DỊCH NGHĨA :

TIỄN ÔNG TẢ PHỤNG NGHỊ BỘ BINH NGHI THÀNH HẦU [1] HỒ NGUYÊN ĐẾN THÀNH QUI NHƠN

(Ngũ ngôn cổ phong, hai mươi ba vần)

Sông núi tốt đẹp của châu Hoan ta,
Chung đúc nên lắm bậc kỳ tài.
Đạo đức trên đời làm rạng rỡ quê tiên,
Điềm lành sinh ra kỳ lân loan phượng [2].

CHÚ THÍCH :

(1) Nghi Thành hầu tức Nguyễn Đề (1761 — 1805), hiệu Quế Hiên là anh ruột nhà thơ Nguyễn Du.

(2) Kỳ lân loan phượng : Chỉ những người có tài đức hơn đời, như kỳ lân và loan phượng trong loài cầm thú.

Là những người tiền thù, tài ba khí phách,
Từ trẻ đã tỏ ra xuất sắc.
Cơ trí ở đời từng trải sớm,
Đức độ kiến thức ngày càng rộng lớn.
Khí tiết như thông, chịu đựng sương buốt,
Phẩm chất như ngọc, bao phen mài rũa.
Bản lĩnh có từ lòng trung tín,
Hạnh động cứ chỉ đều lỗi lạc.
Hiểu nghĩa lý đến kẽ tóc chân tơ,
Thoáng câu chuyện tỏ ra người sắc bén.
Làm bạn với khắp thế gian,
Gần gũi như tình ruột thịt.
Nhìn rõ mọi việc thiên hạ,
Nắm vững để vận dụng.
Tạo hóa ban phẩm chất kỳ lạ,
Giao cho trách nhiệm thật xứng đáng.
Gặp gỡ buổi thánh minh,
Đi thăm hỏi, giống xe ngựa qui.
Học thức nổi tiếng, vua cũng nể vì,
Miệt mài nơi « thanh tỏa » [1].
Ba năm cây đàn thanh kiếm, đi khắp đó đây,
Khi chén rượu lúc câu thơ, vẫn thường vui vẻ.
Đằng trượng phu trên đường công danh,
Giữ chí sao mà đoan trang đúng mực !
Phía nam miền biển mênh mang,
Đất mới khai thác của triều thịnh.
Quy Nhơn là ấp thang mộc [2],
Cũng nơi thơn chốt cần bậc anh tài.

CHÚ THÍCH :

(1) Thanh tỏa : Đời xưa trên cửa cung điện có chạm trổ thành những hình dây móc xích, đến đời Hán thì dùng nước sơn màu xanh sơn lên những dây móc xích.

(2) Ấp thang mộc : Chỉ quê hương của nhà vua.

Dân vừa được vỗ về yên ổn,
Uy thanh quân đội đang lừng lẫy.
Khi triều đình cần người ra trấn giữ bờ cõi,
Thì khảng khái đến nơi hổ trướng cầm quân.
Lòng hùng mạnh khiến mây khói khí độc tan hết.
Tiếng thanh cao tỏ rõ ở cây đàn con hạc [1].
Cửa bể Thị Nại [2] sóng cuồn cuộn,
Đỉnh núi Cù Mông [3] mây man mác.
Chí bốn phương nay được thỏa nguyện,
Mài vách núi khắc câu thơ đẹp.
Khúc khải ca, công lớn tâu lên,
Miếng chung đỉnh, ơn trên thấm xuống.
Nâng chén rượu tiễn lá cờ lên đường,
Kẻ ở lại lòng tự thấy thẹn.

211

秋初書懷

萬樹涼颸颯颯然，
落梧早報暮秋天。
園庭孤館淹留客，
省院繁樞懶散員。
竹信遲來縈遠夢，
瓜期初屆紡歸鞭。
臨風不禁蓴鱸思，
壹枕南窗穩晝眠。

CHÚ THÍCH

(1) Cây đàn con hạc : xem chú thích bài 209 « Họa tiễn quan thị lang bộ Hình là Thanh Phái hầu họ Lê đi nhậm chức ở Hòa Nghĩa ».
(2) Thị Nại : Cửa biển ở Bình Định.
(3) Cù Mông : Ngọn núi ở Phú Yên.

PHIÊN ÂM :

THU SƠ THỨ HOÀI

Vạn thụ lương tư táp táp nhiễn,
Lạc ngô tảo báo nhục thu thiên.
Viên trang cô quán yêm lưu khách,
Sảnh viện phồn xu lân tản viên.
Trúc tín trì lai oanh viễn mộng,
Qua kỳ sơ giới sức quy biên.
Lâm phong bất cấm thuần lô tưởng,
Nhất chẩm nam song ổn trú miên.

DỊCH NGHĨA :

GHI Ý NGHĨ ĐẦU THU

Trên muôn cây, gió lạnh vi vút,
Lá ngô rụng, sớm báo thu sang [1].
Khách rẩn ná nơi quán buồn trong xóm,
Quan nhàn tản chốn sảnh viện bận rộn.
Tin trúc [2] chậm đến, giấc mộng xa nhà thêm vương vấn,
Mùa dưa [3] mới tới, cỗ xe quay về đã sửa sang.
Trước gió, sực nhớ phong vị rau thuần cá lô,
Song nam vừa tựa gối đã đẫy giấc ngủ ngày.

CHÚ THÍCH :

(1) **Lá ngô rụng** : Thơ cổ có câu : « Ngô đồng nhất diệp lạc, thiên hạ cộng tri thu » (Một lá ngô đồng rụng, thiên hạ đều biết mùa thu tới).

(2) **Tin trúc** : Tin báo bình an. Sách *Dậu dương tạp trở* : Ở Bắc Đó, chùa Đông Tử có một khóm trúc mới cao vài thước, hàng ngày vị sư trụ trì trong chùa báo tin trúc vẫn bình an.

(3) **Hẹn mùa dưa** : Hẹn được về. Sách *Tả Truyện* chép : Tề Hầu sai sứ đi đóng đồn ở Quỳ Khâu, lúc đi đang là mùa dưa, hẹn rằng đến mùa dưa sau thì được về, do đó « Hẹn mùa dưa » tức là hẹn có người đến thay cho mình về.

DỊCH THƠ :

Hiu hắt muôn cây gió lạnh trời,
Đầu thu sớm báo lá ngô rơi.
Quán buồn trong xóm người nương náu,
Việc bận trên đình khách nản lười.
Tin tức chậm về thêm mộng tưởng,
Mùa dưa vừa đến giục xe xuôi.
Thuần, lô lòng rộn khi nghe gió,
Chiếc gối song nam đầy giấc rồi.

HOÀNG TẠO

212

園庄晚眺即事

暮山烟靄伴雲飛，
淡蕩秋光混翠微。
萬籟凉飄催隕樺，
半庭殘照點懸扉。
葉叢棲鳥爭巢宿，
蘆韻騎牛結隊歸。
村景好看公退暇，
鏡筒高望遍郊畿。

PHIÊN ÂM :

VIÊN TRANG VÃN DIỀU TỨC SỰ

Mộ sơn yên ái bạn vân phi,
Đạm đãng thu quang hỗn thúy vi.
Vạn lại lương phiêu thôi vẫn thác,
Bán đình tàn chiếu điểm huyền phi.

Diệp tùng thê điểu tranh sào tức,
Lô vận kỳ ngưu kết đội qui.
Thôn cảnh hảo khan công thoái hạ,
Kính đồng cao vọng biến giao kỳ.

DỊCH NGHĨA :

CHIỀU NGẮM VƯỜN NHÀ — TỨC SỰ

Khói chiều trên núi bay bên đám mây,
Nắng thu nhàn nhạt lẫn trong màu xanh mới.
Gió lạnh vi vu như muốn cây sáo dục mo nang rụng,
Ánh nắng thoi thóp nửa góc sân soi bức hoành treo.
Chim đậu trong khóm lá, tranh tổ ngủ,
Tiếng sáo sậy trên lưng trâu, từng lớp mục đồng về.
Cảnh quê thú nhất là khi xong việc quan về nghỉ,
Mang ống kính lên cao nhìn khắp cả vùng ven nội.

DỊCH THƠ :

Mây chen khói rảng đỉnh non chiều,
Sắc núi màu thu nhạt giống nhau.
Muôn tiếng gió reo mo trúc rụng,
Nửa sân nắng điểm bức hoành treo.
Lùm cây chim đỗ tranh nhau tổ,
Sáo sậy trâu về dắt lũ theo.
Thú nhất việc xong mang ống kính,
Nhàn cùng ven nội tự trên cao.

HOÀNG TẠO

213

次前韻寄示諸兒

所學須將措所行，
不徒華藻務虛聲。
聖賢閫閾求知道，
忠孝根基本治情。
文史三餘勤蟻術，
風雲九萬趁鵬程。
爾曹功課相收斂，
待我來時考閱更。

PHIÊN ÂM :

THỨ TIỀN VẬN KÝ THỊ CHƯ NHI

Sở học tu tương thố sở hành,
Bất đồ hoa tảo vụ hư thanh.
Thánh hiền khổn vực cầu tri đạo,
Trung hiếu căn cơ bản trị tình.
Văn sử tam dư cần nghĩ thuật,
Phong vân cửu vạn sấn bằng trình.
Nhĩ tào công khóa tương thu liễm,
Đãi ngã lai thì khảo duyệt canh.

DỊCH NGHĨA :

THEO VẦN BÀI TRƯỚC GỬI CHO CÁC CON

Cần phải thực hành những điều đã học,
Không chỉ chuộng văn vẻ chuốc hư danh.
Vào cửa thánh hiền là để cầu biết đạo,
Giữ nền trung hiếu phải lấy tu dưỡng tính tình làm gốc.
Học văn sử cần dùng hết ba thừa [1], cần siêng năng như kiến,
Vượt gió mây xa chín vạn dặm, phải đuổi kịp chim bằng.
Các con hãy thu thập xem xét lại bài vở,
Chờ khi về, ta sẽ duyệt sửa lại cho.

DỊCH THƠ :

Có học còn nên phải có hành,
Hay gì hoa mỹ chuốc hư danh.
Muốn vào cửa thánh nên tìm đạo,
Cho vững lòng ngay phải có tinh.
Cái kiến ba thừa bền chí mọn,
Chim bằng chín vạn vượt mây xanh.
Các con sắp sẵn bao bài vở,
Để lúc cha về xét duyệt nhanh.

HOÀNG TẠO

214—215

次韻嘗示校理舍弟

一

千里關河策馬行，
鮑經春色又秋聲。

CHÚ THÍCH :

(1) Ba thừa : Người xưa có câu : Người đi học cần dùng cả ba cái thừa. Mùa đông là thừa của năm, đêm là thừa của ngày, ngày mưa gió là thừa của ngày nắng ráo.

天邊蓬鬢誰知己，
隴上梅枝數送情。
省閣無才裨政軸，
門閭有夢到征程。
歸鞴預訂歡杯日，
露後霜前節序更。

二

山村小隱出無輿，
肆顧煙霞護竹廬。
涯角思兄頻寄札，
晨昏奉母又觀書。
吟神皎月涵秋水，
世味浮雲度太虛。
要識家園閒局好，
征人潦倒竟何如。

PHIÊN ÂM :

THỨ VẬN KÝ THỊ HIỆU LÝ XÁ ĐỆ

I

Thiên lý quan hà sách mã hành,
Bão kinh xuân sắc hựu thu thanh.
Thiên biên bồng mần thùy tri kỷ,
Lũng thượng mai chi sác tổng tình.
Sảnh các vô tài tỳ chính trục,
Môn lư hữu mộng đáo chinh trình.
Qui tiên dự đính hoan bôi nhật,
Lộ hậu sương tiền tiết tự canh.

II

Sơn thôn tiểu ẩn xuất vô dư,
Tứ cố yên hà lộ trúc lư.
Nhai giác tư huynh tần ký trát,
Thần hôn phụng mẫu hựu quan thư.
Ngâm thần kiểu nguyệt hàm thu thủy,
Thê vị phù vân đỗ thái hư.
Yêu thức gia viên nhàn cực hảo,
Chinh nhân lạo đảo cánh hà như.

DỊCH NGHĨA :

THEO VẦN VIẾT GỬI CHO EM LÀ VIÊN HIỆU LÝ

Bài I

Quan hà ngàn dặm, quất ngựa ra đi,
Từng nếm đủ màu xuân và tiếng thu.
Tóc rối chân trời, biết ai người tri kỷ,
Cành mai Lũng Đầu, chứng kiến bao lần tiễn đưa [1].
Nghĩ mình vô tài, không giúp ích gì trong sảnh các [2],
Giấc mộng quê nhà vẫn theo bước chân đường trường.
Dự tính ngày về cùng nhau vui nâng chén,
Sẽ vào khoảng sau mùa móc trước mùa sương [3].

CHÚ THÍCH :

(1) **Cành mai Lũng Đầu** : Thơ Lục Khải gửi Phạm Việp có câu « Chiết mai phùng dịch sứ, ký dữ Lũng Đầu nhân » (Bẻ cành mai vừa gặp người phu trạm, liền gửi cho người bạn ở Lũng Đầu).

(2) **Sảnh các** : Chỉ chung các cơ quan đầu não trong triều đình như nội các, bí thư các, thượng thư sảnh, trung thư sảnh v.v...

(3) **Mùa móc** là mùa xuân, mùa sương là mùa thu, theo văn cổ : « Xuân lộ, thu sương ». Trong bài tác giả muốn nói vào mùa hạ.

Bài II

Làm bậc tiểu ẩn [1] ở xóm núi chẳng có xe đi,
Mây ráng bốn bề phủ mái nhà tre.
Nhớ anh góc bể chân trời, thường gửi thư tín,
Phụng dưỡng mẹ già sớm hôm, lại vừa xem sách.
Hồn thơ lai láng như tráng sáng tỏa khắp mặt nước mùa thu,
Mùi đời nhạt nhẽo tựa áng mây trôi trong bầu trời thâm thẳm [2].
Phải biết được cái thú thư nhàn nơi vườn nhà,
Còn khách đường xa lận đận, phỏng có ra gì.

216—217

次韻寄示編修眷契

一

德年養得此知行，
學海詞林素擅聲。
儒隱世移賢者樂，
達推元係故交情。
玉堂不是忙酬應，
絳帳無妨示準程。
最愛閒豐疎懶客，
秋宵穩睡到殘更。

CHÚ THÍCH

(1) Tiểu ẩn : Thơ Vương Khang Cư xưa có câu : « Đại ẩn ẩn triều thị, tiểu ẩn ẩn tầu trạch ». (Bậc đại ẩn ở ẩn nơi triều đình thị trấn, kẻ tiểu ẩn ở ẩn chốn chăm nước).

(2) *Luận ngữ* có câu « Phú quí ư ngã như phù vân » (Phú quí đối với ta như đám mây trôi). Thơ của Lý Quần Ngọc có câu « Tâm tự nhân vân tại thái hư » (Lòng như áng mây lơ lửng trong bầu trời). Ý câu thơ trong bài coi thường phú quí công danh.

二

文章秀氣稟扶輿，
逆旅乾坤任借廬。
出局冷看今昨事，
開筵熟講聖賢書。
郵筒已信吟懷壯，
丹鼎須調脉症虛。
健体可能勤課肄，
兒曹造詣尚茫如。

PHIÊN ÂM :

THỨ VẬN KÝ THỊ BIÊN TU QUYẾN KHÊ

I

Đức niên dưỡng đắc thử tri hành,
Học hải từ lâm tố thiện thanh.
Nho ẩn khởi di hiền giả lạc,
Đạt suy nguyên hệ cố giao tình.
Ngọc đường bất thị mang thù ứng,
Giáng trướng vô phương thị chuẩn trình.
Tối ái nhàn tào sơ lãn khách,
Thu tiêu ổn thụy đáo tàn canh.

II

Văn chương tú khí bẩm phù dư,
Nghịch lữ càn khôn nhậm tá lư.
Xuất cục lãnh khan kim tạc sự,
Khai diên thục giảng thánh hiền thư.

Bưu đồng dĩ tín ngâm hoài tráng,
Đan đỉnh tu điều mạch chứng hư.
Kiện thể khả năng cần khóa dụy,
Nhi tào tháo nghệ thượng mang như.

DỊCH NGHĨA :

THEO VẦN GỬI CHO BẠN LÀ ÔNG BIÊN TU, NGƯỜI TRONG HỌ

Bài I

Tuổi trẻ có đức tri hành [1] nhường ấy,
Bể học rừng văn danh tiếng vốn lẫy lừng.
Ẩn trong làng Nho [2], há đổi niềm vui của người hiền,
Bạn bè hiền đạt, cũng vẫn tình tâm giao cũ.
Chốn ngọc đường [3], chẳng phải nơi thù tiếp vội vàng,
Nơi trướng đào [4], có hại chi việc truyền mực thước.
Thích nhất : khách lười lại được nơi nhàn hạ,
Đêm thu ngon giấc đến mãi lúc tàn canh.

Bài II

Tinh hoa văn chương chung đúc tú khí,
Trời đất là quán trọ, ở đâu tùy thích.
Ra ngoài cuộc, mọi việc xưa nay đều rất thờ ơ,
Mở nhà học, cứ giảng nghĩa sách thánh hiền thật kỹ.

CHÚ THÍCH :

(1) Tri và hành : Tri là những điều đã học mà biết được. Hành là đem những điều học được ra thực hành.

(2) Ở ẩn trong làng Nho: Ý nói người có tài kinh bang tế thế, nhưng nấu mình trong việc sách vở, dạy học.

(3) Ngọc đường: Tòa Hàn lâm.

(4) Trướng đào : *Hậu Hán thư* chép : « Mã Dung ngồi nhà cao, chăng màn thẹ đỏ, đằng trước dạy học, đằng sau có ban nữ nhạc ». Vì thế người ta gọi chỗ dạy học là « giảng trường » (trướng đào).

Nhận được phong thư, tin chắc tứ thơ còn mạnh,
Mở lò luyện thuốc, cần chữa được chứng mạch hư.
Thân thể khỏe mới có thể siêng dạy báo,
Đường tản tới của lũ trẻ vẫn còn thênh thang.

218—219

答禾諸女眷

一

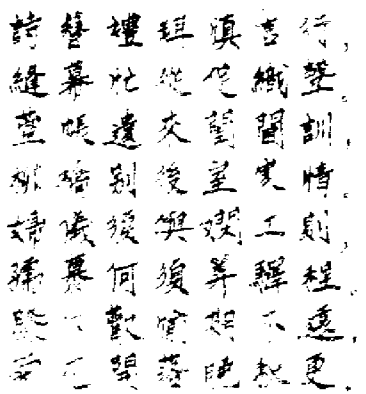

二

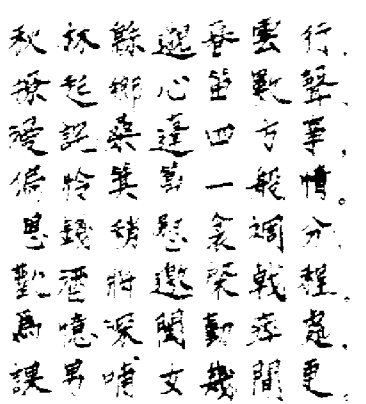

PHIÊN ÂM :

ĐÁP THỊ CHƯ NỮ QUYỂN

I

Thi trâm Lễ nhị thận ngôn hành,
Phùng mạc mang tùng xác chức thanh.
Huyên trướng đi lai khuê khổn huấn,
Liêu kiều biệt hậu thất gia tình.
Phụ nghi tu dữ nhàn công tắc,
Nhu mộ hà tu toán dịch trình.
Tất hạ hoan du kỳ bất viễn,
Cúc hoa khai lạc vãn thu canh.

II

Thu lâm miên mạc mộ vân hành,
Liêu khởi hương tâm địch sổ thanh.
Mạn sá tang bồng tứ phương sự,
Thiên lân cơ trữu nhất ban tình.
Ân tiền xảo úy khâm trù phận,
Hoan tửu tương yêu khải kích trình.
Vị ức thâm khuê cần dụy xứ,
Khóa nam bộ nữ kỷ nhàn canh.

DỊCH NGHĨA :

TRẢ LỜI CÁC BÀ TRONG HỌ

(Nguyên dẫn : Ông Biên tu, người cùng họ làm thơ giúp các phụ nữ trong nhà, gửi cho tôi, tôi cứ theo vần từng bài đáp lại, nhờ người làm giúp xem hộ).

Bài I

Trâm Thi, khuyên Lễ : lời nói việc làm phải thận trọng [1],
Trong chõn và may [2], cần khẩn trương theo tiếng xúc chức [3] giục giã.
Đạo làm vợ : nhớ lời dạy của nhà huyên [4] để lại,
Tình gia thất : không quên khi cấu liễu chia tay.
Nghĩa vợ, phải nên thạo việc nữ công,
Tình con, sá kể đường xa cách trở.
Dưới gối sum vầy, hẹn chẳng còn xa ;
Chỉ độ cuối thu sau kỳ hoa cúc nở.

Bài II

Rừng thu man mác, mây chiều đang trôi,
Vài tiếng sáo đưa, gợi lòng nhớ quê.
Lạ chi chuyện bồn phương của khách tang bồng hồ thỉ,
Chỉ thương tình những người bạn cùng cái nia, cái chổi.
Tiền thưởng vua ban gọi là an ủi phận gối chăn [A],
Rượu vui sum họp sẽ được đón người võng lọng [5].
Vì nhớ đến nỗi vất vả của người ở chõn buồng the,
Dạy trai nuôi gái chả mấy khi nhàn hạ.

NGUYÊN CHÚ :

(A) Mới có công văn bao được thăng bậc sĩ, gọi là an ủi công lao.

CHÚ THÍCH :

(1) Câu này ý nói con nhà có gia giáo từ cách trang sức cho đến lời nói, việc làm, đều phải theo khuôn phép thì lễ.

(2) Chõn và may : Dịch chữ « phùng mạc ». *Phùng mạc* cũng như *khuê phòng thêu khuê*, chỉ nơi phụ nữ ở.

(3) Xúc chức : Giục dệt vải. Đây là tên một loại dế, tiếng kêu to, hay ở các vườn hoang, cứ đến đêm thì kêu, người ta nói nó kêu giục người phụ nữ dệt vải. Có ngữ có câu rằng : « Xúc chức minh, lãn phụ kinh » (Con xúc chức kêu, người phụ nữ lười hoảng sợ).

(4) Nhà huyên, tức là người mẹ.

(5) Nguyên văn là « Khải kích » là loại kích có áo bọc. Thời phong kiến, quan to đi đường có lính cầm kích này để hộ vệ. Ở đây có ý nói là làm quan to được hiển vinh.

220

登文廟記見

聖道彌穹壤，
神都奉廟庭。
鍾彝新式度，
冕旒古儀型。
堂奠加塗壁，
宮墻洞啟扃。
崇文風入館，
肄禮日當亭。
祠戶來更直，
儒冠熟問經。
樵謳蒼草徑，
漁網白蘋汀。
樹帙臨波影，
禽絃隔岸聽。
閑前涼氣爽，
學院送荼甁。

PHIÊN ÂM:

ĐĂNG VĂN MIẾU KÝ KIẾN

Thánh đạo di khung nhưỡng,
Thần đô phụng miếu đình.
Chung di tân thức độ,
Miện hốt cổ nghi hình.

Đường áo gia đồ hoạch,
Cung tường động khải quynh.
Sùng văn phong nhập quán,
Dụy lễ nhật đương đình.
Từ hộ lai canh trực,
Nho quan thục vấn kinh.
Tiểu âu thương thảo kính,
Ngư võng bạch tần đinh.
Thụ mạc lâm ba ảnh,
Cầm huyền cách ngạn thính.
Quan tiền lương khí sảng,
Học viện tống trà bình.

DỊCH NGHĨA :

LÊN VĂN MIẾU GHI NHỮNG ĐIỀU TRÔNG THẤY (A)

Đạo thánh (1) tràn khắp trời đất,
Kinh đô có miếu thờ.
Chuông và đỉnh (2) đã theo cách thức mới,
Mũ và hốt (3) vẫn còn lề lối xưa.

NGUYÊN CHÚ :

(A) Văn Miếu ở thượng lưu sông Hương, nằm trên một ngọn đồi cao soi bóng xuống giòng sông. Các ngọn núi phía bờ bên kia chầu về. Hai ngôi đền chính, bên trong thờ tượng Đức Thánh (Đức Khổng Tử) cùng tượng tứ phối (Nhan Uyên, Tăng Tử, Khổng Cấp và Mạnh Tử) đội mũ cầm hốt ; hai bên đông và tây bày bài vị thập triết (Nhan Uyên, Mẫn Tử Khiên, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung, Tể Ngã, Tử Công, Nhiễm Cầu, Quí Lộ, Tử Du, Tử Hạ), nhà ngoài bày bài vị các tiền nho được tòng tự. Bên tả điện là quán Sùng Văn, bên hữu là nhà Dụy Lễ. Chỗ nào cũng có biển đề và đều được sắm sửa từ đời trước, bây giờ chỉ sửa lại và trang sức thêm. Quan Tế tửu Tư nghiệp và mọi người thay nhau đèn nhang. Khi tôi lên xem, ngắm cơ ngơi Văn Miếu, hóng mát nghỉ chân, có quan Tư nghiệp tiếp đón mời trà.

CHÚ THÍCH :

(1) Đạo thánh : Đạo Nho, thờ Khổng Tử.
(2) Chuông và đỉnh : Những đồ thờ trong Văn Miếu.
(3) Mũ và hốt : Phục sức của pho tượng Khổng Tử.

Bái đường, nội cung sơn thếp đẹp đẽ,
Cung tường mở cửa rộng thêm ra.
Quán Sùng Văn [1] gió lùa vào,
Đình Duy Lễ [2] vắng ô phía trước.
Thủ từ thay phiên đến trực,
Bọn nhà nho học hỏi kinh điển kỹ lưỡng.
Tiếng hát của người kiểm củi vang lối có xanh.
Lưới đánh cá chăng ở cồn rau tần trắng.
Cây rủ tựa bức màn, soi bóng trên mặt sóng,
Chim hót như tiếng đàn, vang vọng tự bờ bên.
Trước cửa tam quan khí trời mát mẻ,
Nhà học lại đưa đến một bình trà.

DỊCH THƠ :

Đạo thánh đầy trời đất,
Kinh đô có miếu thờ.
Đỉnh chuông đã đổi mới,
Mũ hốt vẫn như xưa.
Nhà cửa sơn rực rỡ,
Cung tường cửa rộng ra.
Sùng Văn gió lồng lộng,
Duy Lễ nắng chan hòa.
Phiên trực ông từ đó,
Đọc sách bọn nho ta.
Ca tiều lối cỏ biếc,
Lưới cá bãi tần xa.
Màn cây lồng sóng động,
Cách bờ, vang chim ca.
Cửa trước mắt sáng sủa.
Nhà học đem dâng trà.

HOÀNG TẠO

CHÚ THÍCH :

(1) Quán Sùng Văn : Quán ở trong Văn Miếu, nơi hội họp của các bậc văn nho.
(2) Đình Duy Lễ : Nhà học của sĩ tử, hàng ngày đến tập lễ nghi phép tắc.

221

訪天姥寺址作

崇崗壓浪草葱青，
淨界烟霞蔓杳冥。
和尚庵空祠地壝，
如來院古駐鑾亭。
苔碑殘篆遮行徑，
寶磬遺音入禁庭。
二十年前遊覽處，
晚陽樵唱不堪聽。

PHIÊN ÂM :

PHỎNG THIÊN MỤ TỰ CHỈ TÁC

Sùng cương áp lãng thảo thông thanh,
Tĩnh giới yên hà thuộc liễu minh.
Hòa thượng am không từ địa dị,
Như Lai viện cổ trú loan đình.
Đài bi tản triện già hành kính,
Bảo khánh di âm nhập cấm đình.
Nhị thập niên tiền du lãm xứ,
Vãn dương tiều xướng bất kham thính.

DỊCH NGHĨA :

THĂM NỀN CŨ CHÙA THIÊN MỤ

(Nguyên dẫn : Chùa Thiên Mụ, xưa do Hiếu Ninh Vương [1] xây dựng, cơ ngơi rộng rãi, tráng lệ, dựng bia đá trắng, khắc văn ghi việc.

CHÚ THÍCH :

(1) Hiếu Ninh Vương : Chúa Nguyễn Phúc Chú (1725 — 1738).

có chiếc khánh bằng đá quí từ phương tây đưa về treo ở gác chùa. Đó là cảnh đẹp bậc nhất của rừng thiền ở miền Nam Hà [1]. Mùa đông năm Bính Thìn (1796), tôi vâng mệnh đi công cán ở Phú Xuân, từng qua vãn cảnh thăm chùa. Trước đây, quan quân triệt bỏ các đền chùa cũ. Mùa xuân đem chiếc khánh quí để vào trong điện, nền chùa còn lại thì san đi để đắp đàn. Ngày hạ chí, vua ra tế thần đất. Thấy còn lại một tòa phật đường làm nơi vua ngự. Ngoài ra nào viện, nào am đều đổ nát không còn gì, chỉ còn tấm bia đá rêu phong đứng sừng sững bên đường cái, với những người kiếm củi qua lại nơi đây. Tôi ngẫu nhiên lại thăm chốn cũ, bùi ngùi xúc cảm).

Đồi cao trần làn sóng, cỏ mọc xanh rì,
Cảnh khói mây cõi Phật nay tìm đâu thấy !
Am hòa thượng bỏ không, trở thành nền đàn cúng tế,
Chùa Như Lai thuở ấy, nay là đình để xe loan.
Tấm bia rêu, chữ triện lờ mờ, che kín lối đi,
Chiếc khánh quí, tiếng vang còn vọng vào trong cung cấm.
Hai mươi năm trước đã từng thăm cảnh nơi đây.
Nay dưới bóng chiều tà, chẳng buồn nghe tiếng hát tiều phu.

222 — 224

中秋無月醉中偶得三絕

待月東軒伴竹叢，
癡雲不為放曚曨。
一年只會分明玩，
珍重微光三五宵。

CHÚ THÍCH

(1) Nam Hà : Miền đất từ phía nam sông Gianh trở vào.

徙倚空庭月未來，
貪歡燈下共傳杯。
南中不作秋宵賞，
誰使娥姮鏡面開。

徘徊良夜惜清輝，
醉臥前窻不掩扉。
猶想月娥時隱現，
到圓光處亂雲歸。

PHIÊN ÂM :

TRUNG THU VÔ NGUYỆT, TỰ TRUNG NGẪU ĐẮC TAM TUYỆT

Đãi nguyệt đông hiên quải trúc liêm,
Si vân bất vị phóng ngân thiềm.
Nhất niên chỉ quản kim tiêu ngoạn,
Trán trọng vi quang tại ốc thiềm.

* * *

Tỉ ý không đình nguyệt vị lai,
Tham hoan đáng hạ cộng truyền bôi.
Nam trung bất tác thu tiêu thưởng,
Thùy sử Nga thư kính diện khai.

* * *

Bồi hồi lương dạ tích thanh huy,
Túy ngọa tiền song bất yểm phi.
Do tưởng Nguyệt Nga thì ẩn hiện,
Đáo viên quang xứ, loạn vân quy.

DỊCH NGHĨA :

TẾT TRUNG THU, KHÔNG CÓ TRĂNG RƯỢU SAY NGẪU NHIÊN LÀM BA BÀI TỨ TUYỆT

Đợi trăng ở hiên đông, cuốn bức mành trúc lên,
Đám mây si tình, không chịu buông vành trăng bạc.
Cả năm, chỉ có đêm nay là thích ngắm,
Xin hãy hé ánh sáng lên thềm nhà một chút.

***

Bâng khuâng trên sân vắng, trăng vẫn chưa đến,
Mải vui, cùng nhau nâng chén dưới đèn.
Tục trong Nam, không thường tết Trung thu.
Ai mà khiến được gương Nga xuất hiện.

***

Bồi hồi đêm mát tiếc ánh sáng trong,
Say nằm trước song không khép cánh cửa.
Những tưởng bóng Nga khi ẩn khi hiện,
Nào ngờ đến độ tròn sáng thì mây rồi bời bay đến.

225—227

一

風前徙倚面東南，
客思如憎懶笑談。
秋景攬回詩興縱，

古書看罷理薰涵。
消磨歲月雙華鬢，
傲睨雲山壹短衫。
到底疎慵無用處，
物情時好未曾諳。

二

棄智逃名處不材，
却園羈宦喚閒來。
齊迎曉壁烟霞遠，
涼納秋風户牖開。
沒事慵奴眠樹蔭，
多情狎客侑霞杯。
欞庭出入憩無狀，
獨荷君知指欲回。

三

秋聲肆壁聽蕭騷，
左右琴書枕簟高。
興筆漸知吟未倦，
携錢偏與景相遭。
公忙豈及癡情叟，
官直常參政事曹。
寄傲園林成宦隱，
逞蹤尋復咍風謠。

PHIÊN ÂM :

I[1]

Phong tiền tỳ ý điện đông nam,
Khách tứ như tăng lãn tiểu đàm.
Thu cảnh lãm hồi thi điểm xuyết,
Cổ thư khán bãi lý huân hàm.
Tiêu ma tuế nguyệt song hoa mãn,
Ngạo nghễ vân sơn nhất đoản sam.
Đáo để sơ dung vô dụng xứ,
Vật tình thời hiểu vị tăng am.

II

Khí trí đào danh xử bất tài,
Khưu viên kỉ hoạn hoán nhàn lai.
Tệ nghịnh hiểu thự yên hà nhiễu.
Lương nạp thu phong hộ dữ khai.
Một sự dung nô miễn thụ ẩm,
Đa tình hiệp khách hựu hà bôi.
Khu đình xuất nhập tàm vô trạng,
Độc hạ quân trì chỉ dục hồi.

III

Thu thanh tứ bích thính tiêu tao,
Tả hữu cầm thư chẩm đạm cao.
Sách bút tiệm trì ngâm vị quyện,
Huề cùng thiên dữ cảnh tương tao.
Công mang khởi cập sĩ dung tàu.
Tục trực thường tham chính sự tào
Kỷ ngạo viên lâm thành hoan ẩn,
Phù tung ninh phục phụ phong đào

CHÚ THÍCH :

(1) Trong bản A. 603, ba bài thơ trên không có đầu đề.

DỊCH NGHĨA :

I

Trước gió, bâng khuâng nhìn về phía đông nam,
Lòng khách như nhà sư, chẳng buồn cười nói.
Lượm lặt cảnh thu đem thơ mà trang điểm.
Đọc xong sách cổ lý lẽ thâm nhuần.
Mỏi mòn năm tháng, hai mái tóc hoa,
Cười cợt núi mây, một tấm áo ngắn.
Lười nhác cuối cùng thành vô dụng,
Thẹ cuộc thị hiếu người đời ta chửa từng quen.

II

Bỏ khôn, trốn danh, tự coi mình như kẻ bất tài,
Đối nương nơi làm quan xa như gọi cảnh nhàn đến.
Lầu sớm nắng hoe, mây khói lượn quanh,
Gió thu mát mẻ, cửa ngõ rộng mở.
Rảnh việc, đẩy tớ lười ngủ dưới bóng cây,
Đa tình, người khách thân cùng ta nâng chén [A].
Ra vào nơi cơ mật, thẹn mình không có công trạng,
May nhờ ông biết cho, chỉ rõ rằng ta muốn về [B].

III

Tiếng thu ở bốn bức vách nghe xào xạc,
Cạnh mình là đàn, sách, gối nệm nằm cao.
Tìm bút, biết mình ngâm thơ chửa mỏi,
Chống gậy, lại ra cùng phong cảnh.
Việc công bận rộn đâu có đến với ông già ngây dại lười biếng,
Những buổi túc trực, thường được tham gia bàn bạc chính sự ở trong đình.
Cứ tình nơi vườn rừng, đã thành ông quan ở ẩn,
Dẫu chân lênh đênh, đâu còn sợ gì sóng gió.

NGUYÊN CHÚ :

(A) Lúc bấy giờ bọn tiểu giám giữ làng thường đến hầu rượu.

(B) Ông Thái sư cười ta vương vấn tình cảm gia đình, chỉ vào bụng ta nói : Chỉ có hai chữ « muốn về » sở vào thì thấy.

228

和答刑部右同議灝澤武侯

駱騏並轡留餘韻，
省院聯纓契異知。
孤館握談猶眷戀，
長亭引步且逶遲。
疎慵還愧新優眷，
材術須憑大作爲。
栢悅似今翹企切，
恩綸璀璨北來時。

PHIÊN ÂM :

HỌA ĐÁP HÌNH BỘ HỮU ĐỒNG NGHỊ HẠO TRẠCH VŨ HẦU

Lạc kỳ tịnh bí lưu dư vận,
Sảnh viện liên anh khế dị tri.
Cô quán ác đàm do quyến luyến,
Trường đình dẫn bộ thả uy trì.
Sơ dung hoàn quí tân ưu quyến,
Tài thuật tu bằng đại tác vi.
Bách duyệt tự kim kiều kỹ thiết,
Ân luân thôi sán Bắc lai thì.

DỊCH NGHĨA :

THƠ HỌA ĐỂ ĐÁP LẠI QUAN HỮU ĐỒNG NGHỊ BỘ HÌNH LÀ ÔNG HẠO TRẠCH HẦU VŨ HUY TẤN

(Nguyên dẫn : Vâng chiếu vua sai đến Bắc thành lo việc tiễn sứ, kiêm giữ việc bộ Hình. Tôi thấy mình sơ sài lười biếng cố ý từ chối không giữ việc bộ Hình, nhưng vua không bằng lòng. Trước tiết Trùng dương một ngày, tôi từ kinh đô ra đi, các bạn đồng liêu làm thơ tặng tiễn, trên đường đi tôi làm thơ gửi để đáp lại).

Đã từng cưỡi ngựa kỳ ngựa lạc [1], vẫn thơ còn văng vẳng,
Lại cùng làm việc trong sảnh viện, hợp nhau khác thường.
Trong quán vắng, cầm tay trò chuyện còn lưu luyến,
Chốn trường đình [2], bước chân đi lòng những ngập ngừng.
Kẻ lười thẹn với ơn vua mới đoái thương,
Người tài giỏi phải đợi đến những công việc lớn.
Lòng chân thành mừng bạn [3] từ nay mong mỏi thiết tha,
Lúc ở bắc vào, bạn sẽ được ơn vua thăng thưởng [A].

NGUYÊN CHÚ :

(A) Vũ vẫn tự tin có tài năng, đã được bề trên đoái thưởng, tất sẽ được lệnh thăng chức, nên trong thơ tôi viết như vậy.

229

和答侍中待詔尚書長源寧侯

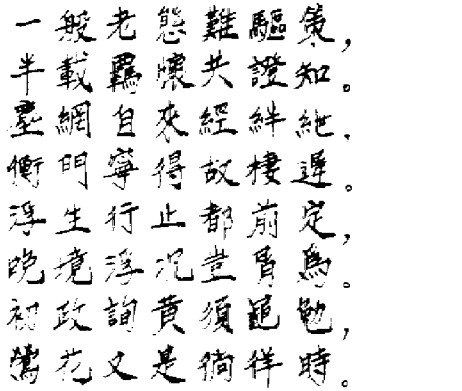

CHÚ THÍCH :

(1) Ngựa kỳ : Ngựa màu xanh đen. Ngựa lạc : Ngựa bạch. *Kinh Thi* có câu « Kỳ lạc tuần tu » nghĩa là : Cưỡi ngựa kỳ ngựa lạc đi thăm hỏi đó đây. Ý nói việc đi sứ.

(2) Trường đình : Nhà trạm ở ven đường cái, nơi tiễn biệt người thân đi xa.

(3) Lòng chân thành mừng bạn : Dịch chữ « Bách duyệt » trong thơ, có ngữ : « Tùng mậu bách duyệt », nghĩa là : Cây tùng tốt thì cây bách mừng. Ở đây ý nói mừng cho bạn sẽ làm được việc lớn.

PHIÊN ÂM :

HỌA ĐÁP THỊ TRUNG ĐÃI CHIẾU THƯỢNG THƯ TRƯỜNG NGUYÊN NINH HẦU

Nhất ban lão thái nan khu sách,
Bán tải ky hoài cộng chứng tri.
Trần võng tự lai kinh bạn tiết,
Hành môn ninh đắc cố thê trì.
Phù sinh hành chỉ đô tiền định,
Văn cảnh phù trầm khởi tiết vi.
Sơ chính tuân Hoàng tu mãnh miễn,
Oanh hoa hựu thị tháng dương thì.

DỊCH NGHĨA :

THƠ HỌA ĐÁP LẠI QUAN THỊ TRUNG ĐÃI CHIẾU THƯỢNG THƯ LÀ ÔNG TRƯỜNG NGUYÊN HỌ NINH

Nói chung tuổi già khó mà điều khiển được,
Nỗi lòng nơi đất khách nửa năm đã biết nhau.
Chốn lưới trần bầy lâu những bị ràng buộc [A],
Nơi hành môn [1] sao được tùy ý nấu nướng.
Trong kiếp phù sinh làm hay nghỉ đều là tiền định,
Cảnh già chìm nổi, thứ hỏi còn có thiệt gì.
Công việc lúc đầu, đã hỏi đến ông Hoàng [2], nên phải gắng.
Nghe oanh, xem hoa, sẽ là lúc chơi bời ung dung.

NGUYÊN CHÚ :

(A) Ông Ninh thường than là mắc vào lưới trần quá sâu, nên tôi dùng câu ấy để nói.

CHÚ THÍCH :

(1) Hành môn : Cái cửa tre gỗ sơ sài. Chỉ nơi ở ẩn của người hiền.

(2) Ông Hoàng : Tức Hoàng Bá sống vào cuối đời Hán Vũ Đế, từng làm Thái thú ở Hà Nam, chính sự rất khoan hòa nên được dân yêu kính.

230

重陽日途遇海派段契自北回
詢知家信小酌作别偶得

征思悠悠馹驛長，
人家金菊屆重陽。
三時幾宦虞旋旆，
千里來書包弄璋。
佳節數盃纔酩酊，
故交半面各匆忙。
慇懃語送朝天客，
省覓風流試迭嘗。

PHIÊN ÂM :

TRÙNG DƯƠNG NHẬT ĐỒ NGỘ HẢI PHÁI ĐOÀN KHẾ TỰ BẮC HỒI, TUÂN TRI GIA TÍN, TIỂU CHƯỚC TÁC BIỆT NGẪU ĐẮC

Chinh tứ du du nhật dịch trường,
Nhân gia kim cúc giới Trùng dương.
Tam thì kỷ hoạn ngu tuyên bái,
Thiên lý lai thư bao lộng chương.
Giai tiết sổ bôi tài đinh đính,
Cố giao bán diện các thông mang.
Ân cần ngữ tống triều thiên khách,
Sảnh viện phong lưu thi điệt chương.

DỊCH NGHĨA :

NGÀY TRÙNG DƯƠNG GIỮA ĐƯỜNG GẶP ÔNG HẢI PHÁI HỌ ĐOÀN (1) TỪ BẮC VÀO, HỎI THĂM BIẾT TIN NHÀ, LÀM TIỆC NHỎ CHIA TAY, NGẪU NHIÊN LÀM THƠ

Cưỡi ngựa đi đường xa, lòng khách những man mác,
Tết Trùng dương đến, mọi nhà đã nở cúc vàng.
Ba mùa (2) làm quan xa, nay mừng được trở về,
Nghìn dặm thư gửi đến, báo tin đẻ con trai (A).
Vài chén rượu ngày tết vừa mới chếnh choáng,
Bạn cũ gặp mặt chốc lát, đã vội chia tay.
Mấy lời ân cần tiễn đưa người khách vào châu vua,
Ở nơi sánh viện sẽ luôn được nếm mùi phong lưu.

NGUYÊN CHÚ :

(A) Người vợ thiếp họ Nguyễn vừa sinh con trai vào tháng tám.

CHÚ THÍCH :

(1) Ông Hải Phái họ Đoàn : tức Đoàn Nguyễn Tuấn.

(2) Ba mùa : Ý nói mình được vào triều cận trong kinh đã được ba mùa.

231

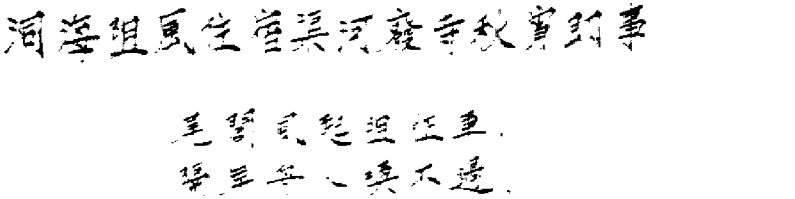

暮天烟霧掩平沙。
村墟夜寂潮聲急，
寺壁秋涼雨滴多。
寥冷征衣眠未穩，
深更呼僕試烹茶。

PHIÊN ÂM :

ĐỘNG HẢI TRỞ PHONG, TRÚ TÚC CỬ HÀ PHẾ TỰ. THU TIÊU TỨC SỰ

Vĩ Lư phong khởi trở chinh xa,
Cách ngạn chu nhân hoán bất qua.
Thương hải ba đào chàng cổ độ,
Mộ thiên yên vụ yểm bình sa.
Thôn khư dạ tịch triều thanh cấp,
Tự bích thu lương vũ chích đa.
Liêu lãnh chinh y miên vị ổn,
Thâm canh hô bộc thí phanh trà.

DỊCH NGHĨA :

Ở ĐỘNG HỚI [1] BỊ NGƯỢC GIÓ, NGỦ LẠI TRONG NGÔI CHÙA HOANG Ở CỬ HÀ. ĐÊM THU TỨC SỰ

Ngọn gió từ Vĩ Lư [2] nổi lên ngăn cỗ xe đi,
Gọi người lái đò bên sông không thấy bơi sang.
Làn sóng biển xanh, đập vào bến xưa,
Mây mù buổi chiều, che bãi cát phẳng.
Xóm vắng canh khuya chim lặng, tiếng nước triều dồn dập,
Vách chùa trời thu lạnh lẽo, giọt mưa hắt rào rào.
Chiếc áo đường xa giá buốt, giấc ngủ không yên,
Canh khuya gọi đầy tớ dậy pha trà.

CHÚ THÍCH :

(1) Động Hới thuộc tỉnh Quảng Bình.

(2) Vĩ Lư : Theo sách *Trang Tử*, Vĩ Lư là chó nước biển bị dê. Đời sau, dùng từ này để chỉ biển cả hoặc đáy biển, rồn biển.

232

回家貴條置先公祀儀敬述以銘

山煙濃欝，
海波沖瀜。
先公蔭澤，
與為無窮。
遺愛斯普，
謳德頌功。
梨園子弟，
劉在肼懞。
事變何常，
東好則同。
軒哉世祠，
開張故址。
照明焄蒿，
勝降維始。
姐巨為報，
吾人永矢。
廟樂雍雍，
載歌載吹。
妥之侑之，
襄常錫祉。

PHIÊN ÂM :

HỒI GIA QUÁN ĐIỀU TRÍ TIỀN CÔNG TỰ NGHI. KÍNH THUẬT DĨ MINH

Sơn yên nùng uất,
Hải ba xung dung.
Tiên công ẩm trạch,
Dữ vi vô cùng.
Dĩ ái tư phủ,
Ẩu đức tụng công.
Lê viên tử đệ,
Thần tại biên mông.
Sự biến hà thường,
Bính thiều tác đồng.
Hiên nga thê từ,
Khai trương cô chí.
Chiêu minh huấn cao,
Trắc giảng duy thầy.
Trở đậu vi bảo,
Ngô nhân vĩnh thì.
Miếu nhạc ung ung,
Tái ca tái suy,
Thỏa chí hựu chí,
Khang thường tích chí.

DỊCH NGHĨA :

VỀ QUÊ SẮP ĐẶT LỄ NGHI THỜ TIỀN CÔNG; KÍNH THUẬT BẰNG BÀI MINH

(Nguyên dẫn : Khi tiên công [1] tạ làm quan ở Đông Hới có xây một sinh từ [2] ở ngay trong làng qui mô rất bề thế. Tự giáo

CHÚ THÍCH :

(1) **Tiên công : Tiếng** xưng hô người cha đã qua đời

(2) **Sinh từ : Nhà thờ người còn sống.** Trong chế độ phong kiến, bọn quan lại thường sai dân làm đền thờ sống mình để tỏ cho mọi người biết rằng mình được dân yêu mến.

phường [1] của huyện xin được đem đàn sáo đến để hát thờ khi tế lễ. Năm Bính Ngọ (1786), gặp nạn binh đao, sinh từ biến thành tro. Lệ hát thờ của giáo phường cũng phải gác lại. Gần đây, tôi vào chầu vua tiện đường về quê, tập hợp nhân viên trong huyện, nêu lại điều lệ trước đây, bèn mua gỗ lim, gỗ táu, dựng lại đền thờ ngay trên nền cũ, lại đặt ruộng thờ để hàng năm cung cấp lễ vật cho các ngày lễ như : ngày sinh, ngày mất, tết Nguyên đán, tết Trung thu và cho giáo phường ca xướng trong khi tế lễ, tất cả đều đã ghi thành điều khoản. Nay nhân có việc công lại trở về, đốc thúc người nhà dựng miếu và người trong huyện ký kết khoán ước, đặt thành nghi thức thờ cúng mãi mãi, rồi làm bài minh truyền cho giáo phường phổ vào nhạc để hàng năm dâng hát ở miếu).

Khối núi dày đặc,
Sóng biển dạt dào.
Ơn của tiền công,
Vô cùng như núi, biển.
Lòng di ái [2] đã lan khắp,
Người người ngợi ca công đức.
Con em vườn lê [3],
Cũng được chở che.
Việc đời biến đổi khôn lường,
Lòng bình hiếu [4] thì mãi mãi.
Miếu thờ nguy nga,
Dựng trên nền cũ.
Đèn hương chiếu sáng nghi ngút,
Thần linh thăng giáng từ đây.
Thờ cúng để đền ơn.
Chúng ta thề giữ mãi.

CHÚ THÍCH :

(1) Giáo phường : Tiếng chỉ đám ca nữ ngày xưa. Bài « Tỳ bà hành » của Bạch Cư Dị có câu « Danh tại giáo phường đệ nhất bộ ». Trong các triều đại sau, bọn này được quan lại che chở, có quyền đến hát ở các đình, đền rồi lấy tiền công của dân.

(2) Lòng di ái : Ý nói người làm ơn đã mất rồi mà người ta vẫn nhớ ơn.

(3) Con em vườn lê : Đường Minh Hoàng họp các ca nữ ở vườn lê để học hát. Do đó người ta gọi chỗ tập họp ca nữ là vườn lê và con em họ là con em vườn lê.

(4) Bình hiếu : Thơ *Trung dân*, thiên *Đại nhã*, *Kinh Thi* có câu « Dân chi bình dị, hiếu thị ý đức » (dân theo đạo thường, ai cũng mến đức). Tác giả dùng hai chữ « bình hiếu » ở bài thơ này để nói lòng người bao giờ cũng tốt.

Tiếng nhạc rộn vang,
Nào đàn nào hát,
Thần phù hộ cho,
Ban phúc yên lành.

233

經豪門舊戰地偶感

堂堂式節畫儒紳，
慷慨孤忠戰叛臣。
督使入來兵有陣，
湯洲出後國無人。
巖溪不共英雄憤，
天地猶留信義身。
回憶嬴輸成幻局，
海風簫颯起沙塵。

PHIÊN ÂM :

KINH HẢO MÔN CỰU CHIẾN ĐỊA NGẪU CẢM

Đường đường nhung tiết thuộc nho thân,
Khảng khái cô trung chiến bạn thần.
Đốc sứ nhập lai binh hữu trận,
Thang Châu xuất hậu quốc vô nhân.
Nham khê bất cộng anh hùng phẫn,
Thiên địa do lưu tín nghĩa thân.
Hồi ức doanh thâu thành ảo cục,
Hải phong tiêu táp khởi sa trần.

DỊCH NGHĨA :

QUA CHIẾN TRƯỜNG CŨ Ở HÀO MÔN NGẪU NHIÊN CẢM XÚC (1)

Cờ tiết cầm quân đường đường thuộc về nhà nho,
Lòng cô trung khảng khái, đi đánh kẻ phản thần (2).
Đốc sứ đã vào, quân bày thế trận,
Thang Châu ra khỏi (3), nước chẳng còn ai (4).
Núi khe chẳng chung hận với người anh hùng,
Trời đất còn lưu lại tấm thân tín nghĩa.
Nhớ lại, được thua thành cuộc cờ huyễn ảo,
Gió biển đìu hiu cuốn tung cát bụi.

CHÚ THÍCH :

(1) Năm 1786, Nguyễn Huệ ra Bắc, diệt Trịnh phù Lê. Nhưng khi Nguyễn Huệ về Nam, Trịnh Bồng lại lên làm chúa, hiệu là Yên Đô. Phan Huy Ích được chúa Yên Đô sai làm tán lý việc quân Thanh Nghệ để đương đầu với quân Nguyễn Hữu Chỉnh ở Nghệ An. Khi quân Chỉnh kéo ra, thì Huy Ích thua ở Hào Môn (bến đò Hào — bến đò Ghép, Thanh Hóa) và bị bắt. Bài thơ này tác giả làm trên đường vào Phú Xuân cảm xúc khi nghĩ lại trận Hào Môn.

(2) Kẻ phản thần chỉ Nguyễn Hữu Chỉnh.

(3) Thang Châu : tức Thang Cưu Châu, danh tướng thời vua Sùng Trinh nhà Minh. Ông từng giữ chức Đô đốc Thiêm sự, cùng Tả Lương Ngọc dẹp giặc lập nhiều chiến công. Sau vì quân ít thế cô lại vào sâu đất giặc nên bị tử trận. Sử cũ cho rằng : sau khi ông đi khỏi, triều đình nhà Minh không còn ai chống đỡ và đã sụp đổ nhanh chóng.

(4) Nước chẳng còn ai : Ý nói, sau khi Phan Huy Ích bị thua ở Thanh Hóa, Nguyễn Hữu Chỉnh kéo quân ra Bắc, nước chẳng còn ai cầm quân chống lại Chỉnh nữa.

234

渡揚舍江望大慶諸峯追懷舊遊

匆匆征旆渡頭過，
隱約前峯舊樂窩。
留愛敢言裳蔽芾，

搜奇猶憶前峨峄。
峙流美景登臨少，
來去忙人感慨多。
琴管亭臺歸幻夢，
杳然龍領拱盤阿。

PHIÊN ÂM :

ĐỘ DƯƠNG XÁ GIANG VỌNG ĐẠI KHÁNH CHƯ PHONG THUY HOÀI CỰU DU

Thông thông chinh bái độ đầu qua,
Ân ước tiền phong cựu lạc oa.
Lưu ái cảm ngôn đường tẻ phè,
Sưu kỳ do ức động nga ta.
Tri lưu mỹ cảnh đăng lâm thiểu,
Lai khứ mang nhân cảm khái đa.
Cầm quản đình đài quy ảo mộng,
Thương nhiên long hãm cũng Bàn A.

DỊCH NGHĨA :

QUA SÔNG DƯƠNG XÁ NHÌN CÁC NGỌN NÚI ĐẠI KHÁNH, NHỚ NHỮNG NGÀY ĐI CHƠI TRƯỚC ĐÂY

Mang lá cờ đi xa tắt tả qua bến đò,
Thấp thoáng núi trước mặt có ngôi nhà yên vui cũ.
Còn được dân yêu, dám nói đến chuyện cây cam đường [1] sum suê,
Đi tìm cảnh lạ, vẫn nhớ nơi đây động đá xưa chót vót.
Cảnh núi sông tươi đẹp, ít khi thường ngoạn,
Người bận rộn lại qua, cảm khái càng nhiều.
Chuyện đàn sáo đình đài xưa đều thành mộng ảo,
Chỉ còn núi Hàm Rồng xanh xanh chầu về núi Bàn A [2].

CHÚ THÍCH :

(1) Câu thơ muốn nhắc tới bài *Cam đường*, trong *Kinh Thi*. Ý thơ ca ngợi cách cai trị dân của Thiệu Bá thời Chu.

(2) Hàm Rồng, Bàn A là hai núi ở Thanh Hóa.

235

經山南上路具詢秋初水灾偶成

京中有人從北來，
傳說民間水降灾。
二十餘縣望如海，
滔滔白浪無津涯。
初聞其語半疑信，
豈世變異如是哉。
歸塗壹經青池渡，
於水穿堤猶在覩。
叢葦依依兩水濱，
樹枝歷歷與水上。
田禾泥滓無秋矣，
民廬超鄰向閭苦。
豈覺啼呼水患奇。
漫溢潰泥多逸苦。
江河秋漲自年年。
泥起奔淹歸海笑。
未聞積漲五十日。
盡揭澇宅委魚湖。
窰汀非常堤城塢。
嗟嗟民命制于天。
橫流不時上淺入。
海濱況鹹亡許異。
君不見羅順東風引長遡來。
尾閭還交浮宦里。

奇華千家逐浪留，
旦麗百艘填浪裏。
天武流行抑或然、
西南數路休悲誹。

PHIÊN ÂM :

KINH SƠN NAM THƯỢNG LỘ CỤ TUẤN THƯ SƠ THỦY TAI NGẪU THÀNH

Kinh trung hữu nhân tùng Bắc lai,
Truyền thuyết dân gian thủy giáng tai.
Nhị thập dư huyện vọng như hải,
Thao thao bạch lãng vô tân nhai.
Sơ văn kỳ ngữ bán nghi tín,
Nghiêu thế hoài tương như thị tai ?
Qui bỉ nhất kinh Thanh Quyết độ,
Ư thủy xuyên đê do tại đổ.
Liêm ốc y y đái thủy hấn,
Thụ chi lịch lịch nhiễm sa thổ.
Điền nguyên nê nính vô thu hòa.
Dân khí trì sừ, thương võng cổ.
Ấp tẩu đề hồ thủy hoạn kỳ,
Hội, đật, phiêu, trầm đa khiết khổ.
Giang hà thu lạo tự niên niên,
Lưu sử bôn thoan qui hải nhiên.
Vị văn tích trướng ngũ thập nhật,
Tận tương hồng trạch ủy ngư uyên.
Ám lệ phi thường kham chuật dịch,
Ta tai dân mệnh chế hồ thiên.

Hoành lưu bất đặc thượng nguyên thủy,
Hải tẻ phiêm hàm vưu nhạ đị.
Quân bất kiến Hoan Thuận đông phong dẫn bạo
trào lai,
Vi Lư cốn lai yểm điền lý.
Kỳ Hoa thiên gia trục ba gian,
Nhật Lệ bách sưu điền lãng lý.
Thiên tai lưu hành ức hoặc nhiên,
Tây nam số lộ hưu oán phỉ.

DỊCH NGHĨA :

THƠ LÀM KHI VỀ QUA TRẦN SƠN NAM THƯỢNG (1), HỎI RÕ ĐƯỢC TÌNH HÌNH TRẬN LỤT ĐẦU MÙA THU

Trong kinh có người từ bắc vào,
Kể chuyện dân gian bị lụt lớn.
Hơn hai mươi huyện trông như biển,
Mênh mông sóng bạc không bến bờ.
Thoạt nghe, bụng nửa tin nửa ngờ,
Đời Nghiêu, hồng thủy chắc cũng thế (2) ?
Ngựa về vừa qua đò Thanh Quyết,
Nước tràn đê thúng nhìn vẫn rõ.
Lưng mành rành rành ngấn nước in,
Cành cây mỏm một đất cát ô.
Ruộng đồng lầy lội không lúa thu,
Dân bỏ cày cuốc, chuồng chài, đó.
Cụ già trong làng kêu lụt kỳ :

CHÚ THÍCH :

(1) Sơn Nam Thượng : xưa nằm trong lộ Sơn Nam, bao gồm vùng đất Hà Nội, Hà Đông, Hà Nam cũ.

(2) Nguyên văn là « hoài tương » - *Kinh Thư* chép về nạn hồng thủy ở đời vua Nghiêu có câu « Đãng đãng *hoài sơn, tương* lãng ». Nghĩa là : Mênh mông nước bọc quanh núi, nước ngập cả đồi. Đời sau dùng từ « hoài tương » để chỉ nạn lụt lớn.

Vỡ, tràn, nổi, chìm, nhiều nỗi khổ
Hàng năm sông thu nước lũ dâng,
Nhưng đều băng bàng ra biển cả.
Chưa nghe lụt tới năm mươi ngày,
Biển cả tổ chim thành vực cá.
Khí nặng khác thường thật đáng ghê [1],
Than ôi ! Mệnh dân do trời định.
Nước to nào phải chỉ thượng nguồn,
Biển dâng nước mặn càng kỳ lạ.
Anh chẳng thấy : Miền châu Hoan, châu Thuận [2]
gió đông dâng nước triều lên.
Nước từ rốn biển tràn vào ngập đồng ruộng.
Kỳ Hoa [3] ngàn nhà cuốn theo sóng,
Nhật Lệ [4] trăm thuyền bị sóng gìm.
Thiên tai lưu hành, âu ngẫu nhiên !
Mấy lộ [5] Tây Nam đừng oán thán.

CHÚ THÍCH :

(1) Khí nặng khác thường : Theo quan niệm cũ, khí âm thang khí dương thì sinh ra tai nạn.
(2) Châu Hoan : tên cổ của Nghệ An ; Châu Thuận : là Thuận Hoa.
(3) Cửa bể Kỳ Hoa : Thuộc Nghệ Tĩnh.
(4) Cửa sông Nhật Lệ : Thuộc tỉnh Bình Trị Thiên
(5) Lộ : Đơn vị hành chính xưa.

236—237

初冬赴邸口占貳絶

故園松菊賦歸夾，
親昔迎門笑口開。
陛下團團爭戲彩，
侍姬抱見始生孩。

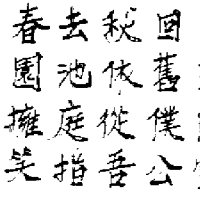

PHIÊN ÂM :

SƠ ĐÔNG PHÓ ĐỆ KHẨU CHIÊM NHỊ TUYỆT

Cố viên tùng cúc phú quy lai,
Thân quyến nghinh môn tiếu khẩu khai.
Tất hạ đoàn đoàn tranh hý thái,
Thị cơ bão kiến thủy sinh hài.

* * *

Xuân khứ thu hồi nhật tự thoa,
Viên trì y cựu đột lư hoa.
Ứng đình tòng bộc bội hoan sắc,
Tiếu chỉ ngô công tuyết mãn đa.

DỊCH NGHĨA :

ĐẦU MÙA ĐÔNG VỀ NHÀ ỨNG KHẨU LÀM HAI BÀI TUYỆT CÚ

Trở về với cây tùng cây cúc trong vườn cũ,
Gia quyến mở cổng đón, miệng cười hớn hở.
Quanh mình đàn trẻ mặc áo hoa vui đùa,
Người thiếp bế đứa con mới sinh ra chào.

* * *

Xuân qua thu về, thời gian tựa thoi đưa,
Ao, vườn hoa lau vẫn nở như xưa.
Chật sân đầy tớ hân hoan đón,
Cười chỉ : « Ông nhà ta tóc bạc đã nhiều rồi ».

238

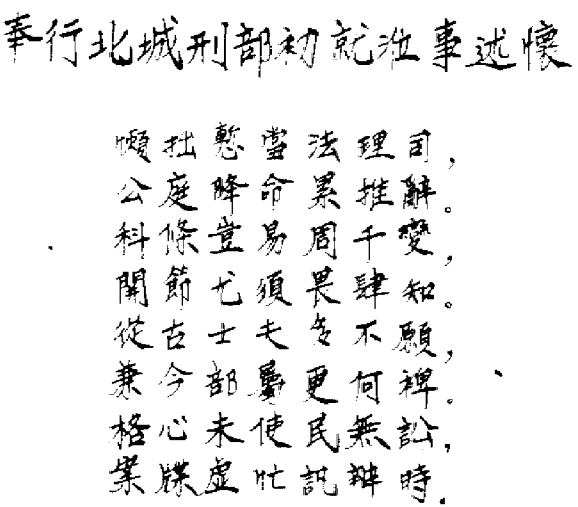

PHIÊN ÂM :

PHỤNG HÀNH BẮC THÀNH HÌNH BỘ. SƠ TỰU LỴ SỰ THUẬT HOÀI

Lãn chuyết tàm đương pháp lý ty,
Công đình giáng mệnh lũy thôi từ.
Khoa điều khởi dị chu thiên biến,
Quan tiết vưu tu úy tử tri.
Tòng cổ sĩ phu đa bất nguyện,
Kiêm kim bộ thuộc cánh hà tỳ.
Cách tâm vị sử dân vô tụng,
Án điệp hư mang tẫn biện thì.

DỊCH NGHĨA :

VÂNG MỆNH TỚI BỘ HÌNH BẮC THÀNH, THUẬT Ý NGHĨ KHI MỚI TỰU CHỨC

Lười biếng vụng về, thẹn được giữ ngành pháp lý [1],
Triều đình ra lệnh, đã từ chối mấy lần.
Điều mục luật pháp đâu dễ tóm khắp ngàn lần biến hóa,
Mánh khóe tư túi [2], càng phải sợ lẽ tứ tri [3].
Từ xưa, bậc sĩ phu phần nhiều chẳng thích,
Lại thêm nay, thuộc hạ ta phỏng có giúp được gì.
Sửa lòng, chưa khiến được dân không kiện [4],
Nên khi xét xử vẫn phải bận về văn án.

CHÚ THÍCH :

(1) Ngành pháp lý : Ý nói Bộ Hình.

(2) Mánh khóe tư túi : Dịch chữ « Quan tiết », nghĩa là bè lũ tư túi với nhau để làm việc gian dối.

(3) Tứ tri : Dương Chân đời Hậu Hán đang đêm có người đem đút lót 10 cân vàng, ông không nhận, người ấy nói : « Đêm khuya này chẳng có ai biết, xin quan nhận lễ cho ». Ông nói : « Trời biết, thần biết, tôi biết, anh biết, sao lại bảo là không ai biết ». Rốt cuộc người kia phải mang vàng về.

(4) Khiến được dân không kiện : Khổng Tử nói : « Xử kiện thì ta cũng như người khác, chỉ khác là sao cho không có người kiện nhau nữa mà thôi ».

239—240

北城火灾偶紀二絶

何事玄冥遜祝融，
通宵城市火連空。
公家收貯多圖牒，
併委私裝煨燼中。

昨聞秋潦滇溪川，
今見秋灾煽焰煙。
水火歲中俱訝異，
未應休咎屬茫然。

PHIÊN ÂM :

BẮC THÀNH HỎA TAI NGẪU KÝ NHỊ TUYỆT

Hà sự Huyền minh tổn Chúc dung,
Thông tiêu thành thị hỏa liên không.
Công gia thu trữ đa đồ điệp,
Tính ủy tư trang, ỷ tận trung.

***

Tục văn thu lạo yểm khê xuyên,
Kim kiên thu tai phiến diễm yên.
Thủy hỏa tuế trung câu nhạ dị,
Vị ưng hưu cữu thuộc mang nhiên.

DỊCH NGHĨA :

NGẪU NHIÊN GHI LẠI NẠN HỎA TAI Ở BẮC THÀNH HAI BÀI TỨ TUYỆT (A)

Việc gì thần Huyền minh (1) lại thua thần Chúc dung (2),
Suốt đêm, trong thành ngoài phố lửa ngút trời.
Kho lưu trữ của nhà nước biết bao bản đồ giấy má,
Cũng theo tư trang các nhà thành đồng trọc tàn.

***

NGUYÊN CHÚ :

(A) Đêm hai mươi ba tháng mười, giờ hợi, lửa ở trong thành bốc lên, gió thổi mạnh, lửa lan ra dinh thự của các quan to và doanh trại ở của những người tướng tá binh lính. Tất cả đều ra tro hết. Khu kho thuốc súng Liên triều bốc cháy, mái nhà, rui, mè, bén lửa bay rơi là tả khắp mọi phía. Ngoài thành, các cửa đông, nam, bắc phố xá đều bị thiêu hủy. Mãi đến giờ thìn, giờ tỵ lửa vẫn chưa tắt.

CHÚ THÍCH :

(1) Huyền minh : Tên gọi thần làm mưa.

(2) Chúc dung : Tên gọi thần lửa.

Trước nghe nói nước lũ mùa thu tràn ngập sông ngòi,
Nay lại thấy hỏa hoạn mùa thu khói lửa ngút trời.
Trong một năm mà cả nạn lụt nạn cháy đều khủng khiếp,
Chưa chắc phúc họa đã là chuyện mơ hồ.

241

乙卯春旦山家紀興

萬彙韶芳報歲華，
行旌遥指故山家。
肅瞻廟祀陳春酒，
遍訪鄉亭伺佛伽。
老少歡愉同侑席，
兒童嘻笑邇隨車。
偷閒最愛千金刻，
燦爛叢扃曉暮霞。

PHIÊN ÂM:

ẤT MÃO XUÂN ĐÁN, SƠN GIA KỶ HỨNG

Vạn vựng thiểu phương báo tuế hoa,
Hành tinh dao chỉ cố sơn gia.
Túc chiêm miếu tự trần xuân tửu,
Biến phỏng hương đình hướng phật ca.
Lão thiếu hoan du đồng hựu tịch,
Nhi đồng hy tiếu nhĩ tùy xa.
Thâu nhàn tối ái thiên kim khắc,
Sán lạn nham quynh hiểu mộ hà.

DỊCH NGHĨA :

GHI CẢM HỨNG VỀ NGÀY TẾT NGUYÊN ĐÁN NĂM ẤT MÃO (1795) Ở NHÀ RIÊNG TRÊN NÚI (A)

Muôn cảnh đều có vẻ xuân, báo tin năm mới đến,
Lá cờ trên đường xa hướng về ngôi nhà cũ trên núi.
Kính cẩn chiêm ngưỡng nhà thờ họ, rồi bày chén rượu xuân,
Thăm khắp trong đình làng và cả chùa thờ Phật.
Già trẻ vui mừng đều dự tiệc rượu,
Nhi đồng ríu rít bám sát theo xe.
Thích nhất được ngày nhàn rỗi, một khắc ngàn vàng.
Ráng mây buổi sáng, buổi chiều rực rỡ trước cửa núi.

NGUYÊN CHÚ :

(A) Buổi sáng ngày Nguyên đán, lễ triều yết xong, lập tức trở về nhà tư trên núi, đi lễ ở nhà thờ họ. Sáng sớm hôm sau lại đi lễ đình thờ thần và thăm chùa, mời những người trong làng đến họp ở đình sở, mổ trâu, nấu cơm thết tiệc rượu vui. Ngày mùng ba, đến ấp Tả (1) rồi mới về dinh trong thành.

CHÚ THÍCH :

(1) Ấp Tả : Làng Tả Thanh Oai, Hà Đông.

242

春中奉監督山南堤務紀事

邦家農政重河防，
南路功程係監當。
堤道廿餘興板築，

田錢五萬計封疆。
删酬均澤民勞敏，
堅繳完公地利長。
歷次巡行宣碩畫，
要教處處頌甘棠。

PHIÊN ÂM :

XUÂN TRUNG PHỤNG GIÁM ĐỐC SƠN NAM ĐÊ VỤ KỶ SỰ

Bang gia nông chính trọng hà phường,
Nam lộ công trình hệ giám đương.
Đê đạo trấp dư hưng bản trúc,
Điền tiền ngũ vạn kế phong cương.
San thù quân trạch dân lao mẫn,
Kiên trí hoàn công địa lợi trường.
Lịch thứ tuần hành tuyên thạc hoạch,
Yếu giao xứ xứ tụng cam đường.

DỊCH NGHĨA :

GHI VIỆC GIỮA MÙA XUÂN PHỤNG MỆNH GIÁM ĐỐC VIỆC ĐẮP ĐÊ Ở LỘ SƠN NAM [1] (1795)

(Nguyên dẫn : Mùa thu trước (1794) nước sông lên to khác thường, đê nhiều nơi bị sạt vỡ. Trấn Sơn Nam Thượng cần đắp 22 đoạn đê mới, dài hơn 3000 trượng, công việc rất lớn. Tháng 2 năm nay (1795) có chỉ truyền thu tiền ruộng, mỗi mẫu ba mươi đồng tiền để thuê nhân công đắp, tùy theo từng đoạn mà trả tiền công, mỗi nơi một khác. Tôi được lệnh giám đốc việc đó, thân hành đi xem xét khắp nơi, giao cho các quan huyện sức cho các làng mà nước có thể ngập tới phải bắt dân phu đem

CHÚ THÍCH :

(1) Lộ Sơn Nam : Tên đất cổ thời Lê, bao gồm những vùng Hà Nội, Hà Đông, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình cũ.

gỗ đến : khởi công đắp, đúng kỳ hạn phải xong, không được chậm trễ. Sau một tháng công việc đã làm xong. Sổ tiền thu vào và phát ra đến hơn năm vạn quan tiền. Dân vất vả một lúc mà được lợi chung nên ai nấy đều khen là tiện lợi).

Chính sách nông nghiệp của nhà nước coi trọng phòng lụt,
Công trình của lộ Sơn Nam thuộc quyền đôn đốc.
Hơn hai chục đoạn đê cần đắp lại,
Năm vạn quan tiền đầu mẫu đã thu.
Ơn trên san sẻ thật đều, dân chịu khó làm nhanh,
Đê đập hoàn thành vững chắc, lợi ích lâu dài.
Nhiều lần đi các vùng để truyền đạt quy hoạch lớn,
Cốt sao cho nơi nơi đều tụng thơ « Cam đường » [1].

CHÚ THÍCH :

(1) Bài thơ *Cam đường* trong *Kinh Thi* ca ngợi cách cai trị dân của Thiệu Bá thời Chu.

243

初夏書懷贈刑部同議瀨澤武侯

璀璨恩綸奉北來，
憎將疎懶共秋臺。
笙絃不改秦花味，
金矢猶慙判斷才。
安得桁楊稀訟牒，
相從蓮柳聚歡杯。
事關明允資同幹，
一片交情盡展開。

PHIÊN ÂM :

SƠ HẠ THƯ HOÀI, TẶNG HÌNH BỘ ĐỒNG NGHỊ HẠO TRẠCH VŨ HẦU

Thôi sản ân luân phụng bắc lai,
Tiêm tương sơ lãn điển thu đài.
Sênh huyền bất cải hào hoa vị,
Kim thi do tàng phán đoán tài.
An đắc hành dương hy tụng điệp,
Tương tùng liên liễu tụ hoan bôi.
Sự quan minh doãn tư đồng cán,
Nhất phiến giao tình tận triển khai.

DỊCH NGHĨA :

ĐẦU MÙA HẠ, TẶNG HÌNH BỘ ĐỒNG NGHỊ HẠO TRẠCH HẦU VŨ HUY TẤN. CẢM HOÀI

Vầng chiếu rồng rực rỡ, từ miền bắc vào,
Đem tính lười nhác lạm coi việc thu đài [1].
Thú đàn sáo, chẳng đổi phong vị hào hoa,
Đường sắc sảo, những thẹn về tài phán đoán.
Ước gì nơi xiềng xích gông cùm thưa thớt kiện cáo,
Để cùng nhau trước sen bên liễu họp chén vui vầy [A].
Việc được sang suốt và thỏa đáng là nhờ bạn đồng sự,
Tấm lòng giao tình được cởi mở cho hết.

NGUYÊN CHÚ :

(A) Nhà tôi cùng với nhà Vũ hầu liền nhau, trên bờ ao nhà ông Vũ có trồng liễu làm rặng ; còn ao nhà tôi thì thả sen trắng. Ngày thường chúng tôi cưỡi chiếc thuyền, men theo bờ, lấy chén rượu cùng nhau uống làm vui. Bây giờ người ta có truyền tụng câu : Tây liên đông liễu (Hoa sen ở bên tây, rặng liễu ở bên đông).

CHÚ THÍCH :

(1) Thu đài : Bộ Hình. Thời xưa quan Tư khấu coi bộ Hình gọi là Thu quan.

244

245

(Xem Phụ lục ở tập III)

246

247

孟春下浣迎先閨神主升祔家廟紀懷

真遊歸洞府，
遺祀在園廬。
從吉年華改，
追榮禮典初。
山光開世廟，
里樂接仙輿。
輦假憑留蹕，
烝嘗左右如。

PHIÊN ÂM :

MẠNH XUÂN HẠ CÁN NGHINH TIÊN KHUÊ THẦN CHỦ THĂNG PHỤ GIA MIẾU KÝ HOÀI

Chân du qui động phủ,
Di tự tại viên lư.
Tòng cát niên hoa cải,
Truy sùng lễ điển sơ.

Sơn quang khai thể miếu,

Lý nhạc tiếp tiên dư.

Tụy cách bằng lưu hỏ,

Huân cao tả hữu như.

DỊCH NGHĨA :

HẠ TUẦN THÁNG GIÊNG, RƯỚC BÀI VỊ CỦA TIÊN KHUÊ (1) VỀ THỜ PHỤ Ở NHÀ THỜ LÀM THƠ ĐỂ GHI NỖI LÒNG (A)

Linh hồn đã về cõi tiên,

Cúng giỗ nơi nhà cũ.

Năm tháng đổi thay, nay đã mãn tang,

Bắt đầu cúng giỗ theo lễ bình thường.

Đón ánh núi, mở cửa nhà thờ,

Rước xe tiên, bằng tiếng nhạc quê.

Khôn thiêng thì nhớ giáng phúc,

Quanh quất trong chỗ khói hương.

NGUYÊN CHÚ :

(A) Mùa xuân năm Quí Sửu (1793), làm lễ hết tang tiên khuê xong, đặt bài vị trong nhà cũ ở ấp Tả, giao cho các con hàng năm thờ cúng. Nay sắm lễ vật long trọng rước bài vị về thờ phụ tại nhà thờ ở ấp Thuỵ. Trên đường đi có cờ, trống, nghi trượng sáo đàn và phường nhạc đi trước kiệu ăn, thân quyến xe ngựa theo sau, đi đến đâu, người ra xem đông nghịt thế tối đặt bài hương thờ bóng ở ấp Tả.

CHÚ THÍCH :

(1) Tiên Khuê : Chỉ người vợ đã quá cố. Trong bài tác giả muốn nói tới người vợ họ Ngô mất năm 1792.

248—255

題葆真觀軒壁畫圖八絕

一

題天台圖

攀燈捫蘿見王顏，
葫麻飽後却思還。
僊緣徼幸難重遇，
猶勝巫峯一夢間。

二

題桃源圖

碧澗縈迴草樹香，
桃花深處見村主。
僊源不有漁簑到，
誰識壺天日月長。

三

題八僊圖

高吟長嘯碧雲端，
八極逍遙具羽翰。
神在清虛僊府上，
御名時復報乩壇。

四

題九老圖

簪紳相對白頭翁，
笑傲乾坤一醉中。
不識晚晴何世界，
山亭偏占此春風。

五

題柴山圖

烟花隱約梵王臺，
錦崗雲屏次第開。
山色湖光誰管領，
鄉紳蚤欲賦歸來。

六

題拋山圖

色崖聳翠枕寒流，
浩渺烟波湧六頭。
光景幾經塵劫換，
東阿君宰舊清遊。

七

題三友圖

勁節峻嶒傲晚霜，
癯姿皎潔冠群芳。
貞通恬好逢君子，
耐共締交伺玉堂。

八

題五柳圖

傍叢裊娜柳條疎，
疑有潯陽處士廬，
日晚橋頭催客思，
紛紛攜笈又鞭驢。

PHIÊN ÂM :

ĐỀ BẢO CHÂN QUÁN HIỆN BÍCH HỌA ĐỒ BÁT TUYỆT

I

Đề Thiên Thai đồ

Phan đằng môn la kiến ngọc nhan,
Hồ ma bão hậu khước tư hoàn.
Tiên duyên yêu hãnh nan trùng ngộ,
Do thắng Vu phong nhất mộng gian.

II

Đề Đào Nguyên đồ

Bích giản oanh hồi thảo thụ hương.
Đào hoa thâm xứ kiến thôn trang.
Tiên nguyên bất hữu ngư sou đáo,
Thùy thức hồ thiên nhật nguyệt trường.

III

Đề bát tiên đồ

Cao ngâm trường khiếu bích vân đoan,
Bát cực tiêu dao cụ vũ hàn.
Thần tại thanh hư tiên phủ thượng,
Ngự danh thời phục bảo kê đàn.

IV

Đề cửu lão đồ

Trâm thân tương đối bạch đầu ông,
Tiếu ngạo càn khôn nhất túy trung.
Bất thức Vãn Đường hà thế giới,
Sơn đình thiên chiếm thử xuân phong.

V

Đề Sài Sơn đồ

Yên hoa ẩn ước Phạm Vương đài,
Cầm động vân bình thứ đệ khai.
Sơn sắc hồ quang thùy quản lĩnh,
Hương thân tảo dục phú qui lai.

VI

Đề Phao Sơn đồ

Nguy nhai tảng thủy chẩm hàn lưu,
Hạo điểu yên ba dũng Lục Đầu.
Quang cảnh kỳ kinh trần kiếp hoan,
Đông A quân tế cựu thanh du.

VII

Đề tam lưu đồ

Kinh tiết lăng tăng ngạo vân sương,
Cổ tư kiều khiết quan quân phương.
Trinh thông cấp hảo phùng quân tử,
Nại cộng đề giao hương ngọc đường.

VIII

Đề Ngũ Liễu đồ

Bạng nhan niêu ná liễu điêu sơ,
Nghỉ hữu Tầm Dương xứ sĩ lư.
Nhật vãn kiều đầu thôi khách tứ,
Phân phân hoè cáp hựu tiên lư.

DỊCH NGHĨA :

TÁM BÀI TUYỆT CÚ ĐỀ Ở CÁC BỨC VẼ TREO TRÊN VÁCH QUÁN BẢO CHÂN

(Nguyên dẫn : Đầu mùa hạ, tôi dựng một nhà thủy tạ ở trên ao sen, đằng sau nhà chính, bốn mặt treo rèm, tùy ý đóng mở từng lúc. Quanh hiên, tám góc đều làm vách phần, mỗi nơi có treo một bức họa, đặt tên là quán Bảo Chân, sớm tối nằm nghỉ ở đó, phía trên cửa có đề một bài ký, chỗ hiên vách treo tranh, mỗi bức đề một bài tứ tuyệt).

I

Đề bức tranh Thiên Thai [1]

Vin mỏm đá, bám dây leo lên được thấy mặt ngọc,
Vừng ăn chán rồi lại mong về.
Duyên tiên là việc may mắn, khó gặp được lần nữa,
Còn hơn ở Vu sơn [2] chỉ được một giấc mộng.

CHÚ THÍCH :

(1) Thiên Thai : Tương truyền đời Hán có Lưu Thần và Nguyễn Triệu đi hái thuốc. Ngày 5 tháng 5 vào núi Thiên Thai bị lạc đường, thấy nước hạt vừng chảy ra, biết là có người, bèn đi vào thì gặp hai nàng tiên ra đón. Sau cùng ăn ở với nhau thành vợ chồng. Được nửa năm vì nhớ nhà mà về, về đến nhà chỉ còn người cháu bảy đời.

(2) Vu Sơn : Bài Phu « Cao Đường » của Tống Ngọc có câu : Xưa Sở Vương mộng thấy đi lại với thần nữ, lúc ra đi thần nữ nói : « Tôi là người ở Vu Sơn ».

II

Đề bức tranh Đào Nguyên [1]

Khe biếc quanh co, cây cỏ thơm,
Nơi sâu thăm thẳm những hoa đào, thầy làng xóm.
Nguồn tiên không có người dân chài khoác áo tơi đến,
Thì ai biết ngày tháng ở vùng trời ấy dài dằng dặc ?

III

Đề bức tranh bát tiên [2]

Ngâm cao, kêu dài ở tít mây xanh,
Vui chơi khắp tám phương dường như đủ lông đủ cánh.
Tinh thần chốn làng tiên thanh tĩnh hư vô,
Những vị ấy thỉnh thoảng lại giáng bút xuống kẻ đàn [3]

IV

Đề bức tranh chín ông già [4]

Mấy ông già bạc đầu, mũ đai ngồi đối nhau,
Lúc say, cười đùa ngạo nghễ trước trời đất.
Không biết Văn Đường [5] là thế giới nào,
Mà chiếm riêng được gió xuân ở nơi đỉnh núi.

CHÚ THÍCH :

(1) Đào Nguyên : Bài ký « Đào hoa nguyên » của Đào Tiềm nói : có người đánh cá đi lạc vào một nơi có nhiều hoa đào. Đi mãi đến một nơi có làng xóm. Người ở đây nói rằng ông cha họ xưa gặp loạn đời Tần mới tránh vào ở đây, không biết việc đời bên ngoài ra sao cả.

(2) Bát tiên : tám vị tiên là Hán Chung Li, Trương Quả Lão, Hàn Tương Tử, Lý Thiết Quải, Tào Quốc Cữu, Lã Động Tân, Lam Thái Hòa, Hà Tiên Cô.

(3) Kẻ đàn : Nơi đàn tràng phụ tiên xuống giáng bút cho thơ để bói cát hung. Đời xưa có thuật cầu bát tiên giáng bút.

(4) Chín ông già : Bạch Cư Dị ở đời Đường, lúc về hưu hay đi lại chơi bời với tám ông già, rồi nhờ người vẽ hình tám người ấy và mình, gọi là bức tranh chín ông già.

(5) Văn Đường : Tiếng gọi thời cuối triều Đường. Thường dùng để chỉ hồi thơ Đường đã suy.

V

Đề bức tranh Sài Sơn

Đài Phạm Vương [1] thấp thoáng trong cảnh yên hoa [2],
Động gầm, bình phong mây lấn lượt mở ra.
Sắc núi, ánh hồ kia ai là người chăm sóc,
Kẻ hương thân này [3] từ lâu muốn ngâm lời ca «Về đi thôi» [4].

VI

Đề bức tranh Phao Sơn [5]

Núi biếc chót vót gối trên dòng sông lạnh,
Khói sóng mênh mông cuộn lên cửa Lục Đầu [6].
Quang cảnh qua mấy độ thay đổi kiếp trần,
Đây là chốn du lãm xưa kia của vua tôi Đông A [7].

VII

Đề bức tranh tam hữu [8]

Khí tiết cao siêu ngạo nghễ với hơi sương cuối năm [9],
Vẻ gầy trong sạch, đứng đầu các thứ hoa [10].
Cũng tấm hư tâm, nay gặp người quân tử [11],
Hướng vào chốn ngọc đường cùng kết giao với nhau.

CHÚ THÍCH :

(1) Đài Phạm Vương : Chùa thờ Phật.
(2) Yên hoa : Cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp.
(3) Hương thân : Bậc thân sĩ ở chốn hương thôn.
(4) Tức bài «Quy khứ lai từ» của Đào Tiềm đời Tấn. Trong bài tác giả nói tâm trạng muốn «trên ấn, từ quan» về quê nhà vui với cảnh điền viên tùng cúc.
(5) Phao Sơn : Núi Phao ở Phả Lại, Hải Dương (nay thuộc Hải Hưng).
(6) Cửa Lục Đầu : Cửa sông Lục Đầu ở Phả Lại, Hải Dương. Khúc sông này có sáu ngọn sông đổ về nên có tên là sông Lục Đầu.
(7) Đông A : Tức là họ Trần, lấy chữ «Đông» ghép với nửa chữ «A», thành chữ «Trần».
(8) Tam hữu : Ba người bạn. Trước kia người ta hay vẽ ba loài cây : thông, trúc, mai gọi là tam hữu.
(9) Câu thơ vịnh về cây thông.
(10) Câu thơ vịnh về cây mai.
(11) Câu thơ vịnh về cây trúc.

VIII

Đề bức tranh Ngũ Liễu [1]

Ven sườn núi tơ liễu buông thướt tha,
Ngờ rằng nơi đó có nếp nhà người xứ sĩ [2] Tầm Dương.
Đầu cầu bóng xế như giục giã lòng khách,
Bồi hồi tay cắp tráp, tay ra roi quất lừa.

DỊCH THƠ :

I

Bám dây vin đá gặp nàng tiên,
Ăn chán hồ ma nhớ cõi phàm.
Gặp gỡ duyên tiên khôn gặp lại,
Còn hơn chung giấc mộng Vu Sơn.

II

Suối biếc quanh co hương ngát bay,
Xóm hoa đào hiện lũng sâu này.
Nguồn tiên vì chẳng ông chài đến,
Ngày tháng bao trên mấy kẻ hay ?

III

Tiếng ngâm cao vút phía mây xanh.
Tâm cõi tiêu dao cảnh đủ thành.
Thân ngụ [illegible] vô thanh tịnh ấy,
Kẻ đàn giang bút vẫn nêu danh.

CHÚ THÍCH

(1) Ngũ Liễu : Đào Tiềm người làng Sài Tang huyện Tầm Dương đời Tấn, ông trồng 5 khóm liễu trước cửa, tự đặt hiệu là Ngũ Liễu tiên sinh.

(2) Xứ sĩ : kẻ sĩ ở ẩn.

IV

Mấy vị cân đai tóc trắng ngần,
Say đùa trời đất đố ai ngăn.
Vân Đường thế giới là đâu nhỉ ?
Đỉnh núi giành riêng ngọn gió xuân.

V

Thấp thoáng yên hoa cảnh Phạm Vương,
Phẩn mây động gấm mở huy hoàng.
Ánh hồ sắc núi ai chăm sóc ?
Sớm muộn ngâm về với cỏ hương.

VI

Cao vút non xanh gội dải sông,
Lục Đầu khói sóng cuộn mênh mông.
Kiếp trần mấy độ thay quang cảnh,
Nào thấy Đông A dạo gót rồng.

VII

Tiết cứng sương dầm những vượt qua,
Thanh tao trong sạch đứng đầu hoa.
Hư tâm gặp gỡ người quân tử,
Nhà ngọc vui cùng bạn lứa ta.

VIII

Sườn núi lơ thơ tư liễu buông,
Ngõ nhà xử sĩ đất Tầm Dương.
Đầu cầu bóng xế nao nao khách,
Roi thét lưng lừa, trập vẫn mang.

ĐÀO PHƯƠNG BÌNH

MỤC LỤC

TẬP II

TỈNH SÀ KỲ HÀNH

	Trang
99. Xuất quan	7
100. (Xem phụ lục ở tập III)	8
101. (.....)	8
102. Họa đáp Vũ Công bộ	9
103. (Xem phụ lục ở tập III)	10
104. (.....)	10
105. (.....)	10
106. Quảng thành công quán cung trị tiên tỷ hủy thần, hựu phụng tiên khảo hạ tế lễ, tảo khởi cảm tác	11
107, 108. (Xem phụ lục ở tập III)	12
109. Thư hoài gián Đoàn hàn lâm	12
110 — 112. (Xem phụ lục ở tập III)	14
113. Chu trình dạ tiến tức sự	14
114 — 117. (Xem phụ lục ở tập III)	15
118. Độ Tầm Dương giang vọng Tỳ Bà đình	16
119. Thư hoài đáp Vũ công bộ	18
120 — 122. (Xem phụ lục ở tập III)	19
123. Võ Xương dịch thứ phụ quốc thư ký Ngô Binh bộ	19
124. Họa tiễn Thanh Phong Ngô Hàn Lâm sứ hồi	21
125 — 127. (Xem phụ lục ở tập III)	22
128. (.....)	22
129, 130. (Xem phụ lục ở tập III)	22
131. Tiền khảo sinh thời cảm tác	23
132. (.....)	24
133 — 136. (Xem phụ lục ở tập III)	24
137 — 145. (.....)	24
146. (Xem phụ lục ở tập III)	24
147, — 148. (.....)	24
149. (Xem phụ lục ở tập III)	24
150. Khách quán trung thu	25
151. (Xem phụ lục ở tập III)	26
152. (.....)	26

Trang

153. (Xem phụ lục ở tập III) 26
154. (.....) 26
155. Dạ giản xa hành ỷ Vũ công bộ vận 26
156 — 159. (Xem phụ lục ở tập III) 27
160. Du Hoàng Hạc lâu 28
161. Tạc lai Hoàng Hạc lâu hữu thi thiếp kỳ Ngô Bình Bộ, kim hồi du tư lâu tái ỷ tiền vận phi kỳ 30
162. Hán thủy chu trình 32
163. (Xem phụ lục ở tập III) 33
164. Phong phàm quá hồ, kinh dung Lã tiền + Lãng ngâm phi quá Động Đình hồ - chi cú 34
165. (Xem phụ lục ở tập III) 35
166. Vọng Tam Lư đại phụ miếu 35
167. (Xem phụ lục ở tập III) 36
168. Tương thanh dạ bạc 37
169. Quế Lâm giang trình thư kỳ Ngô Bình Bộ, ỷ Hoàng Hạc lâu tiền vận 39
170. Ly giang kỳ kiến 40
171. Tô Ngũ Hiểm than 42
172. Lệ Giang đạo trung ức gia hương 43
173. (Xem phụ lục ở tập III) 44
174. Sùng Thiên giang trình 45
175 — 176. (....) 45
177. Hồi trình khải quan 46
178. Sứ hồi đề sơn gia 48

DẬT THI LƯỢC TOÁN

179. Tân hợi sơ xuân sơn gia bi hỏa ngẫu kỳ 51
180. Tề đường đàm lẽ cảm tác 53
181. Thu phụng chiếu ban giáo đạo Tiết chế công đặc mệnh ngẫu thuật 55
182. Sơ đông phụng chỉ tứ Dực vận công thần 57
183. Phụng cải thiên tôn phần cảm tác 59
184. Nhâm tý xuân họa đáp Phiên phủ Tùy giảng tham mưu Uông Đại Bùi hầu 61
185. Xuân trung khuê dạng quải hoài ngẫu thuật 63
186. Sơ hạ phụng triệu Nam hành, đăng trình kỳ muộn 65
187. Đào gia quán ngẫu phú 66
188. Tiền kinh triều yết ngật kỳ sự 68
189. Hạ trung tiếp đáo khuê vi hưng tần, ai cảm kỳ thực 70
190 — 191. Thu phụng quốc tang, cảm thuật 73
192. Đông quý phụng phó Bắc thành công cán, thuật hoài 76
193 — 196. (.....) 77
197. Hạ quý cầu đề vu Bích Câu cựu doanh thổ, công thuyên kỳ hoài 78
198. (.....) 79
199. Họa đáp Chi Phong Nguyễn khê 80

	Trang
200. Đông quý gia miêu tàn hoàn, cung kỷ	81
201. Nam cận đăng trình ngẫu đắc	83
202. Đề gia quán, lâm ngũ đệ mộ hữu cảm	84
203. Xuân đề ký sự	86
204. Tiên khảo húy thần cảm tác	87
205. Tiên thất đại tường lễ cảm tác	89
206. Thứ tặng quán tân Phan Biên tu	90
207. Thứ tiễn vận thị chư nhi	92
208. Ký Hiệu lý xá đệ	94
209. Họa tiễn Hình thị Thanh Phái Lê hầu phó Hòa Nghĩa nhậm	95
210. Tiễn Bính bộ Tả phụng nghị Nghi thành Nguyễn Hầu phó Quy Nhơn thành	98
211. Thu sơ thư hoài	102
212. Viễn trang vãn điếu tức sự	103
213. Thứ tiễn vận ký thị chư nhi	105
214 — 215. Thứ vận ký thị Hiệu lý xá đệ	107
216 — 217. Thứ vận ký thị Biên tu quyến khế	110
218 — 219. Đáp thị chư nữ quyến	113
220. Đáng Vân Miêu ký kiến	115
221. Phòng Thiên Mụ tự chỉ tác	118
222 — 224. Trung thu vô nguyệt, túy trung ngẫu đắc tam tuyệt	120
225 — 227. (Vô đề)	121
228. Họa đáp Hình bộ hữu đồng nghị Hạo Trạch Vũ hầu	125
229. Họa đáp Thị trung dã chiêu Thượng thư Trường Nguyên Ninh hầu	127
230. Trùng dương nhật đồ ngộ Hải Phái Đoàn khế tự bắc hồi, tuân trì gia tín, tiêu chước tác biệt ngẫu đắc	128
231. Đông Hải trở phong, trú túc Cừ Hà phế tự thu tiêu tức sự	130
232. Hồi gia quán điếu trị tiên công tự nghi, kinh thuật dĩ minh	132
233. Kinh Hào Môn cựu chiến địa ngẫu cảm	134
234. Đồ Dương Xá giang vọng Đại Khánh chư phong truy hoài cựu du	136
235. Kinh Sơn Nam thượng lộ cụ tuân thu sơ thủy tại ngẫu thành	138
236 — 237. Sơ đông phó đế khẩu chiêm nhi tuyệt	141
238. Phụng hành Bắc thành Hình bộ, sơ tựu lý sự thuật hoài	142
239 — 240. Bắc thành hỏa tai ngẫu ký nhị tuyệt	144
241. Ất mão xuân đán, sơn gia ký hứng	145
242. Xuân trung phụng giám đốc Sơn Nam đề vụ ký sự	147
243. Sơ hạ thư hoài, tặng Hình bộ đồng nghị Hạo Trạch Vũ hầu	149
244. (.....)	150
245. (.....)	150
246. (.....)	150
247. Mạnh xuân hạ cán nghinh tiên khuê thần chủ thăng phụ gia miếu ký hoài	150
248 — 255. Bảo Chân quán hiên bích họa đồ bát tuyệt	154

DỤ ÁM NGÂM LỤC

II

Biên tập : TRẦN VIỆT

Sửa bản in : THU GIANG-
CUNG HIỆP

Trình bày : HOÀNG TRƯỜNG

In 8.700 cuốn tại Nhà máy in Trần Phú, TP Hồ Chí Minh
Khổ : 15 " 22 — Số in : 169 — Số xuất bản : 36/KHXH
In xong ngày 30-11-1978 — Gửi lưu chiểu tháng 12-1978